



HAGL Agrico



CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC



MỤC LỤC

02

Thông tin chung	02
Các chỉ số tài chính cơ bản	04
Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	06
Quá trình hình thành và phát triển	08
Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý Công ty	10
Thông tin các Công ty con và liên kết	12

16

Lĩnh vực và địa bàn kinh doanh	16
Định hướng phát triển của HAGL Agrico	26

30

Thông tin Hội đồng Quản trị	30
Thông tin Ban Tổng Giám Đốc	34
Thông tin Ban Kiểm soát	38

42

Báo cáo tình hình hoạt động năm 2015	42
+ Diễn biến chỉ tiêu doanh thu theo ngành	
+ Tổ chức nhân sự	
+ Tình hình tài chính	
+ Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án đến 31/12/2015	
+ Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	52
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	58

62

Hoạt động Quản trị Công ty	62
+ Hoạt động của Hội đồng Quản trị	
+ Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát	
+ Các nhân tố rủi ro	

72

Báo cáo phát triển bền vững	72
+ Phát triển kinh tế bền vững	
+ Phát triển kinh tế gắn liền với phát triển cộng đồng	
+ Hoạt động bảo vệ môi trường	
+ Chính sách đối với người lao động	

78

Báo cáo tài chính	78
-------------------	----

TRIẾT LÝ KINH DOANH

Một doanh nghiệp được đánh giá cao là một doanh nghiệp phải tạo lập được sự an toàn và ổn định trong hoạt động của mình; Tạo ra lợi nhuận bền vững; Và thị phần liên tục được mở rộng và tăng trưởng.

SỨ MỆNH

Áp dụng công nghệ cao trong nông nghiệp để khai thác tiềm năng đất đai nhằm tạo ra các hàng hóa nông nghiệp hữu ích, cung ứng cho ngành công nghiệp chế biến trong và ngoài nước.

TÂM NHÌN

Trở thành Công ty nông nghiệp có quỹ đất lớn, phát triển bền vững và đa dạng tại Việt Nam, Lào và Campuchia. HAGL Agrico trở thành thương hiệu Việt Nam được nhiều người biết đến, mang đến sự tự hào cho Việt Nam tại khu vực Đông Nam Á.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tôn trọng: Tôn trọng bản thân; Tôn trọng đồng nghiệp; Tôn trọng Công ty; Tôn trọng đối tác; Và hợp tác trong sự tôn trọng.

Tuân thủ: Tuân thủ luật pháp và các quy định của Việt Nam, Lào, Campuchia. Tuân thủ quy định, chính sách của Công ty.

Sẵn sàng vượt khó: Sẵn sàng đối đầu với thử thách, nỗ lực và quyết tâm tìm mọi giải pháp để vượt qua.



THÔNG TIN CHUNG



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI

Tên giao dịch:

Tên Công ty bằng tiếng Việt:
**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế
Hoàng Anh Gia Lai**

Tên Công ty bằng tiếng Anh:
**Hoang Anh Gia Lai Agricultural
Joint Stock Company**

Tên viết tắt:
HAGL AGRICO

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh
Gia Lai cấp lần đầu ngày 26/5/2010 và đăng ký
thay đổi lần thứ 14 ngày 08/03/2016

Địa chỉ trụ sở chính:

📍 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng,
Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

☎ (84.59) 22 22 283

📠 (84.59) 22 22 218

🌐 www.haagrico.com.vn



Vốn điều lệ: (vốn đầu tư của chủ sở hữu)

7.671.438.950.000 VNĐ



Mã cổ phiếu:

HNG



Mệnh giá cổ phần:

10.000 VNĐ



Tổng số cổ phần:

767.143.895





CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

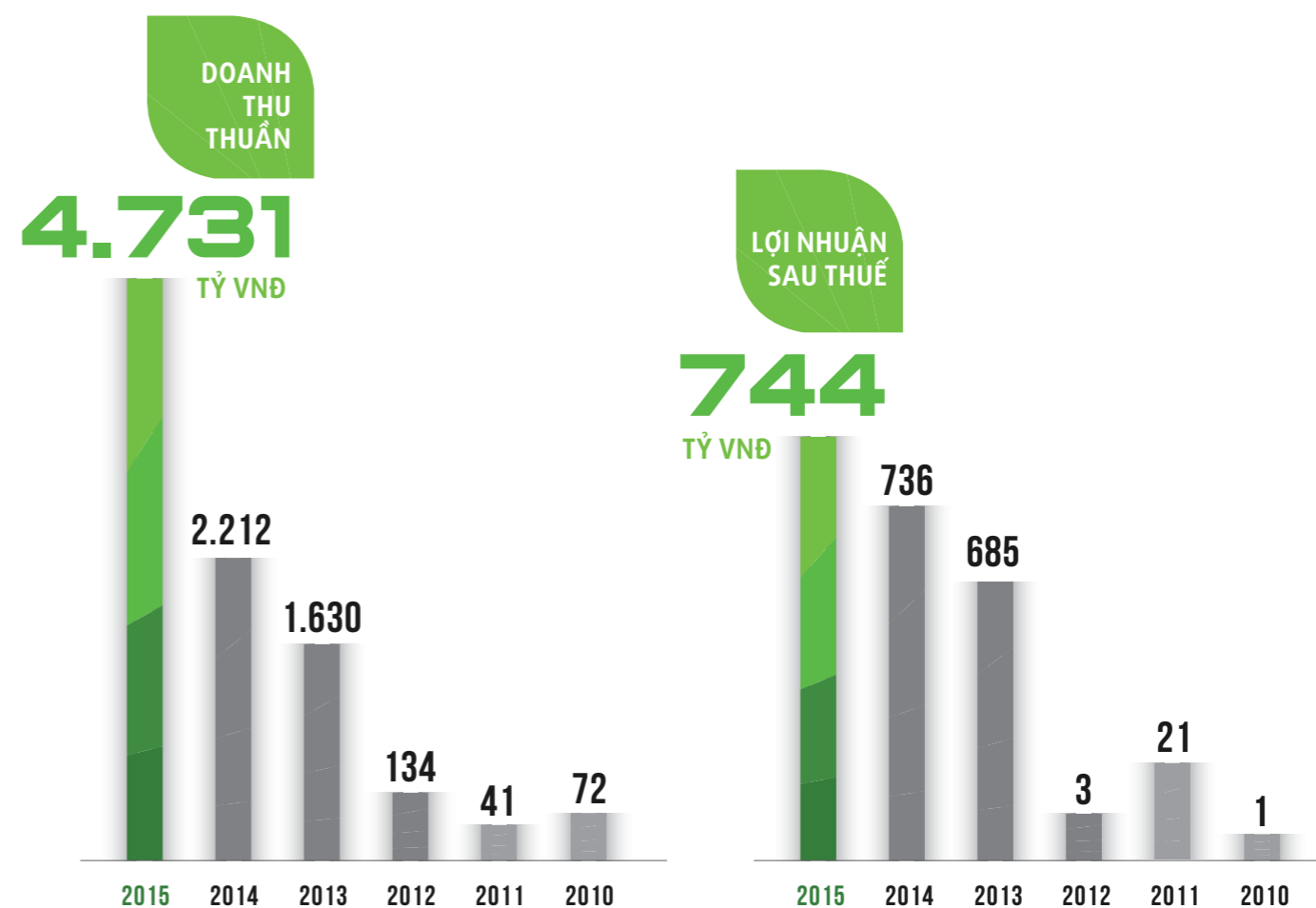
ĐVT: Tỷ VNĐ

Kết thúc 31/12	2015	2014	2013	2012	2011	2010
KẾT QUẢ KINH DOANH						
Tổng doanh thu	4.731	2.212	1.630	134	42	72
Doanh thu thuần	4.731	2.212	1.630	134	41	72
Lợi nhuận gộp	1.237	1.028	915	40	8	21
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	823	670	681	2	26	2
Lãi/lỗ khác	(108)	78	(2)	1	1	0
Lợi nhuận trước thuế	715	747	679	2	27	2
Lợi nhuận sau thuế	744	736	685	3	21	1
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	1.093	1.233	1.574	(20)	116	20
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN						
Tài sản ngắn hạn	7.221	4.732	3.342	3.577	2.815	533
Trong đó: Hàng tồn kho	2.966	1.141	798	480	377	242
Tài sản dài hạn	19.881	12.392	9.899	6.994	3.075	1.295
Tổng tài sản	27.102	17.124	13.241	10.571	5.890	1.828
Vay và nợ ngắn hạn	3.127	3.728	690	165	476	144
Nợ ngắn hạn khác	3.903	2.554	1.425	724	691	471
Vay và nợ dài hạn	9.109	3.621	4.779	4.371	908	476
Nợ dài hạn khác	1.083	366	143	0	0	0
Tổng nợ phải trả	17.222	10.269	7.037	5.260	2.075	1.091
Vốn chủ sở hữu	9.654	6.833	6.182	5.225	3.721	642
Lợi ích cổ đông thiểu số	226	22	22	86	94	95
Tổng nguồn vốn	27.102	17.124	13.241	10.571	5.890	1.828
LƯU CHUYỂN DÒNG TIỀN						
Lợi nhuận trước thuế	715	747	679	2	27	2
Khấu hao và hao mòn	333	208	143	37	19	8
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	1.366	1.134	981	40	10	11
Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	1.378	(559)	547	320	(89)	(22)

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN (tiếp theo)

ĐVT: Tỷ VNĐ

Kết thúc 31/12 (tiếp theo)	2015	2014	2013	2012	2011	2010
LƯU CHUYỂN DÒNG TIỀN (tiếp theo)						
Dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(6.458)	(1.802)	(3.803)	(2.922)	(2.591)	(499)
Dòng tiền thuần từ hoạt động tài chính	5.365	2.258	1.883	3.747	2.837	541
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	332	47	150	1.524	378	21





THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“Chúng tôi cam kết sẽ nỗ lực hết sức để vượt qua khó khăn, duy trì và phát triển khối tài sản to lớn mà chúng tôi đang quản lý để mang lại giá trị cao nhất. Chúng tôi thật sự cần có đủ thời gian và cần sự kiên nhẫn của cổ đông và nhà đầu tư”

Ông Đoàn Nguyên Đức
- Chủ tịch HĐQT

Kính thưa quý cổ đông và nhà đầu tư!

Đầu tiên, tôi xin thay mặt Hội đồng Quản trị gửi lời cảm ơn tới quý cổ đông và các nhà đầu tư đã đồng hành cùng HAGL Agrico trong thời gian qua.

Đối với HAGL Agrico, năm 2015 là một năm đầy khó khăn và thử thách. Sự sụt giảm quá sâu của giá cao su từ mức đỉnh 5.750 USD/tấn trong tháng 2/2011 xuống còn khoảng 1.000 USD/tấn và hiện tượng El Nino đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Điều này dẫn tới kết quả doanh thu và lợi nhuận năm vừa qua không đạt được như kỳ vọng. Chúng tôi rất mong nhận được sự cảm thông của quý cổ đông và nhà đầu tư. Chúng tôi cam kết sẽ nỗ lực hết sức để vượt qua khó khăn, duy trì và phát triển khối tài sản to lớn mà chúng tôi đang quản lý để mang lại giá trị cao nhất. Chúng tôi thật sự cần có đủ thời gian và cần sự kiên nhẫn của cổ đông và nhà đầu tư.

Nhìn nhận lại hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2015, có thể thấy với một công ty sở hữu diện tích trồng cao su, cọ dầu rất lớn thì khi giá cao su và dầu cọ thô giảm xuống quá thấp đã trực tiếp tác động xấu đến hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty. Chi phí sản xuất trung bình mỗi tấn mù cao su của HAGL Agrico trong năm 2015 khoảng 35 triệu đồng/tấn (đã bao gồm chi phí lãi vay và khấu hao). Chi phí này là tương đương với mức trung bình ngành. Tuy nhiên, với mức giá giảm sâu của cao su thì ngay cả những nông trường có chi phí thấp nhất và năng suất cao cũng khó có thể hòa vốn. Vì vậy, HAGL Agrico đã chủ động hạn chế mở rộng diện tích cạo mù, chờ đợi giá cao su phục hồi.

Trong năm 2015, Công ty tiêu thụ được 66.337 con bò, mang lại doanh thu 2.541 tỷ đồng, chiếm 54% tổng doanh thu. Tuy nhiên, đối với ngành chăn nuôi, do ảnh hưởng không thuận lợi của thời tiết đến đồng cỏ nên số lượng bò tiêu thụ và lợi nhuận biên cũng không đạt như kỳ vọng. Điểm sáng duy nhất là ngành sản xuất mía đường vẫn duy trì được năng suất và sản lượng, đạt doanh thu như kế hoạch. Tuy nhiên, xét về tổng thể, năm 2015 là năm khó khăn đối với Công ty khi hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận, đều không đạt được.

Đối với tình hình đầu tư, trong năm 2015 Công ty không trồng thêm bất kỳ diện tích các loại cây ở mức 90.000 ha. Trong đó, diện tích cao su là 38.428 ha, diện tích cọ dầu là 28.626 ha, diện tích mía đường là 6.000 ha, còn lại là diện tích các loại cây trồng khác.

Sang năm 2016, Công ty cố gắng giảm chi phí đầu tư, chủ yếu thực hiện đầu tư cho việc duy trì và chăm sóc vườn cây thời kỳ kiến thiết cơ bản và hoàn thành nhà máy chế biến. Dự kiến vận hành thử nhà máy chế biến đầu cọ tại Campuchia từ Quý III/2016 và hoàn thành nhà máy chế biến đầu cọ tại Lào vào nửa đầu năm 2017.

Trong năm 2015, Công ty cũng đã có nhiều hoạt động liên quan đến phát triển bền vững. Ngoài những giá trị đóng góp trực tiếp cho ngân sách địa phương và Nhà nước, việc Công ty đầu tư vào các dự án với quy mô lớn tại Việt Nam, Lào, và Campuchia đã tạo điều kiện và lực đẩy mạnh mẽ phát triển kinh tế vùng dự án thông qua việc tạo công ăn việc làm cho hàng ngàn người dân. Với việc tiên phong trong đầu tư công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp, HAGL Agrico đã góp phần từng bước thay đổi tập quán sản xuất truyền thống thủ công sang sản xuất hiện đại, định canh định cư, góp phần cải thiện đời sống, mang lại thu nhập cho người dân quanh

vùng dự án. Việc đầu tư mạnh tại Lào và Campuchia, với những thành công to lớn bước đầu trong hoạt động kinh doanh, HAGL Agrico đã nhận được sự công nhận từ Chính phủ các nước, góp phần thắt chặt mối quan hệ hữu nghị với các nước bạn, thúc đẩy giao lưu thương mại giữa các nước, từ đó góp phần đẩy mạnh sự phát triển kinh tế trong khu vực.

Bước vào năm 2016, giá cao su đã có dấu hiệu phục hồi tăng trở lại, chủ yếu do nguồn cung giảm và sự hồi phục của giá dầu. Đồng thời với vai trò chủ đạo và không thể thay thế của cao su thiên nhiên trong nền công nghiệp sản xuất lốp xe sẽ là một trong những yếu tố thúc đẩy giá cao su hồi phục. Giá dầu cọ cũng được dự kiến sẽ tăng nhẹ vì vai trò chủ đạo và vị trí không thể thay thế của nó trong số các loại dầu và nguồn cung chất béo trên thế giới. Nhu cầu đối với dầu cọ vẫn được kỳ vọng sẽ duy trì mức tăng trưởng bình quân 6,7%/năm, nhờ vào lĩnh vực sản xuất nhiên liệu sinh học tại châu Á đang phát triển cùng mức tăng trưởng tiêu thụ thực phẩm tốt ở Trung Quốc và Ấn Độ. Do đó, chúng tôi hy vọng năm 2016 cầu sẽ vượt cung và giá sẽ bắt đầu tăng trở lại.

Về ngành mía đường, Công ty cũng được ưu đãi nhập khẩu với thuế suất 0% theo Hiệp định thương mại biên giới.

Đối với ngành chăn nuôi, tuy chỉ mới đi vào hoạt động nhưng đã mang lại doanh thu đáng kể chiếm tới 54% tổng doanh thu của Công ty. Vì thế, đây vẫn là ngành nghề chủ đạo của Công ty trong định hướng phát triển sắp tới.

Về hoạt động tài chính, hiện nay Công ty gặp khó khăn về dòng tiền, tuy nhiên khó khăn này chỉ là tạm thời vì các dự án đầu tư của Công ty đều có nhiều tài sản có giá trị, có khả năng tạo ra dòng tiền để trả nợ nếu được tiếp tục đầu tư, chăm sóc và tăng cường quản lý hơn nữa. Với việc thực hiện tái cơ cấu nợ thì chúng tôi tự tin sẽ vượt qua khó khăn và tiếp tục phát triển.

Cuối cùng, chúng tôi muốn cảm ơn tất cả mọi người, trong đó có các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và các nhân viên, những người đã cố gắng và đồng hành cùng HAGL Agrico vượt qua khó khăn. Chúng tôi cũng muốn tỏ lòng biết ơn đến các đối tác kinh doanh, khách hàng và các cổ đông đã hỗ trợ liên tục trong những năm qua.

Chủ tịch HĐQT

ĐOÀN NGUYỄN ĐỨC



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

THÀNH LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HOÀNG ANH GIA LAI



PHÁT TRIỂN LĨNH VỰC MÍA ĐƯỜNG VÀ XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN MŨ CAO SU

- Khởi công xây dựng cụm Công nghiệp Mía đường tại Attapeu
- Khởi công xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su, công suất 25.000 tấn/năm

TĂNG CƯỜNG ĐẦU TƯ VÀ ĐÓNG GÓP CHO CỘNG ĐỒNG LÀO

- Khánh thành cụm công nghiệp Mía đường và nhà máy chế biến mủ cao su
- Động thổ dự án sân bay quốc tế Nong Khang, tỉnh Hủa Phăn, Lào vào ngày 14/03/2013



PHÁT TRIỂN MẠNH LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ ĐẠI CHÚNG HÓA CÔNG TY

- Tháng 4 năm 2015, đổi tên Công ty từ Công ty cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai thành Công ty cổ phần Nông nghiệp quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
- Tháng 5 năm 2015, Công ty khánh thành và bàn giao sân bay quốc tế Hoàng Anh Attapeu
- Khởi công xây dựng nhà máy dầu cọ công suất 30 tấn buồng quả tươi/giờ tại Lào

2010

2011

2012

2013

2014

2015



PHÁT TRIỂN MẠNH HOẠT ĐỘNG TRỒNG TRỌT

- Ký hợp đồng thuê đất với Chính phủ Lào và Campuchia, mở rộng hoạt động đầu tư ra nước ngoài



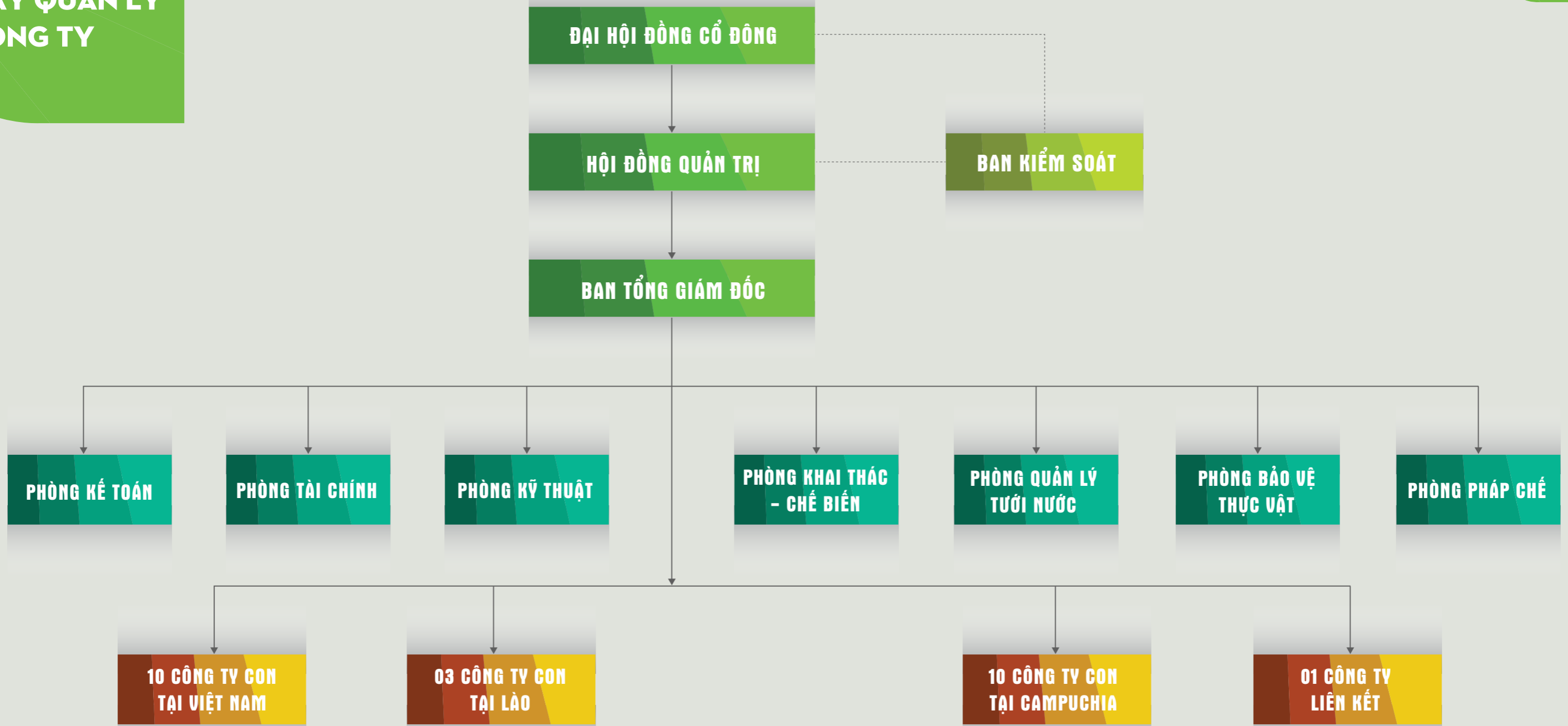
HOÀN TẤT TRỒNG CAO SU VÀ THAM GIA LĨNH VỰC CHĂN NUÔI

- Hoàn thành việc trồng trọt 38.428 ha cao su
- Tham gia lĩnh vực chăn nuôi bò thịt
- Khởi công Xây dựng nhà máy dầu cọ 45 tấn buồng quả tươi/giờ tại Campuchia



- Tăng vốn điều lệ từ 3.990.670.000.000 VNĐ lên 7.081.438.950.000 VNĐ (i) Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Cán bộ công nhân viên, (ii) Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty mẹ Hoàng Anh Gia Lai và (iii) Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ngày 10/7

**SƠ ĐỒ
CƠ CẤU BỘ
MÁY QUẢN LÝ
CÔNG TY**



THÔNG TIN CÁC CÔNG TY CON & LIÊN KẾT

CÁC CÔNG TY CON

01. CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HOÀNG ANH - QUANG MINH

Trụ sở: Gia Lai, Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu: **97,77 %**
Vốn điều lệ: 200.000.000.000 VNĐ
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su, trồng mía; Chăn nuôi trâu, bò.

02. CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH ĐẮK LẮK

Trụ sở: Đắk Lắk, Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu: **99,53 %**
Vốn điều lệ: 320.000.000.000 VNĐ
Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh bất động sản; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su, hồ tiêu, cà phê; Trồng cỏ.

03. CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BAN MÊ

Trụ sở: Đắk Lắk, Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu: **99,45 %**
Vốn điều lệ: 25.000.000.000 VNĐ
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng, khai thác, chế biến cao su.

04. CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG ANH GIA LAI

Trụ sở: Gia Lai, Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu: **100,00 %**
Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VNĐ
Lĩnh vực kinh doanh: Xuất nhập khẩu các sản phẩm được sản xuất từ mía, đường, cọ dầu, cao su; Mua bán phân bón; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác.

05. CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG HOÀNG ANH GIA LAI

Trụ sở: Gia Lai, Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu: **99,99 %**
Vốn điều lệ: 815.000.000.000 VNĐ
Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất đường; Trồng cây mía, cao su; Hoạt động dịch vụ trồng trọt.

06. CÔNG TY CỔ PHẦN BÒ SỮA TÂY NGUYÊN

Trụ sở: Gia Lai, Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu: **99,00 %**
Vốn điều lệ: 550.000.000.000 VNĐ
Lĩnh vực kinh doanh: Chăn nuôi trâu, bò; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; Hoạt động dịch vụ trồng trọt.

07. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG PÊNH

Trụ sở: Gia Lai, Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu: **99,70 %**
Vốn điều lệ: 200.000.000.000 VNĐ
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, cây có hạt, quả chứa dầu

08. CÔNG TY CỔ PHẦN AN ĐÔNG MIA

Trụ sở: Gia Lai, Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu: **69,50 %**
Vốn điều lệ: 200.000.000.000 VNĐ
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, cây có hạt, quả chứa dầu.

09. CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG NGHIỆP CAO SU HOÀNG ANH - QUANG MINH

Trụ sở: Attapeu, Lào
Tỷ lệ sở hữu: **97,77 %**
Vốn điều lệ: 40.000.000 USD
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, chế biến mủ cao su.

10. CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HOÀNG ANH ATTAPEU

Trụ sở: Attapeu, Lào
Tỷ lệ sở hữu: **100,00 %**
Vốn điều lệ: 85.000.000 USD
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, chế biến mủ cao su; Trồng cây cọ dầu, chế biến tinh cọ dầu.

11. CÔNG TY TNHH MÍA ĐƯỜNG HOÀNG ANH ATTAPEU

Trụ sở: Attapeu, Lào
Tỷ lệ sở hữu: **99,99 %**
Vốn điều lệ: 35.000.000 USD
Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất đường; Trồng cây mía, cao su; Hoạt động dịch vụ trồng trọt.

12. CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH ANDONG MEAS

Trụ sở: Rattanakiri, Campuchia
Tỷ lệ sở hữu: **97,77 %**
Vốn điều lệ: 42.500.000 USD
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cọ dầu, chế biến tinh cọ dầu.

13. CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH OYADAV

Trụ sở: Rattanakiri, Campuchia
Tỷ lệ sở hữu: **100,00 %**
Vốn điều lệ: 67.000.000 USD
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, chế biến mủ cao su.

14. CÔNG TY TNHH HENG BROTHERS

Trụ sở: Rattanakiri, Campuchia
Tỷ lệ sở hữu: **100,00 %**
Vốn điều lệ: 17.000.000 USD
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, chế biến mủ cao su.

15. CÔNG TY TNHH CRD

Trụ sở: Rattanakiri, Campuchia
Tỷ lệ sở hữu: **100,00 %**
Vốn điều lệ: 57.000.000 USD
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, chế biến mủ cao su.

16. CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH RATTANAKIRI

Trụ sở: Rattanakiri, Campuchia
Tỷ lệ sở hữu: **100,00 %**
Vốn điều lệ: 16.000.000 USD
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, chế biến mủ cao su.

17. CÔNG TY TNHH DAUN PENH AGRICO

Trụ sở: Rattanakiri, Campuchia
Tỷ lệ sở hữu: **100,00 %**
Vốn điều lệ: 1.000.000 USD
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cọ dầu và xây dựng nhà máy chế biến cọ dầu.

18. CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH LUMPHAT

Trụ sở: Rattanakiri, Campuchia
Tỷ lệ sở hữu: **100,00 %**
Vốn điều lệ: 44.236.800 USD
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, cây cọ dầu và xây dựng nhà máy chế biến cọ dầu.

19. CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CAO SU ĐÔNG DƯƠNG

Trụ sở: TP.HCM, Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu: **100,00 %**
Vốn điều lệ: 1.465.000.000.000 VNĐ
Trồng cây cao su và chế biến các sản phẩm từ cao su, trồng rừng và chăm sóc rừng, Xây dựng nhà, công trình dân dụng, bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác, vận tải hàng hóa.

20. CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ CAO SU ĐÔNG ÂU

Trụ sở: TP.HCM, Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu: **100,00 %**
Vốn điều lệ: 300.000.000.000 VNĐ
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su và chế biến các sản phẩm từ cao su, trồng rừng và chăm sóc rừng, Xây dựng nhà, công trình dân dụng, bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác, vận tải hàng hóa.

21. CÔNG TY TNHH EASTERN RUBBER

Trụ sở: Kratie, Campuchia
Tỷ lệ sở hữu: **100,00 %**
Vốn điều lệ: 49.000.000 USD
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su và xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su.

22. CÔNG TY TNHH CAO SU BÌNH PHƯỚC KRATIE 2

Trụ sở: Kratie, Campuchia
Tỷ lệ sở hữu: **100,00 %**
Vốn điều lệ: 49.000.000 USD
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su và xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su

23. CÔNG TY TNHH SOVAN VUTHY

Trụ sở: Kratie, Campuchia
Tỷ lệ sở hữu: **100,00 %**
Vốn điều lệ: 20.000.000 KHR
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, chế biến mủ cao su.

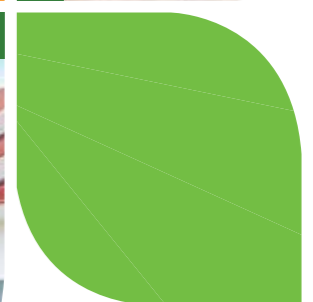
CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BIDIPHAR

Vốn điều lệ: **212.800.000.000 VNĐ**
Lĩnh vực kinh doanh: **Trồng cây cao su.**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tỷ lệ sở hữu: **47,80 %**
Giá trị ghi sổ: **273.175.991.000 VNĐ**

Danh sách được cập nhật tới thời điểm 31/03/2016



01. Sân bay quốc tế HA Attapeu
02. Cụm nhà máy mía đường Attapeu



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2015

NĂM BẮT CƠ HỘI

Năm 2015 đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong sự phát triển của HAGL Agrico khi Công ty thực hiện niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là cơ hội giúp Công ty có điều kiện để tiếp tục nâng cao năng lực tài chính, tăng cường tính minh bạch cũng như củng cố thương hiệu trên thị trường. Là tiền đề để Công ty thực hiện công việc tiếp theo là lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, phát hành tăng vốn, tiến tới mục tiêu chiến lược trở thành Công ty cổ phần đa sở hữu, hoạt động theo thông lệ quốc tế, có chất lượng và hiệu quả quản trị hàng đầu trong cộng đồng doanh nghiệp tại Việt Nam.



LĨNH VỰC & ĐỊA BÀN KINH DOANH

CHĂN NUÔI BÒ



HAGL Agrico bắt đầu hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi bò thịt từ giữa năm 2014 và chọn giống bò Brahman Úc làm sản phẩm chính của Công ty trong giai đoạn đầu.

TỔNG NHẬP 2015
130.000 CON

TRỒNG & CHẾ BIẾN CỌ DẦU



Tính đến cuối năm 2015, HAGL Agrico đã trồng được 28.626 ha cọ dầu, trong đó tại tỉnh Attapeu, Lào là 7.055 ha và tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia là 21.571 ha.

DIỆN TÍCH TRỒNG
28.626 HA

MÍA ĐƯỜNG & NHIỆT ĐIỆN



HAGL Agrico đã hoàn tất đầu tư cụm công nghiệp mía đường tại huyện Samakhixay và Phouvong, tỉnh Attapeu và đưa vào vận hành từ tháng 2 năm 2013.

DIỆN TÍCH TRỒNG
6.000 HA

TRỒNG & CHẾ BIẾN MỦ CAO SU



HAGL Agrico đã trồng được 38.428 ha cao su, trong đó 22.177 ha tại Lào, 2.394 ha tại Việt Nam và tại Campuchia là 13.857 ha.

DIỆN TÍCH TRỒNG
38.428 HA



CHĂN NUÔI BÒ THỊT



TỔNG NHẬP 2015

130.000 CON

HAGL AGRICO BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC CHĂN NUÔI BÒ THỊT TỪ GIỮA NĂM 2014 VÀ CHỌN GIỐNG BÒ BRAHMAN ÚC LÀM SẢN PHẨM CHÍNH CỦA CÔNG TY TRONG GIAI ĐOẠN ĐẦU.

Bò được nhập về sau khi Công ty cùng các đối tác giết mổ đã đáp ứng được các tiêu chuẩn Hệ thống Đảm bảo chất lượng chuỗi cung ứng của nhà xuất khẩu do Chính phủ Úc quy định (Exporter Supply Chain Assurance System, gọi tắt là ESCAS) để giám sát động vật xuất khẩu của Australia tới các lò giết mổ đảm bảo rằng động vật được đối xử nhân đạo.

Công ty đã tiến hành trồng cỏ voi Pakchong và tận dụng tối đa các phụ phẩm nông nghiệp như đợt mía, mật đường, hạt bắp, thân bắp, bã nhân cọ dầu để chủ động nguồn thức ăn cho bò, gia tăng tính khép kín trong hoạt động nông nghiệp.

Tổng số lượng nhập tới cuối năm 2015 là
130.000 con

Tổng số lượng xuất tới cuối năm 2015 là
66.337 con

với doanh thu
2.541 tỷ



TRỒNG & CHẾ BIẾN CỌ DẦU



DIỆN TÍCH TRỒNG 28.626 HA

TÍNH ĐẾN CUỐI NĂM 2015, HAGL AGRICO ĐÃ TRỒNG ĐƯỢC 28.626 HA CỌ DẦU, TRONG ĐÓ, TẠI TỈNH ATTAPEU VÀ SEKONG, LÀO LÀ 7.055 HA VÀ TẠI TỈNH RATTANAKIRI, CAMPUCHIA LÀ 21.571 HA.

Toàn bộ diện tích được trang bị hệ thống tưới nhỏ giọt của Israel để tăng năng suất và đảm bảo sinh trưởng của cây trồng trong mùa khô.

Công ty đang hoàn thiện và chuẩn bị đưa vào hoạt động nhà máy chế biến với công suất 45 tấn buồng quả tươi/giờ tại Campuchia và đang tiến hành xây dựng thêm nhà máy chế biến với công suất 30 tấn buồng quả tươi/giờ tại Lào.



TRỒNG & CHẾ BIẾN MÍA ĐƯỜNG



DIỆN TÍCH TRỒNG 6.000 HA

HAGL AGRICO ĐÃ HOÀN TẤT ĐẦU TƯ CỤM CÔNG NGHIỆP MÍA ĐƯỜNG TẠI HUYỆN SAMAKHIXAY VÀ PHOUVONG, TỈNH ATTAPEU

Cụm công nghiệp mía đường được đưa vào vận hành từ tháng 2 năm 2013. Dự án bao gồm một vùng nguyên liệu 6.000 ha, nhà máy đường công suất ép mía 7.000 tấn mía cây/ngày và nhà máy nhiệt điện 30MW tận dụng bã mía từ nhà máy ép để làm nhiên liệu đốt lò hơi phát điện.

Công ty áp dụng toàn bộ cơ giới hoá trong khâu trồng, chăm sóc và thu hoạch mía. Áp dụng công nghệ tưới nhỏ giọt để đạt được năng suất thu hoạch cao.

Sản phẩm chính của Công ty là đường trắng RS, là nguyên liệu chính để tiêu dùng hàng ngày và phục vụ cho ngành công nghiệp sản xuất bánh kẹo và sữa.

Năm 2015, HAGL Agrico đã nhập đường về tiêu thụ tại thị trường Việt Nam theo hạn ngạch được cấp là 50.000 tấn, với mức thuế suất nhập khẩu là 2,5%.



CÔNG SUẤT
7.000
TẤN MÍA CÂY/NGÀY

TRỒNG & CHẾ BIẾN CAO SU



DIỆN TÍCH TRỒNG 38.428 HA

HAGL AGRICO ĐÃ TRỒNG ĐƯỢC 38.428 HA CAO SU, TRONG ĐÓ 22.177 HA TẠI LÀO, 2.394 HA TẠI VIỆT NAM VÀ TẠI CAMPUCHIA LÀ 13.857 HA.

Công ty hiện đang vận hành một Nhà máy chế biến mủ cao su có công suất 25.000 tấn/năm tại Lào.

Dự kiến đến năm 2022, toàn bộ diện tích cao su sẽ được khai thác mủ.

Các sản phẩm mủ được sản xuất theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 3769: 2004.

Mủ SVR 3L: Được sản xuất từ mủ nước, dùng để chế tạo lốp xe, con lăn công nghiệp và các sản phẩm khác đòi hỏi cao su chất lượng cao, màu sáng. Ngoài ra SVR 3L còn được sử dụng thay thế một số loại cao su thiên nhiên khác do độ nhớt thấp, cho phép thời gian chế biến nhanh hơn.

Mủ SVR 10: Được sản xuất từ mủ đông, mủ tạp, dùng để sản xuất lốp xe, ống nước và các mặt hàng giày dép chất lượng cao.



CÔNG SUẤT
25.000
TẤN/NĂM

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA HAGL AGRICO



01. CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY:

- Hoạt động an toàn và bền vững
- Tạo ra lợi nhuận ổn định
- Thị phần liên tục được mở rộng và tăng trưởng

02. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN:

Công ty đã hoạch định và xây dựng chiến lược trong 5 năm tới như sau:

- **Về chiến lược Công ty:**
 - + Duy trì hoạt động theo mô hình Công ty mẹ, Công ty con. Chọn ngành cốt lõi là trồng trọt và chăn nuôi theo mối liên hệ liên kết dọc, sử dụng chung hạ tầng nông nghiệp.
 - + Sử dụng công nghệ cao trong nông nghiệp để tiết kiệm tài nguyên và tạo ra sự khác biệt
- **Về chiến lược kinh doanh:**
 - + Định vị là công ty trồng trọt và chăn nuôi đẳng cấp khu vực Đông Nam Á và hàng đầu Việt Nam.
 - + Sản phẩm chủ lực là cao su, dầu cọ, bò thịt, đường mía. Từng bước phát triển các sản phẩm nông nghiệp khác.



- + Khách hàng mục tiêu là các Công ty thuộc ngành công nghiệp chế biến sử dụng nguyên liệu từ nông nghiệp.
- + Lợi ích cốt lõi cho khách hàng là sự an tâm đối với sản phẩm nông nghiệp mang thương hiệu HAGL Agrico do tính rõ ràng và minh bạch trong việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

PHÁT HUY NĂNG LỰC CỐT LÕI

TẬN DỤNG ƯU THẾ QUỸ ĐẤT LỚN, LIÊN VÙNG, VÀ NGUỒN NƯỚC DỒI DÀO ĐỂ CÔNG TY CÓ THỂ VẬN DỤNG CÔNG NGHỆ CAO VÀO QUY TRÌNH SẢN XUẤT. NHỜ ĐÓ, ĐẨY MẠNH SẢN LƯỢNG CÂY TRỒNG, TIẾT KIỆM CHI PHÍ LAO ĐỘNG, VÀ CHỦ ĐỘNG ĐƯỢC THỜI VỤ TRỒNG.



THÔNG TIN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



01



02



03



04

- ▶ 01. **Đoàn Nguyên Đức**
Chủ tịch HĐQT
- ▶ 02. **Võ Trường Sơn**
Thành viên HĐQT
- ▶ 03. **Đoàn Nguyên Thu**
Thành viên HĐQT
- ▶ 04. **Nguyễn Xuân Thắng**
Thành viên HĐQT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ LÀ CƠ QUAN QUẢN TRỊ CÔNG TY, CÓ TOÀN QUYỀN NHÂN DANH CÔNG TY ĐỂ QUYẾT ĐỊNH, THỰC HIỆN CÁC QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY KHÔNG THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ĐHCĐ. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CÓ 07 THÀNH VIÊN, MỖI NIỆM KỶ TỐI ĐA LÀ 05 NĂM. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ DO HĐQT BẦU RA.

01. **ÔNG ĐOÀN NGUYỄN ĐỨC** Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: Đoàn Nguyên Đức
- Năm sinh: 1963
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 1992 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
 - + Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Chủ tịch HĐQT
 - + Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

02. **ÔNG VÕ TRƯỜNG SƠN** Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Võ Trường Sơn
- Năm sinh: 1973
- Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ tài chính, bằng CFA,
Cử nhân Luật,
Thành viên Hiệp hội Kế toán
Công chứng Anh Quốc
(ACCA), Hội viên Hiệp hội Kiểm toán
viên hành nghề Việt Nam (VACPA)
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 8/1996 đến tháng
11/2003: Công tác tại Công ty
Kiểm toán và Tư vấn A&C
 - + Từ tháng 11/2003 đến tháng
10/2008: Chủ nhiệm kiểm toán
cao cấp tại Công ty TNHH Ernst
& Young Việt Nam
 - + Từ tháng 10/2008 đến nay
Công tác tại Công ty Cổ phần
Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico:
Thành viên HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ
tại tổ chức khác:
Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần
Hoàng Anh Gia Lai

03. **ÔNG ĐOÀN NGUYỄN THU** Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Đoàn Nguyên Thu
- Năm sinh: 1977
- Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế của trường Đại học
Kinh tế Tp. HCM,
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Đại học Fullerton, Hoa Kỳ
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 1999 đến năm 2000
Công tác tại Công ty TNHH Hoàng
Anh Sài Gòn
 - + Từ năm 2003 đến năm 2004
Công tác tại Công ty TNHH Việt May
 - + Từ năm 2004 đến năm 2006
Công tác tại Xí nghiệp tư Doanh
Hoàng Anh
 - + Từ năm 2006 đến nay:
Công tác tại Công ty Cổ phần
Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico:
Thành viên HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ
tại tổ chức khác:
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần
Gỗ Hoàng Anh Gia Lai
 - + Phó Tổng Giám đốc Công ty
Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

04. **ÔNG NGUYỄN XUÂN THẮNG** Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Nguyễn Xuân Thắng
- Năm sinh: 1977
- Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế ngành Tài chính
doanh nghiệp
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 1999 đến năm 2000:
Công tác tại Công ty
Cà phê 15 – Bình Đoàn 15
 - + Từ năm 2000 đến năm 2003:
Công tác tại Công ty
TNHH Hưng Bình
 - + Từ năm 2003 đến năm 2004:
Công tác tại Công ty
TNHH Trung Hiếu
 - + Từ năm 2004 đến năm 2005:
Công tác tại Tổng công ty viễn
thông quân đội
 - + Từ năm 2005 đến năm 2007:
Công tác tại Trường trung học
lâm nghiệp Tây Nguyên
 - + Từ năm 2007 đến nay:
Công tác tại Công ty cổ phần
Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico:
Thành viên HĐQT
kiêm Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ
tại tổ chức khác:
Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần
Hoàng Anh Gia Lai



THÔNG TIN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

05



06



07



- ▶ 05. **Võ Thị Huyền Lan**
Thành viên HĐQT
- ▶ 06. **Nguyễn Ngọc Ánh**
Thành viên HĐQT
- ▶ 07. **Nguyễn Quan Anh**
Thành viên HĐQT

05. BÀ VÕ THỊ HUYỀN LAN Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Võ Thị Huyền Lan
- Năm sinh: 1971
- Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế Đại học Kinh tế TP.HCM, MBA Thương mại Cao cấp HEC - Pháp, Thạc sỹ Tài chính Đại học Dauphine - Pháp
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 1996 đến năm 1998: Kế toán trưởng Công ty Prezioso
 - + Từ năm 1998 đến năm 2002: Kế toán trưởng Công ty Escape Bourbon An Lạc Việt Nam
 - + Từ năm 2002 đến năm 2006: Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài Chính hệ thống Siêu thị BigC Việt Nam
 - + Từ năm 2006 đến năm 2013: Thành Viên HĐQT Công ty Cổ phần Điện Quang
 - + Từ 2013 đến nay: Tổng Giám đốc Jaccar Holdings
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - + Tổng Giám đốc Jaccar Holdings
 - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Long Hậu
 - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khu CN Hiệp Phước
 - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần thực phẩm Agrex Sài Gòn
 - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Âu Việt
 - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

06. ÔNG NGUYỄN NGỌC ÁNH Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Ánh
- Năm sinh: 1961
- Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế, Kỹ sư Cơ khí
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 1984 đến năm 1989: Công tác tại Nhà máy Cơ khí Đăk Lăk
 - + Từ năm 1989 đến năm 1993: Công tác tại Nhà máy Cơ khí 17-3 Thành phố Pleiku
 - + Từ năm 1995 đến năm 1997: Công tác tại Công ty Mía đường Gia Lai
 - + Từ năm 1997 đến năm 2002: Giám đốc Nhà máy đường Bourbon Gia Lai
 - + Từ năm 2002 đến năm 2007: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Mía đường Bourbon Gia Lai
 - + Từ năm 2007 đến năm 2009: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần mía đường nhiệt điện Gia Lai
 - + Từ năm 2009 đến năm 2011: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty mía đường nhiệt điện Gia Lai, kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Điện Gia Lai
 - + Từ năm 2011 đến nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai Giám đốc Công ty TNHH Hoàng Anh Attapeu
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai
 - Giám đốc Công ty Mía đường Hoàng Anh Attapeu

07. ÔNG NGUYỄN QUAN ANH Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Quan Anh
- Năm sinh: 1969
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 1993 đến năm 2005: Công tác tại Xí nghiệp Tư doanh Hoàng Anh
 - + Từ năm 2006 đến năm 2009: Giám đốc Chi nhánh Nhà máy Gỗ xuất khẩu Hoàng Anh Gia Lai
 - + Từ năm 2010 đến tháng 6/2012: Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Gia Lai
 - + Từ tháng 9/2013 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai, kiêm Giám đốc Công ty Khoáng sản Kon Tum
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Giám đốc Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh



**THÔNG TIN
BAN TỔNG
GIÁM ĐỐC**



01



02



03



04

- ▶ 01. Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc
- ▶ 02. Trịnh Xuân Nhân
Phó Tổng Giám đốc
- ▶ 03. Phan Thanh Thủ
Phó Tổng Giám đốc
- ▶ 04. Hoàng Đình Quý
Phó Tổng Giám đốc

01. ÔNG NGUYỄN XUÂN THẮNG
Tổng Giám đốc (*)

Xem lại thông tin trang 30/ 31 (HĐQT)

02. ÔNG TRỊNH XUÂN NHÂN
Phó Tổng Giám đốc

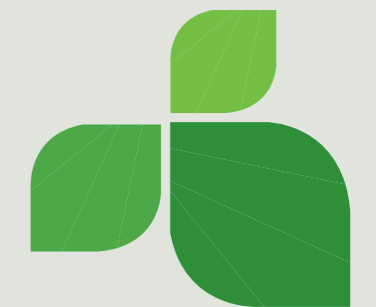
- Họ và tên: Trịnh Xuân Nhân
- Năm sinh: 1960
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 2010 đến tháng 04/2015: Công tác tại Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai
 - + Từ Tháng 04/2015 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Phó Tổng Giám đốc

03. ÔNG PHAN THANH THỦ
Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Phan Thanh Thủ
- Năm sinh: 1963
- Trình độ chuyên môn: Nghệ thuật âm nhạc Huế
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 1984 đến năm 1992: Công tác tại Đoàn nghệ thuật Đạm San
 - + Từ năm 1993 đến năm 2003: Công tác tại Xí nghiệp Tư doanh Hoàng Anh
 - + Từ năm 2003 đến tháng 5/2016: Giám đốc Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

04. ÔNG HOÀNG ĐÌNH QUÝ
Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Hoàng Đình Quý
- Năm sinh: 1963
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 1983 đến năm 1987: Đi bộ đội thuộc đơn vị C6E546 – F473 – Binh đoàn 12
 - + Từ năm 1988 đến năm 2007: Công tác tại Công ty TNHH MTV Cao su Chư Pah
 - + Từ năm 2008 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp cao su Hoàng Anh Quang Minh
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp cao su Hoàng Anh Quang Minh



THÔNG TIN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



05



06



07

- ▶ 05. **Võ Thị Mỹ Hạnh**
Phó Tổng Giám đốc
- ▶ 06. **Nguyễn Quan Anh**
Phó Tổng Giám đốc
- ▶ 07. **Nguyễn Ngọc Ánh**
Phó Tổng Giám đốc

05. **BÀ VÕ THỊ MỸ HẠNH** Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Võ Thị Mỹ Hạnh
- Năm sinh: 1977
- Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Luật,
Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 2001 đến 2006
Công tác tại Xí Nghiệp Tư doanh
Hoàng Anh. Giữ chức trưởng phòng
kinh doanh năm 2004
 - + Từ năm 2006 đến 2008:
Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai.
Giữ chức vụ Phó giám đốc chi nhánh
Nhà máy gỗ nội thất Hoàng Anh Gia Lai
 - + Năm 2009:
Giữ chức vụ Phó phòng Kế hoạch
Đầu tư và Dự án từ tháng 1 đến tháng
4/2009. Giữ chức Phó Giám đốc
Công ty cổ phần Thủy Điện Hoàng
Anh Gia Lai từ tháng 4/2009
 - + Từ năm 2009 đến nay:
Phó Giám đốc Công ty cổ phần
Gỗ Hoàng Anh Gia Lai.
Giữ chức Giám đốc từ tháng 9/2013.
Kiêm Phó Giám đốc Công ty cổ phần
Cao su Hoàng Anh Gia Lai từ tháng
12/2014. Kiêm Phó Giám đốc tài
chính Bệnh viện Đại học Y Dược -
Hoàng Anh Gia Lai kể từ tháng 2/2015
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico:
Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ
tại tổ chức khác:
 - + Giám đốc Công ty cổ phần gỗ
Hoàng Anh Gia Lai
 - + Phó Giám đốc phụ trách tài chính
Bệnh viện Đại học y dược -
Hoàng Anh Gia Lai.
 - + Thư ký HĐQT Công ty
Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

06. **ÔNG NGUYỄN QUAN ANH** Phó Tổng Giám đốc (*)

Xem lại thông tin trang 32/33
(HQDT)

07. **ÔNG NGUYỄN NGỌC ÁNH** Phó Tổng Giám đốc (*)

Xem lại thông tin trang 32/33
(HQDT)



THÔNG TIN BAN KIỂM SOÁT



01



02



03

- ▶ 01. **Lê Hồng Phong**
Trưởng Ban Kiểm Soát
- ▶ 02. **Phạm Ngọc Châu**
Thành viên Ban kiểm soát
- ▶ 03. **Đào Định Phương**
Thành viên Ban kiểm soát

01. ÔNG LÊ HỒNG PHONG Trưởng Ban Kiểm Soát

- Họ và tên: Lê Hồng Phong
- Năm sinh: 1980
- Trình độ chuyên môn:
Cử Nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 2003 đến năm 2004:
Trợ lý kiểm toán Công ty Kiểm toán và Dịch vụ Tư vấn tài chính Sài Gòn (AFC Sài Gòn)
 - + Từ năm 2004 đến năm 2010:
Trợ lý kiểm toán, nhóm trưởng kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
 - + Từ năm 2010 đến năm 2011:
Chuyên viên ban kiểm soát nội bộ phụ trách về tài chính Tập đoàn Đất Xanh
 - + Từ năm 2011 đến tháng 12/2015:
Phó phòng kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
 - + Từ tháng 01/2016 đến nay:
Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico:
Trưởng Ban kiểm soát
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương

02. ÔNG PHẠM NGỌC CHÂU Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Phạm Ngọc Châu
- Năm sinh: 1975
- Trình độ chuyên môn:
Cử Nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 2001 đến năm 2003:
Làm việc tại Công ty CP Phát Triển Sản Xuất Thương Mại Sài Gòn (SADACO)
 - + Từ năm 2004 đến năm 2007:
Làm việc tại Công ty TNHH Âu Á
 - + Từ năm 2008 đến năm 2012:
Làm việc tại Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản Hoàng Anh Gia Lai
 - + Từ năm 2012 đến nay:
Làm việc tại Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico:
Thành viên Ban kiểm soát
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
Chuyên viên kiểm toán nội bộ tại Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

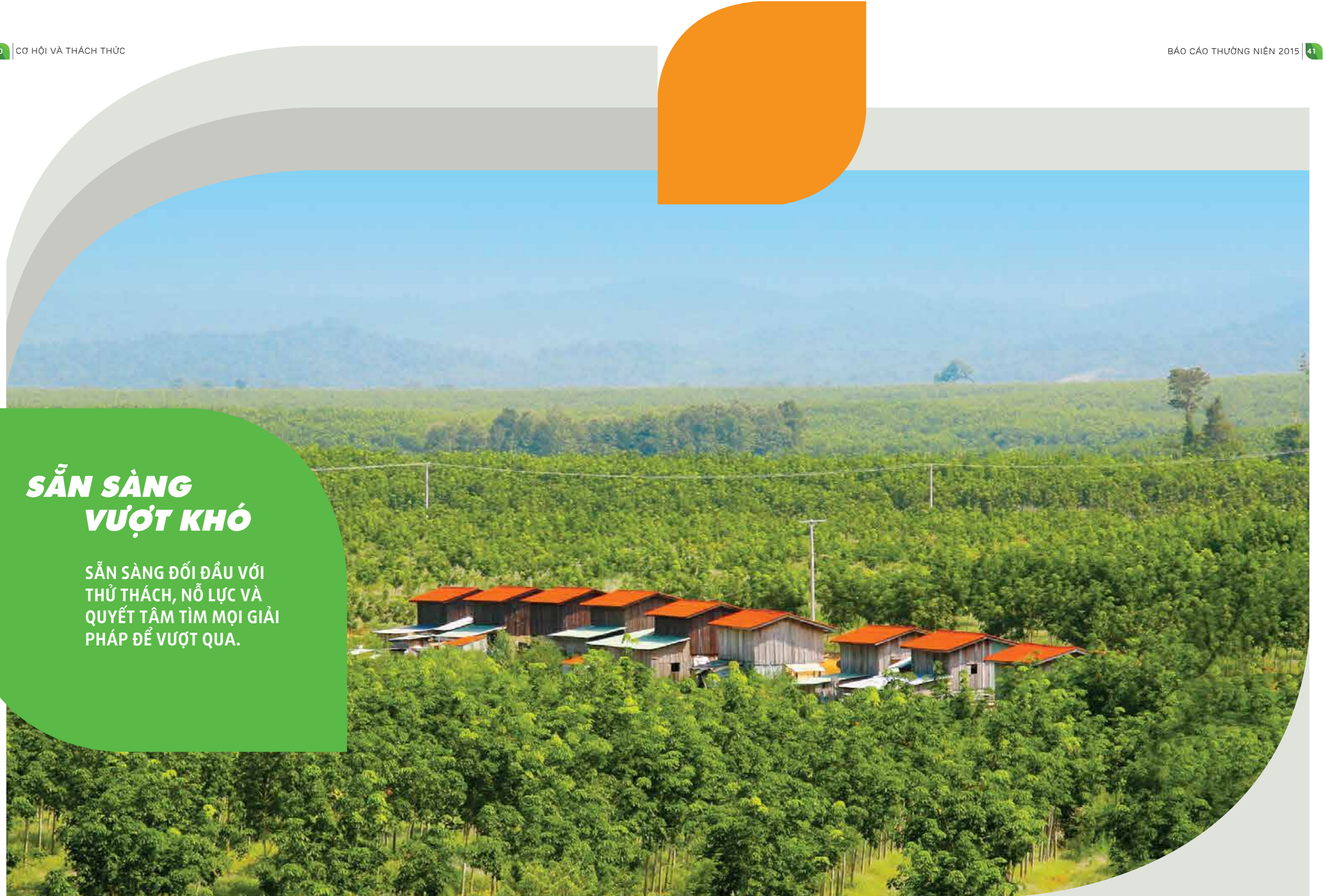
03. BÀ ĐÀO ĐỊNH PHƯƠNG Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Đào Định Phương
- Năm sinh: 1988
- Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 2010 đến năm 2012:
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
 - + Từ năm 2013 đến nay:
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico:
Thành viên Ban kiểm soát
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
Chuyên viên kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai



SẴN SÀNG VƯỢT KHÓ

SẴN SÀNG ĐỐI ĐẦU VỚI
THỬ THÁCH, NỖ LỰC VÀ
QUYẾT TÂM TÌM MỌI GIẢI
PHÁP ĐỂ VƯỢT QUA.



**BÁO CÁO
TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG
NĂM 2015**

**DIỄN BIẾN CHỈ TIÊU
DOANH THU THEO NGÀNH**

CHỈ TIÊU THỰC HIỆN	THỰC HIỆN NĂM 2015 (Tỷ VNĐ)	THỰC HIỆN NĂM 2014 (Tỷ VNĐ)	% SO VỚI NĂM 2014 %	KẾ HOẠCH NĂM 2015 (Tỷ VNĐ)	% HOÀN THÀNH SO VỚI KẾ HOẠCH %
Bò	2.541	-	-	3.080	83
Mía đường	958	1.042	(8)	1.500	64
Hàng hóa	352	200	76	354	100
Bắp	296	205	45	350	85
Xây dựng	284	482	(41)	300	95
Cao su	197	227	(13)	400	49
Bất động sản	57	35	63	150	38
Dịch vụ	45	22	109	40	114
TỔNG CỘNG	4.730	2.212	114	6.174	77

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM 2015**

TRONG NĂM 2015, TỔNG DOANH THU CỦA HAGL AGRICO ĐẠT MỨC 4.730 TỶ ĐỒNG, TĂNG 114% SO VỚI NĂM 2014. DOANH THU TĂNG VƯỢT NHỜ CÓ SỰ ĐÓNG GÓP CỦA NGÀNH CHĂN NUÔI BÒ.

trong đó:

 **2.541**

Doanh thu ngành bò đạt 2.541 tỷ đồng, đây là mảng kinh doanh đem lại doanh thu đột biến cho HAGL Agrico trong năm nay, hoàn thành 83% kế hoạch đề ra.

 **296**

Doanh thu bắp đạt 296 tỷ đồng, tăng 45% so với năm 2014, hoàn thành 85% kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chủ yếu là sản lượng bắp tăng do Công ty mở rộng diện tích trồng bắp.

 **57**

Doanh thu bất động sản đạt 57 tỷ đồng, tăng 63% so với năm 2014, đạt 38% kế hoạch đề ra.

 **958**

Doanh thu ngành mía đường đạt 958 tỷ đồng, giảm 8% so với năm 2014, hoàn thành hơn 64% kế hoạch đề ra. Nguyên nhân là đã chuyển một phần diện tích trồng mía sang trồng cỏ, phục vụ chăn nuôi bò theo kế hoạch đề ra từ đầu.

 **284**

Doanh thu xây dựng đạt 284 tỷ đồng, giảm 41% so với năm 2014, hoàn thành 95% kế hoạch. Nguyên nhân là sân bay Attapeu đã nghiệm thu hoàn toàn trong năm 2014 và trong năm chỉ nghiệm thu đối với một phần khối lượng xây dựng của sân bay Nong khang, tỉnh Hủa phan, Lào.

 **45**

Doanh thu dịch vụ đạt 45 tỷ đồng, tăng 109% so với năm 2014, đạt 114% kế hoạch đề ra.

 **352**

Doanh thu sản phẩm, hàng hóa đạt 352 tỷ đồng, tăng 76% so với năm 2014, hoàn thành 100% kế hoạch đề ra. Là do trong năm Công ty bán bắp, bã đậu, mật rỉ cho Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai là một Công ty hợp tác với Nông Nghiệp về chăn nuôi bò thịt và bò sữa.

 **197**

Doanh thu cao su đạt 197 tỷ đồng, giảm 13% so với năm 2014, đạt 49% kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu do giá mủ cao su giảm mạnh và công ty không mở rộng diện tích khai thác.



**BÁO CÁO
TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG
NĂM 2015**



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

I. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG



HAGL AGRICO XÁC ĐỊNH SỞ HỮU NGUỒN NHÂN LỰC TỐT LÀ YẾU TỐ HÀNG ĐẦU TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG TY.

Tại thời điểm 31/12/2015 HAGL Agrico có 13.244 nhân viên.

HAGL Agrico xác định sở hữu nguồn nhân lực tốt là yếu tố hàng đầu trong sự nghiệp xây dựng và phát triển Công ty.

HAGL Agrico tuân thủ chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định pháp luật. Công ty thực hiện chế độ làm việc 6 ngày/tuần và 8 giờ/ngày, cùng với các ngày nghỉ phép, nghỉ lễ theo quy định của Pháp luật Việt Nam và các nước sở tại nơi HAGL Agrico đang có các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ngoài tiền lương, công ty còn có các chính sách phụ cấp, trợ cấp và các chế độ khuyến khích hỗ trợ công tác của người lao động, đặc biệt đối với người lao động làm việc tại Lào và Campuchia. Công ty còn có chính sách phân phối cổ phiếu thưởng đối với cán bộ công nhân viên công tác lâu năm và có đóng góp lớn cho Công ty, gần đây nhất là đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cán bộ công nhân viên vào tháng 6/2015 với hơn 15 triệu cổ phiếu.

Công ty cũng rất quan tâm đến vấn đề sức khỏe của nhân viên, với hình thức miễn giảm chi phí điều trị tại Bệnh viện Đại học Y Dược – Hoàng Anh Gia Lai, đặc biệt đối với người lao động được cử đi công tác tại Lào và Campuchia.

Vấn đề an toàn lao động được tuân thủ nghiêm khắc tại Công ty để đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho người lao động. Các khóa huấn luyện an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy được thường xuyên được tổ chức cho cán bộ công nhân viên. Trang bị đồ dùng bảo hộ lao động đầy đủ, kịp thời đáp ứng theo yêu cầu của công việc. Công ty ban hành và giám sát chặt chẽ việc thực hiện nội quy về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, đồng thời thường xuyên kiểm tra đánh giá công tác an toàn lao động tại nơi làm việc.

Tại HAGL Agrico, công việc được sắp xếp phân công sao cho phù hợp nhất với trình độ chuyên môn và năng lực của từng nhân viên, đồng thời tạo sự cạnh tranh lành mạnh trong từng bộ phận công tác để mỗi người nhân viên luôn có ý thức phải nỗ lực hết mình. Công ty cũng thường xuyên tổ chức tập huấn kiến thức, nâng cao kỹ năng làm việc cho cán bộ công nhân viên.

Công ty luôn khuyến khích và tạo điều kiện tối đa để nhân viên tham gia các khóa đào tạo học tập nâng cao trình độ chuyên môn. HAGL Agrico có chủ trương ưu ái đối với nguồn nhân lực địa phương vì tính ổn định cao và góp phần giải quyết việc làm cho lao động tại địa bàn.

Với tinh thần “Đoàn kết là sức mạnh”, chúng tôi xây dựng một môi trường làm việc mà ở đó mỗi người lao động luôn có sự gắn kết, hỗ trợ tương tác lẫn nhau trong công việc vì một HAGL Agrico phát triển bền vững.

2015
HAGL AGRICO CÓ
13.244
NHÂN VIÊN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2015



TỔ CHỨC NHÂN SỰ (tiếp theo)

2. THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2015

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ BAN KIỂM SOÁT.

STT	TÊN CÁ NHÂN	CHỨC VỤ	THỜI ĐIỂM THAY ĐỔI	LÝ DO
01	Nguyễn Ngọc Ánh	TV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	04/04/2015	Được bầu tại ĐHĐCĐ ngày 04/04/2015, kiêm Phó Tổng Giám đốc
02	Nguyễn Quang Anh	TV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	04/04/2015	Được bầu tại ĐHĐCĐ ngày 04/04/2015, kiêm Phó Tổng Giám đốc
03	Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc	19/04/2015	Bổ nhiệm Tổng Giám đốc
04	Hoàng Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc	19/04/2015	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc
05	Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	19/04/2015	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc
06	Lê Hồng Phong	Trưởng Ban kiểm soát	04/04/2015	Được bầu tại ĐHĐCĐ ngày 04/04/15
07	Phạm Ngọc Châu	TV Ban kiểm soát	04/04/2015	Được bầu tại ĐHĐCĐ ngày 04/04/15
08	Đào Định Phương	TV Ban kiểm soát	04/04/2015	Được bầu tại ĐHĐCĐ ngày 04/04/15
09	Đỗ Văn Hải	Kế toán trưởng	19/05/2015	Bổ nhiệm Kế toán trưởng
10	Võ Nguyễn Công Bửu		18/04/2015	Từ nhiệm Phó Tổng Giám đốc
11	Mai Đình Hồng		18/04/2015	Từ nhiệm Phó Tổng Giám đốc
12	Hồ Thị Tuyết Loan		19/04/2015	Miễn nhiệm Kế toán trưởng
13	Đỗ Văn Hải		04/04/2015	Mãn nhiệm Trưởng Ban kiểm soát
14	Trương Thị Mỹ Nguyệt		04/04/2015	Mãn nhiệm TV Ban kiểm soát
15	Nguyễn Thị Lan Hồng		04/04/2015	Mãn nhiệm TV Ban kiểm soát

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a. Tình hình tài chính

ĐVT: Tỷ VNĐ

Chỉ tiêu	2014	2015	% so với năm 2014
Tổng doanh thu	2.212	4.731	113,8
Doanh thu thuần	2.212	4.731	113,8
Lợi nhuận gộp	1.028	1.237	20,4
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	670	823	23,0
Lãi/lỗ khác	78	(108)	(239,7)
Lợi nhuận trước thuế	747	715	(4,3)
Lợi nhuận sau thuế	736	744	1,1
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	1.233	1.093	(11,4)

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2014	2015
Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,75	1,03
Hệ số thanh toán nhanh	0,57	0,61
Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,60	0,64
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,50	1,74
Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho	1,22	1,70
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,13	0,17
Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,33	0,16
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,11	0,08
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,04	0,03
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,30	0,17

**BÁO CÁO
TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG
NĂM 2015**



01

**TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ
VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN
ĐẾN 31/12/2015**

01. CHĂN NUÔI BÒ THỊT

Đến cuối năm 2015, Công ty đã xây dựng được 158 chuồng bò thịt, với tổng số bò đã nhập về gần 130.000 con. Tổng đàn bò xuất là 66.337 con với doanh thu 2.541 tỷ.

Thị trường tiêu thụ: Hiện Công ty đang bán bò cho 43 cơ sở giết mổ trên toàn quốc. Những đơn vị này khi ký kết hợp đồng mua bán với HAGL Agrico đều bắt buộc phải đảm bảo tiêu chuẩn giết mổ Escas và được các công ty kiểm định của Bộ Nông Nghiệp Úc phê duyệt.

Với quỹ đất lớn để trồng cỏ, bắp và tận dụng nguồn phụ phẩm từ ngành sản xuất đường, dầu cọ làm thức ăn cho chăn nuôi, Công ty có thể tạo ra được sản phẩm với chất lượng cao và giá cả cạnh tranh. Đây là một trong những ngành nghề chiến lược của Công ty trong định hướng phát triển sắp tới.

TỔNG ĐÀN BÒ XUẤT (CON)

66.337

ĐẠT DOANH THU (TỶ)

2.541



02

02. CỌ DẦU

Đến cuối năm 2015 Công ty đã trồng xong diện tích 28.626 ha cọ dầu và không mở rộng diện tích. Trong đó: 7.055 ha tại tỉnh Attapeu và Sekong, Lào và 21.571 ha tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia. Toàn bộ diện tích sẽ đi vào khai thác trong năm 2018.

Công ty đã hoàn thành nhà máy chế biến dầu cọ công suất 45 tấn buồng quả tươi/giờ tại Campuchia và dự kiến vận hành thử từ Quý III/2016.

Tại Lào, công ty đang tiến hành xây dựng nhà máy chế biến công suất 30 tấn buồng quả tươi/giờ.



04

03. MÍA ĐƯỜNG

Trong năm 2015, Công ty vẫn duy trì ổn định vùng nguyên liệu 6.000 ha. Nhà máy mía đường công suất 7.000 tấn mía cây/ngày hoạt động ổn định, phục vụ tốt cho việc thu hoạch và chế biến vụ mùa 2014 - 2015.

Năm 2015, HAGL Agrico đã nhập đường từ Lào về tiêu thụ tại thị trường Việt Nam theo hạn ngạch được cấp là 50.000 tấn, với mức thuế suất nhập khẩu là 2,5%.



03

04. CAO SU

Diện tích cao su hiện tại 38.428 ha, trong đó: 22.177 ha tại Lào, 2.394 ha tại Việt Nam và 13.857 ha tại Campuchia. Công ty sẽ không tăng thêm diện tích cây cao su.

Nhà máy chế biến mủ cao su công suất 25.000 tấn/năm tại Lào vẫn đang hoạt động tốt với 2 sản phẩm chủ yếu là SVR 3L, SVR 10.

Công tác cạo mủ: triển khai cạo mủ có chọn lọc đối với cây có kích thước lớn, dự kiến đến năm 2022, toàn bộ diện tích cao su sẽ được khai thác mủ.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2015

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

I. CỔ PHẦN

- 01. Tổng số cổ phần đang lưu hành** : 767.143.895 cổ phần
Trong đó cổ phần phổ thông : 767.143.895 cổ phần
- 02. Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do** : 426.582.545 cổ phần
Trong đó cổ phần phổ thông : 426.582.545 cổ phần
- 03. Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng** : 340.561.350 cổ phần
Trong đó cổ phần phổ thông : 340.561.350 cổ phần
- Thời hạn hạn chế:**
- + 281.561.350 cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 50% trong 12 tháng kể từ ngày niêm yết 10/07/2015 đối với: (i) cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên HĐQT của tổ chức niêm yết, (ii) cổ đông là thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc của tổ chức niêm yết.
 - + 59.000.000 cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 12 tháng kể từ hoàn thành phát hành riêng lẻ 22/02/2016.
- 04. Cổ phiếu quỹ** : không có

II. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	DANH MỤC	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ %	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	
					TỔ CHỨC	CÁ NHÂN
1	Cổ đông Nhà nước	0	0%	0	0	0
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	543.089.200	70,79%	2	1	1
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cổ phiếu trở lên)	0				
4	Công đoàn Công ty	0				
5	Cổ phiếu quỹ	0				
6	Cổ đông khác	224.054.695	29,21%	6.137	39	6.098
	Tổng cộng	767.143.895	100,00%	6.139	40	6.099
	Trong đó: - Trong nước	759.894.265	99,05%	6.099	26	6.073
	- Nước ngoài	7.249.630	0,95%	40	14	26

Nguồn: Tổng hợp theo danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày 11/03/2016 và danh sách nhà đầu tư sở hữu 59.000.000 cổ phiếu phát hành riêng lẻ.

III. TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

NỘI DUNG	VỐN ĐIỀU LỆ (VNĐ)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu đầu kỳ	3.990.670.000.000
Tăng vốn chủ sở hữu năm 2015	3.090.768.950.000
Tăng vốn chủ sở hữu năm 2016	590.000.000.000
Vốn chủ đầu tư của chủ sở hữu sau khi tăng	7.671.438.950.000

Tăng vốn năm 2015:

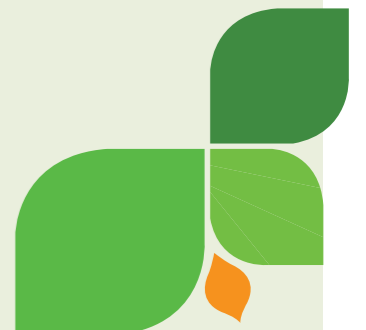
Thực hiện theo Nghị quyết ĐHCĐ bất thường số 0604/15/ĐHCĐ-NNHAGL ngày 06/04/2015 phê duyệt việc tăng vốn điều lệ, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ 3.090.768.950.000 đồng, bao gồm (i) Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cán bộ công nhân viên, (ii) Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty mẹ Hoàng Anh Gia Lai và (iii) Phát hành cho cổ đông hiện hữu. Ngày 04 tháng 6 năm 2015 Công ty nhận được Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ Công ty lên 7.081.438.950.000 đồng.

Tăng vốn năm 2016:

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0610/15/NQĐHCĐ-HAGL Agrico ngày 06/10/2015 thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ, và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 3010/15/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 30/10/2015 thông qua việc triển khai chi tiết phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ 590.000.000.000 đồng từ việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ. Ngày 08/03/2016 Công ty nhận được Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ Công ty lên 7.671.438.950.000 đồng.

 **TỔNG SỐ CỔ PHẦN
ĐANG LƯU HÀNH**

767.143.895
CỔ PHẦN



**BÁO CÁO
CỦA
BAN TỔNG
GIÁM ĐỐC**

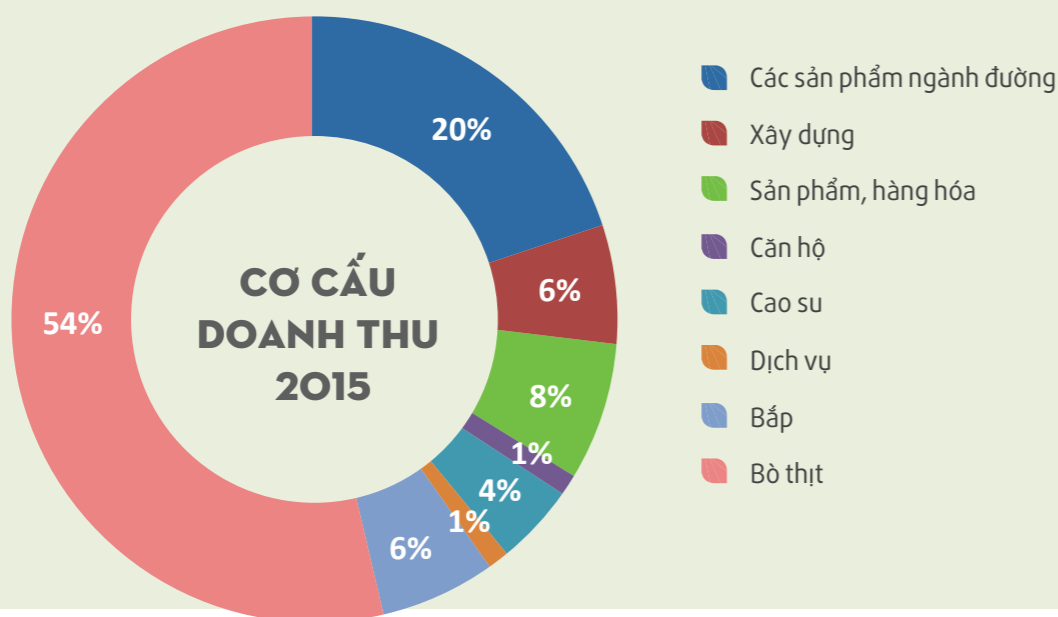
I. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

NĂM 2015 LÀ NĂM ĐÁNH DẤU BƯỚC NGOẶT QUAN TRỌNG CỦA HAGL AGRICO KHI CHÍNH THỨC TRỞ THÀNH CÔNG TY ĐẠI CHÚNG CỔ PHẦN CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC NIÊM YẾT TRÊN SÀN CHỨNG KHOÁN. TRƯỚC TÌNH HÌNH KHÓ KHĂN NHƯ HIỆN NAY, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC HAGL AGRICO ĐÃ VÀ ĐANG NỖ LỰC TRONG VIỆC ĐIỀU HÀNH VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY, GIÚP CÔNG TY VƯỢT QUA KHÓ KHĂN. MẢNG KINH DOANH BÒ ĐẠT ĐƯỢC TỶ TRỌNG 54% VỚI DOANH THU 2.541 TỶ ĐỒNG ĐÃ CHỨNG MINH BƯỚC ĐI ĐÚNG ĐẮN CỦA CÔNG TY.

01. DOANH THU

Tổng doanh thu thuần năm 2015 đạt 4.731 tỷ đồng, mặc dù chỉ đạt 77% so với kế hoạch đề ra nhưng vẫn tăng 114% so với năm 2014. Cơ cấu doanh thu theo lĩnh vực ngành nghề như sau:

NGÀNH KINH DOANH	2015		2014		2013	
	Doanh thu (Ngàn VND)	Tỷ trọng %	Doanh thu (Ngàn VND)	Tỷ trọng %	Doanh thu (Ngàn VND)	Tỷ trọng %
Các sản phẩm ngành đường	957.503.311	20%	1.042.101.594	47%	830.853.397	51%
Xây dựng	283.858.713	6%	482.056.399	22%	453.908.130	28%
Sản phẩm, hàng hóa	352.436.994	8%	200.038.951	9%	69.800.992	4%
Căn hộ	56.972.736	1%	35.078.692	2%	24.294.169	1%
Cao su	197.055.040	4%	226.690.873	10%	240.924.464	15%
Dịch vụ	45.416.997	1%	21.770.838	1%	10.599.713	1%
Bắp	295.939.624	6%	204.513.672	9%	-	0%
Bò thịt	2.541.497.018	54%	-	0%	-	-
Tổng doanh thu	4.730.680.433		2.212.251.019		1.630.380.865	



Trong đó:

Doanh thu bò thịt đạt 2.541 tỷ đồng, chiếm 54% trong cơ cấu tổng doanh thu. Với lợi nhuận gộp đạt 737 tỷ đồng (chiếm 59,7% cơ cấu lợi nhuận gộp của toàn Công ty) và tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 29% cho thấy ngành chăn nuôi bò thịt là nhân tố đóng góp chính vào sự tăng trưởng doanh thu cũng như lợi nhuận của HAGL Agrico trong năm 2015.

Doanh thu đường đạt 958 tỷ đồng, chiếm 20% trong cơ cấu tổng doanh thu và giảm 8% so với năm 2014, lợi nhuận gộp đạt 381 tỷ đồng với tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 40% (giảm 32% so với năm 2014). Nguyên nhân của việc giảm doanh thu và lợi nhuận gộp là do đã chuyển một phần diện tích trồng mía sang trồng cỏ phục vụ chăn nuôi bò theo kế hoạch đề ra từ đầu. Bên cạnh đó là do vùng nguyên liệu mía của Công ty đã đi vào những năm cuối của chu kỳ canh tác nên năng suất thu hoạch cũng giảm dần, chỉ đạt khoảng 96 tấn/ha (giảm khoảng 20% so với năm trước đó) dẫn đến giá vốn cũng sẽ tăng lên tương ứng. Tuy nhiên, với tỷ trọng doanh thu chiếm 20% trong cơ cấu tổng doanh thu, ngành đường vẫn là một trong những ngành góp phần mang lại nguồn thu ổn định cho HAGL Agrico trong các năm tới.

Doanh thu cao su đạt 197 tỷ đồng, chiếm 4% trong cơ cấu tổng doanh thu và giảm 13% so với năm 2014. Với lợi nhuận gộp đạt 21 tỷ đồng (chiếm 2% cơ cấu lợi nhuận gộp của toàn Công ty) và tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 11% cho thấy trong năm 2015 ngành cao su vẫn chưa phải là ngành chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nguồn thu của HAGL Agrico, một phần do diện tích đưa vào khai thác chưa nhiều, một phần khác do giá bán cao su giảm mạnh so với các năm trước đó (từ bình quân là 34,3 triệu đồng/tấn năm 2014 giảm còn khoảng 26 triệu đồng/tấn trong năm 2015).

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ đạt 398 tỷ đồng, chiếm 9% trong cơ cấu tổng doanh thu, tăng 79% so với năm 2014. Lợi nhuận gộp đạt 30 tỷ đồng và tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 10%.

Doanh thu xây dựng đạt 284 tỷ đồng, chiếm 6% trong cơ cấu tổng doanh thu và giảm 41% so với năm 2014. Ngoài ra, do có sự điều chỉnh về giá vốn xây dựng cho phù hợp với doanh thu đã ghi nhận của các năm trước nên giá vốn năm 2015 có sự tăng trưởng đột biến (tăng 47%) so với năm 2014, dẫn đến lỗ gộp từ hoạt động xây dựng là 123 tỷ đồng.

Doanh thu căn hộ đạt 57 tỷ đồng, chiếm 1% trong cơ cấu tổng doanh thu và tăng 62% so với năm 2014. Lợi nhuận gộp đạt 3 tỷ đồng và tỷ suất lợi nhuận đạt khoảng 5%.

Doanh thu bắp đạt 296 tỷ đồng, chiếm 6% trong cơ cấu tổng doanh thu và tăng 45% so với năm 2014. Lợi nhuận gộp đạt 186 tỷ đồng và tỷ suất lợi nhuận đạt 63%.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015 (tiếp theo)

02. CHI PHÍ

Đơn vị tính: Ngàn đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2015	NĂM 2014	NĂM 2013
Chi phí bán hàng	72.904.454	15.753.442	14.003.806
Chi phí quản lý doanh nghiệp	120.958.460	87.274.811	57.169.152
Chi phí lãi vay	364.676.504	277.854.539	202.337.808

Chi phí bán hàng có sự tăng trưởng vượt trội so với năm 2014 (tăng 363%) lên mức 73 tỷ đồng, chủ yếu do Công ty mở rộng thêm lĩnh vực kinh doanh mới sang mảng chăn nuôi bò thịt.

Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 39% so với năm 2014 lên mức 121 tỷ đồng chủ yếu do quỹ lương tăng lên từ việc gia tăng nhân sự hoạt động trong ngành chăn nuôi bò.

Chi phí lãi vay tăng 31% so với năm 2014 lên mức 365 tỷ đồng, chủ yếu cho Công ty tăng cường vay thêm vốn dài hạn để tài trợ cho các tài sản dài hạn như: đầu tư chăm sóc các vườn cây cao su, trồng mới và chăm sóc các vườn cây cọ dầu, xây dựng chuồng trại để chăn nuôi bò và đầu tư mua bò giống.

03. NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN

Thuận lợi:

Là Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp với ngành nghề kinh doanh đa dạng, giúp Công ty có thể ứng phó linh hoạt với những diễn biến phức tạp của thị trường.

Công ty đã được chính phủ ba nước Việt Nam, Lào, và Campuchia cho thuê đất dài hạn, với quy mô rộng lớn và liên vùng, có địa hình bằng phẳng và độ dốc phù hợp, được bao bọc bởi hệ thống sông ngòi với lưu lượng nước ổn định, giúp Công ty có thể thuận tiện triển khai các dự án trồng cây công - nông nghiệp và chăn nuôi bò với quy mô lớn, đồng thời có thể dễ dàng áp dụng các công nghệ hiện đại từ khâu chuẩn bị đất, chăm sóc đến khâu thu hoạch và chế biến, nhờ đó cho năng suất cao và giá thành cạnh tranh hơn.

Công ty có đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên năng động, với tinh thần đoàn kết và gắn bó lâu dài, sẵn sàng học hỏi và thích nghi nhanh với những lĩnh vực hoạt động mới.

Khó khăn:

Sản phẩm chính của HAGL Agrico phần lớn là những sản phẩm nông nghiệp hiện đang được mua bán trên sàn giao dịch hàng hóa lớn của thế giới và có giá cả thường xuyên biến động như: cao su, cọ dầu, đường... Do đó, mỗi sự biến động giá cả của hàng hóa này đều có ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của HAGL Agrico.

Trong năm 2015, việc giá mù cao su giảm mạnh đã ảnh hưởng rất lớn đến lợi nhuận gộp của mảng kinh doanh này (giảm 82% so với năm 2014), ngoài ra Công ty đã phải thay đổi kế hoạch khai thác mỏ để vừa duy trì được lực lượng lao động vừa đảm bảo sự phát triển ổn định của vườn cây.

Nền kinh tế toàn cầu vẫn chưa có sự khởi sắc, nhu cầu tiêu thụ hàng hóa vẫn chưa hồi phục, đặc biệt là đối với sản phẩm cao su, điều này làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của HAGL Agrico bởi tỷ trọng vốn đầu

tư vào lĩnh vực kinh doanh này của Công ty là lớn nhất trong khi diện tích đến tuổi khai thác ngày càng nhiều.

Với dư nợ vay các tổ chức tín dụng lên đến hơn 12.000 tỷ đồng, lãi suất vay cao nhất là 14%/năm và kỳ hạn vay tương đối ngắn (chỉ từ 1 năm đến 5 năm), trong khi phần lớn các tài sản sinh lời của Công ty đều là những tài sản dài hạn và đang trong giai đoạn kiến thiết cơ bản (từ 3 năm đến 8 năm), dẫn đến Công ty gặp phải áp lực lớn trong việc cân đối dòng tiền.

Là một trong những Công ty có cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán nhưng khả năng huy động vốn thông qua kênh này của HAGL Agrico vẫn chưa cao do chưa được nhiều nhà đầu tư biết đến. Mặt khác, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn chưa đạt đến mức độ chuyên nghiệp và phát triển bền vững, đa phần hoạt động đầu tư chứng khoán còn mang nặng tính đầu cơ ngắn hạn, thiếu tính phân tích và dự đoán.

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

01. TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tổng tài sản trong năm 2015 có sự tăng trưởng mạnh so với năm 2014 (tương đương 9.977 tỷ đồng). Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Ngàn đồng

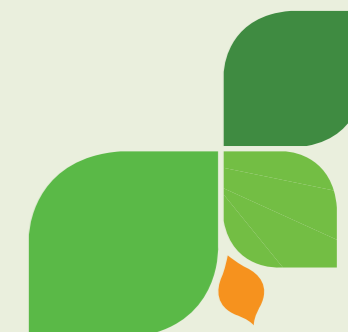
Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Tăng/(giảm)	
			Giá trị	%
Tài sản ngắn hạn	7.220.860.465	4.731.873.635	2.488.986.830	53%
Tiền và các khoản tương đương tiền	331.961.020	46.804.781	285.156.239	
Các khoản phải thu ngắn hạn	3.888.556.900	3.494.468.401	394.088.499	
Hàng tồn kho	2.966.320.073	1.140.636.497	1.825.683.576	
Tài sản ngắn hạn khác	34.022.472	49.963.956	(15.941.484)	
Tài sản dài hạn	19.880.731.670	12.392.398.321	7.488.333.349	60%
Các khoản phải thu dài hạn	1.383.681.815	615.915.348	767.766.467	
Tài sản cố định	5.596.337.810	4.178.392.700	1.417.945.110	
Tài sản dở dang dài hạn	11.153.955.744	6.431.053.932	4.722.901.812	
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	311.150.970	248.460.551	62.690.419	
Lợi thế thương mại	433.374.661	-	433.374.661	
Tài sản dài hạn khác	1.002.230.670	918.575.790	83.654.880	
Tổng tài sản	27.101.592.135	17.124.271.956	9.977.320.179	58%

Về quy mô:

Trong năm 2015, tổng tài sản của Công ty đạt 27.101 tỷ đồng, tăng 9.977 tỷ đồng (tương ứng 58%) so với cùng kỳ năm trước, điều này cho thấy quy mô của doanh nghiệp đã có sự mở rộng, phần tăng chủ yếu là do Công ty đầu tư thêm vào tài sản dài hạn (tăng 7.488 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước). Trong đó, tài sản dở dang dài hạn tăng 4.723 tỷ đồng và tài sản cố định tăng 1.418 tỷ đồng.

Về cơ cấu:

Tài sản dài hạn luôn chiếm tỷ trọng lớn hơn trong cơ cấu tổng tài sản của Công ty, trung bình chiếm đến 73%, chủ yếu là các vườn cây cao su, vườn cây cọ dầu, các trang trại bò và các nhà máy chế biến.

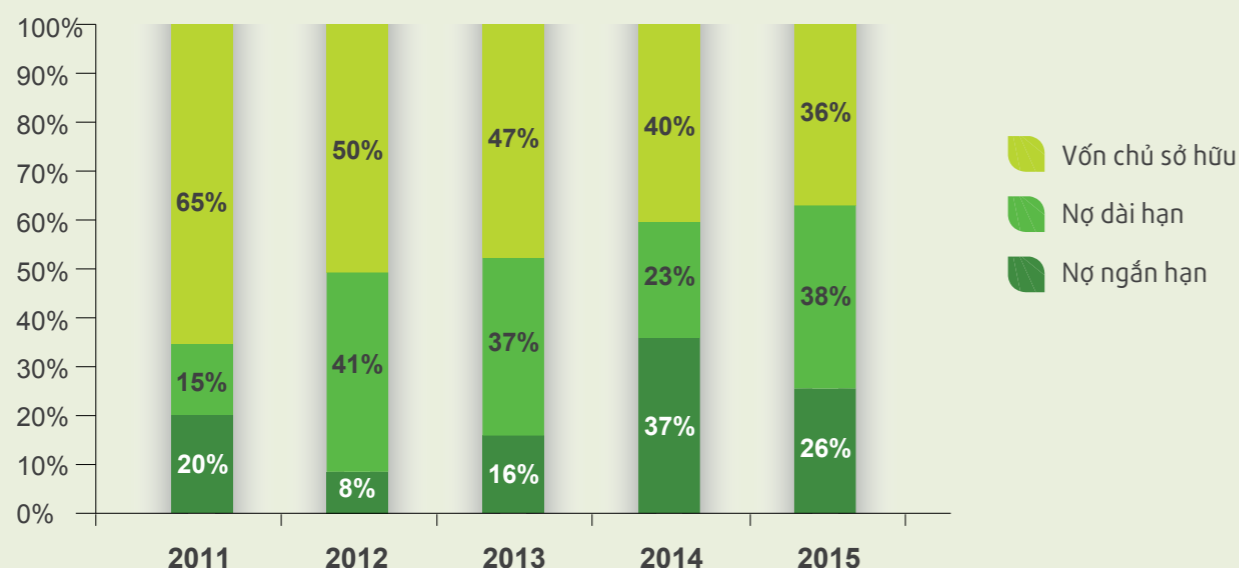


BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

02. TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Tổng nợ phải trả chiếm 64% tổng nguồn vốn, trong đó nợ ngắn hạn chiếm 26% và nợ dài hạn chiếm 38%. Chi tiết như sau:



Với hệ số nợ trên tổng tài sản tăng từ 0,60 lần vào cuối năm 2014 lên 0,64 lần vào cuối năm 2015 và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu tăng từ mức 1,50 lần vào cuối năm 2014 lên 1,74 lần vào cuối năm 2015 cho thấy Công ty đang sử dụng đòn bẩy tài chính với mong muốn làm gia tăng lợi nhuận ròng trên mỗi cổ phần. Tuy nhiên, việc sử dụng đòn bẩy tài chính này chưa thực sự mang lại hiệu quả cho Công ty do đây là thời điểm chuyển giao giữa giai đoạn kiến thiết cơ bản và giai đoạn hoạt động kinh doanh, trong khi nguồn thu chưa tích lũy đủ lớn nhưng Công ty lại phải chi trả khá nhiều cho các khoản gốc và lãi vay đến hạn dẫn đến lợi nhuận sau thuế năm 2015 chỉ tăng nhẹ so với năm 2014.

03. KHẢ NĂNG SINH LỢI

Trong năm 2015, các chỉ tiêu đánh giá khả năng sinh lợi của Công ty giảm so với năm 2014. Nguyên nhân chủ yếu là do lợi nhuận sau thuế chỉ tăng 1% trong khi doanh thu thuần tăng 114%, vốn chủ sở hữu tăng 42% và tổng tài sản tăng 56%.

CHỈ TIÊU	NĂM 2015	NĂM 2014	NĂM 2013
Khả năng sinh lợi			
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	15,73%	33,26%	42,03%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	7,53%	10,73%	11,05%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2,75%	4,30%	5,18%
Năng lực hoạt động			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,17	0,13	0,12

04. KHẢ NĂNG THANH TOÁN

CHỈ TIÊU	NĂM 2015	NĂM 2014	NĂM 2013
Khả năng thanh toán ngắn hạn			
Tỷ số thanh khoản hiện thời	1,03	0,75	1,58
Tỷ số thanh khoản nhanh	0,61	0,57	1,20
Cơ cấu vốn			
Tỷ số nợ so với vốn chủ sở hữu	1,74	1,50	1,13
Tỷ số nợ so với tổng tài sản	0,64	0,60	0,53

- Các chỉ tiêu đánh giá khả năng thanh toán ngắn hạn của HAGL Agrico trong năm 2015 đều tăng lên so với năm 2014. Nguyên nhân chủ yếu là do nợ ngắn hạn chỉ tăng 748 tỷ đồng (tương ứng 12%) trong khi tài sản ngắn hạn lại tăng 2.489 tỷ đồng (tương ứng 53%) và tài sản lưu động trừ hàng tồn kho tăng 663 tỷ đồng (tương ứng 18%).
- Tỷ số nợ so với vốn chủ sở hữu tăng từ mức 1,50 lần vào cuối năm 2014 lên mức 1,74 lần vào cuối năm 2015, và tỷ số nợ so với tổng tài sản cũng tăng từ mức 0,60 lần vào cuối năm 2014 lên mức 0,64 lần vào cuối năm 2015.

III. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Trong năm 2015, HAGL Agrico đã có những thay đổi lớn về cơ cấu tổ chức cho phù hợp với các lĩnh vực hoạt động kinh doanh đang có:

- Tổ chức Công ty:** Thay đổi tên Công ty mẹ từ Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai thành Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai. Thay đổi danh sách các Công ty con từ 14 Công ty lên 23 Công ty.
- Thành viên Ban Tổng Giám đốc:** Bổ nhiệm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc mới. Phân công lại phạm vi quản lý và điều hành công việc của các Phó Tổng Giám đốc theo chuyên môn và khu vực hoạt động.
- Tổ chức phòng ban:** Ngoài các Phòng ban đã có, Công ty còn thành lập thêm Phòng Tài chính nhằm củng cố và kiểm soát chặt chẽ dòng tiền của tất cả các Công ty trong hệ thống, đảm bảo sức khỏe tài chính cho Công ty hoạt động ổn định và lâu dài. Ngoài ra, Công ty còn thành lập thêm Phòng Pháp chế để hỗ trợ và tư vấn về các thủ tục pháp lý khi cần thiết.

IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

- Xác định nông nghiệp là lĩnh vực hoạt động chính, tập trung thâm canh các diện tích cây trồng đang có và không mở rộng thêm quy mô. Thu hẹp và tiến tới không hoạt động các lĩnh vực ngoài ngành như xây dựng và căn hộ.
- Tập trung nguồn lực vào các lĩnh vực ngắn hạn như chăn nuôi bò và chế biến đường để tạo dòng tiền nhằm làm giảm bớt áp lực tài chính cho Công ty trong khi chờ dòng tiền từ các lĩnh vực dài hạn như cao su và cọ dầu.
- Đẩy mạnh tìm kiếm các thị trường tiềm năng để chủ động về đầu ra cho các sản phẩm.
- Tận dụng tất cả những lợi thế đang có kết hợp với việc kiểm soát chặt chẽ hoạt động đầu tư cũng như sản xuất kinh doanh để bảo đảm giá thành cạnh tranh.
- Đẩy mạnh công tác quản trị tài chính để phòng tránh các rủi ro.
- Xây dựng và cam kết thực hiện các chính sách phát triển bền vững.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Ngành mía đường: đang là nhân tố đóng góp phần quan trọng vào doanh thu của Công ty.

Ngành cao su: chưa đem lại doanh thu khả quan vì giá cao su sụt giảm mạnh. Đối với ngành này, cần chờ thời gian để hồi phục.

Ngành cọ dầu: dự kiến sẽ thu hoạch và vận hành thử nhà máy từ Quý III/2016.

Ngành chăn nuôi: là ngành chủ đạo đem lại doanh thu lớn chỉ sau một thời gian ngắn hoạt động.

Về hệ thống quản trị Công ty: đang tiếp tục củng cố và hoàn thiện hệ thống quản trị, nâng cao năng lực chuyên môn của bộ máy quản lý và lãnh đạo Công ty, tăng cường quản lý theo ngành nghề kinh doanh và thực hiện quản trị chiến lược bao gồm hoạch định, thực thi, kiểm tra và đánh giá chiến lược.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị thực hiện giám sát Ban Tổng Giám đốc theo quy định của Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty. Theo sự điều hành của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực thi công việc đã đề ra. Tuy nhiên, trong năm 2015 do những khó khăn chung nên chưa đạt được các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh cơ bản, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận. Ban Tổng Giám đốc cũng đã thường xuyên báo cáo kịp thời với HĐQT về tiến độ thực hiện và các vướng mắc phát sinh cần HĐQT chỉ đạo.

HĐQT và Ban Tổng giám đốc có sự liên lạc thông tin thường xuyên, phối hợp chặt chẽ trong định hướng, chỉ đạo và thực thi công việc thông qua các cuộc họp HĐQT định kỳ cũng như các cuộc họp đột xuất. Qua đó, HĐQT và Ban Tổng giám đốc cùng nắm bắt tình hình hoạt động Công ty và phối hợp giải quyết các khó khăn trong huy động nguồn vốn để chăm sóc vườn cây, đàm phán với chủ nợ về việc gia hạn thời gian trả nợ gốc và lãi, và một số khó khăn khác phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh. Vì vậy, các vấn đề lớn phát sinh trong Công ty đều được HĐQT và Ban Tổng giám đốc phối hợp để xử lý kịp thời, hiệu quả.

Năm 2015, trong bối cảnh kinh tế khó khăn, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu nhiều ảnh hưởng bất lợi từ biến động giá hàng hóa trên thị trường thế giới. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đã có sự nối kết chặt chẽ với HĐQT, điều hành Công ty tuân thủ theo chỉ đạo của HĐQT và có những đề xuất kịp thời với HĐQT để đưa Công ty vượt qua khó khăn.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2016

Trong năm 2016, Hội đồng Quản trị sẽ chỉ đạo cho Ban Tổng Giám đốc kiện toàn bộ máy nhân sự theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả và chuyên nghiệp.

Về mặt tài chính: Mặc dù Công ty đang gặp khó khăn về dòng tiền nhưng khó khăn này chỉ là tạm thời vì các dự án đầu tư của Công ty đều có nhiều tài sản có giá trị, có khả năng tạo ra dòng tiền để trả nợ nếu được tiếp tục đầu tư, chăm sóc và tăng cường quản lý hơn nữa. Bên cạnh việc tái cơ cấu nợ, Công ty sẽ nỗ lực thu xếp nguồn vốn vay mới để đầu tư, chăm sóc các vườn cây. Công ty cũng sẽ bán bớt các tài sản không hiệu quả và tập trung vào các ngành nghề cốt lõi.

Đối với các ngành nghề trồng trọt, Công ty không mở rộng diện tích trồng mới mà chỉ tập trung vào chăm sóc và khai thác; bảo trì và vận hành tốt các nhà máy chế biến cao su, mía đường và cọ dầu.

Đối với chăn nuôi, Công ty tập trung phát triển đàn bò thịt để tận dụng nguồn phụ phẩm thức ăn đang sẵn có. Tích cực triển khai công tác xây dựng chuồng trại, trồng cỏ và bắp, xây dựng cơ sở hạ tầng tưới tiêu và vận chuyển để đáp ứng số lượng phát triển của đàn bò.





**BIẾN KHÓ KHĂN,
THÁCH THỨC
THÀNH CƠ HỘI**

NÂNG CAO NĂNG LỰC TƯ DUY, NĂNG LỰC QUẢN LÝ VÀ LÃNH ĐẠO LÀ VIỆC LUÔN PHẢI THỰC HIỆN ĐỂ PHÙ HỢP VỚI MÔI TRƯỜNG KINH DOANH. CHÚNG TÔI ĐANG SẴN SÀNG CHO CÔNG CUỘC TÁI CƠ CẤU CỦA MÌNH.

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT:

Trong năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai tổ chức họp 10 lần với các nội dung như sau:

- + Lần 1: Ngày 18 tháng 4 năm 2015, nội dung bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc và các Phó Tổng giám đốc Công ty, miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc và các Phó Tổng giám đốc Công ty;
- + Lần 2: Ngày 01 tháng 5 năm 2015, nội dung thông qua các vấn đề liên quan đến việc đăng ký chứng khoán;
- + Lần 3: Ngày 07 tháng 4 năm 2015, nội dung thông qua danh sách cán bộ công nhân viên được phân phối cổ phần riêng lẻ trong đợt phát hành theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường ngày 06/04/2015;
- + Lần 4: Ngày 15 tháng 6 năm 2015, nội dung thông qua việc ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty;
- + Lần 5: Ngày 17 tháng 6 năm 2015, nội dung thông qua việc ban hành Quy chế quản trị của Công ty;
- + Lần 6: Ngày 18 tháng 6 năm 2015, nội dung thông qua các vấn đề liên quan đến hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu Công ty;
- + Lần 7: Ngày 14 tháng 7 năm 2015, nội dung thông qua việc cập nhật kết quả kinh doanh quý 2 năm 2015 và chọn công ty kiểm toán năm 2015;
- + Lần 8: Ngày 11 tháng 8 năm 2015, nội dung thông qua việc chốt danh sách cổ đông nhằm mục đích thông qua các phương án: i) chi trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 31/12/2014; ii) chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2015; và iii) phát hành riêng lẻ cổ phiếu HNG;
- + Lần 9: ngày 30 tháng 10 năm 2015, nội dung thông qua việc triển khai chi tiết phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/10/15/NQĐHĐCĐ-HAGL Agrico ngày 06/10/2015;
- + Lần 10: ngày 30 tháng 12 năm 2015, nội dung thông qua việc thay đổi thời gian kết thúc việc thực hiện phát hành cổ phiếu riêng lẻ.

Thành phần tham dự:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Lý do không tham dự
1	Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	10	
2	Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	10	
3	Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên	10	
4	Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên	10	
5	Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	10	
6	Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Thành viên	10	
7	Ông Nguyễn Quan Anh	Thành viên	10	

II. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2015, Hội đồng Quản trị đã thực hiện công tác chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Giám đốc trong các công việc sau:

- + Khánh thành và bàn giao Sân bay quốc tế Attapeu cho Chính phủ nước CHDCND Lào, với tổng vốn đầu tư hơn 36 triệu USD;
- + Tổ chức chuyến tham quan thực tế các dự án của Công ty tại Lào, Campuchia và Việt Nam với sự tham gia của hơn 60 nhà đầu tư, đại diện các tổ chức quỹ đầu tư, công ty chứng khoán cùng các cơ quan truyền thông;
- + Thực hiện niêm yết 708.143.895 cổ phiếu Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán HNG;
- + Thực hiện đưa Phòng phân tích thức ăn chăn nuôi thuộc Trung tâm Phân tích Thí Nghiệm vào hoạt động;
- + Thực hiện việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua các phương án: i) chi trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 31/12/2014; ii) chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2015; và iii) phát hành riêng lẻ cổ phiếu HNG;
- + Thực hiện các thủ tục phát hành riêng lẻ cổ phiếu Công ty cho nhà đầu tư.



III. TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày 01/01/2015		Ngày 31/12/2015		Thay đổi		Nguyên nhân thay đổi
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
I. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các TV HĐQT									
1	Đoàn Nguyễn Đức	Chủ tịch HĐQT	-	0,0000%	-	0,0000%	-	0,0000%	
2	Võ Trường Sơn	TV HĐQT	-	0,0000%	-	0,0000%	-	0,0000%	
3	Đoàn Nguyễn Thu	TV HĐQT	-	0,0000%	-	0,0000%	-	0,0000%	
4	Võ Thị Huyền Lan	TV HĐQT	-	0,0000%	-	0,0000%	-	0,0000%	
5	Nguyễn Xuân Thắng	TV HĐQT kiêm Tổng giám đốc	-	0,0000%	5.000	0,0007%	5.000	0,0007%	Phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho CB CNV
6	Nguyễn Quan Anh	TV HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	-	0,0000%	5.000	0,0007%	5.000	0,0007%	Phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho CB CNV
7	Nguyễn Ngọc Ánh	TV HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	-	0,0000%	-	0,0000%	-	0,0000%	
II. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các TV Ban Tổng giám đốc									
1	Trịnh Xuân Nhân	Phó Tổng giám đốc	-	0,0000%	-	0,0000%	-	0,0000%	
2	Phan Thanh Thủ	Phó Tổng giám đốc	-	0,0000%	-	0,0000%	-	0,0000%	
3	Hoàng Đình Quý	Phó Tổng giám đốc	-	0,0000%	1.000	0,0001%	1.000	0,0001%	Phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho CB CNV
4	Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng giám đốc	-	0,0000%	5.000	0,0007%	5.000	0,0007%	Phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho CB CNV
III. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các TV Ban kiểm soát									
1	Lê Hồng Phong	Trưởng Ban kiểm soát	-	0,0000%	-	0,0000%	-	0,0000%	
2	Phạm Ngọc Châu	Thành viên Ban kiểm soát	-	0,0000%	-	0,0000%	-	0,0000%	
3	Đào Đình Phương	Thành viên Ban kiểm soát	-	0,0000%	-	0,0000%	-	0,0000%	
TỔNG			-	0,0000%	16.000	0,0023%	16.000	0,0023%	



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên như sau:

Stt	Thành viên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
01.	Ông Lê Hồng Phong	Trưởng ban	0,00%
02.	Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên	0,00%
03.	Bà Đào Định Phương	Thành viên	0,00%

Các thành viên Ban Kiểm soát được bầu ra để thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Từng thành viên Ban Kiểm soát phát huy năng lực làm việc độc lập cũng như phối hợp chặt chẽ trong những nhiệm vụ cần thiết.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo những công việc sau:

- + Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty, giám sát tình hình và kết quả thực thi nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và nghị quyết của Hội đồng Quản trị;
- + Tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và xem xét tính phù hợp của các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong công tác quản lý;
- + Thẩm định các Báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và cả năm;
- + Trao đổi với Kiểm toán viên độc lập về kết quả kiểm toán báo cáo tài chính;

III. KẾT QUẢ LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Giám sát tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2015

Trong năm 2015, Công ty đã triển khai thực hiện các nghị quyết, kế hoạch đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Cụ thể:

- + Hoàn thành việc tăng vốn điều lệ và thực hiện niêm yết cổ phiếu Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán HNG;
- + Hoàn thành việc phát hành riêng lẻ 59 triệu cổ phiếu cho nhà đầu tư trong nước;
- + Kết quả kinh doanh năm 2015 với doanh thu thuần là 4.731 tỷ đồng đạt 77% kế hoạch, bằng 114% so với thực hiện năm 2014 và Lợi nhuận sau thuế hợp nhất là 744 tỷ đồng đạt 47% kế hoạch, bằng 101% so với thực hiện năm 2014;
- + Chưa thực hiện việc chi trả cổ tức cho Cổ đông, trích lập các quỹ và chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

2. Giám sát tình hình tài chính năm 2015

Định kỳ hàng quý, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra, soát xét, phân tích thông tin, số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty và trao đổi định kỳ với kiểm toán viên độc lập của Công ty là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam về phạm vi kiểm toán, kết quả kiểm toán và các vấn đề khác liên quan đến hoạt động tài chính.

3. Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã luôn phối hợp chặt chẽ, nắm bắt kịp thời tình hình thực tế hoạt động kinh doanh và tham gia đóng góp ý kiến trên nguyên tắc vì lợi ích Công ty, của Cổ đông.

Ban Kiểm soát thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty nhằm đảm bảo thông tin đến Cổ đông một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời. Đồng thời, Ban Kiểm soát cũng không nhận được đơn thư, yêu cầu hoặc khiếu nại nào của Cổ đông trong năm.



CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

01. RỦI RO VỀ THỊ TRƯỜNG

Giá cả các sản phẩm từ ngành trồng trọt và chăn nuôi của Công ty như mùn cao su, đường, dầu cọ, thịt bò đều chịu ảnh hưởng bởi thị trường thế giới và biến động hàng ngày, hàng giờ. Giá mùn cao su, dầu cọ hay dầu thô đã giảm sâu làm ảnh hưởng đến các dự phòng tài chính và triển vọng lợi nhuận của Công ty.

Ngoài ra là một doanh nghiệp mới trong ngành nông nghiệp, HAGL Agrico còn chịu rủi ro cạnh tranh từ một số đối thủ trong nước và từ các quốc gia Đông Nam Á như Thái Lan, Malaysia và Indonesia là những nước có bề dày lịch sử và nhiều kinh nghiệm hơn trong hoạt động trồng cây cao su, mía đường và cọ dầu.

Đặc biệt sắp tới đây khi hiệp định TPP (Hiệp định tối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương) được thực hiện, sức ép cạnh tranh về giá cả là một trong những khó khăn lớn nhất mà Công ty phải đối mặt.

02. RỦI RO TỈ GIÁ

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác nhau do Công ty hoạt động trên ba quốc gia Việt Nam, Lào và Campuchia, các chi phí tại mỗi quốc gia được thanh toán bằng đồng nội tệ. Tỷ giá các đồng tiền dùng trong giao dịch chính tại Lào và Campuchia có thể tăng lên so với Việt Nam đồng, làm tăng chi phí hoạt động và ảnh hưởng đến hiệu quả lợi nhuận của Công ty.

Phần lớn các sản phẩm cao su và cọ dầu dự kiến sẽ tiêu thụ tại thị trường nước ngoài và được giao dịch bằng đồng đô la Mỹ. Tỷ giá đô la Mỹ giảm dẫn tới doanh thu xuất khẩu cao su và cọ dầu giảm. Đối với lĩnh vực chăn nuôi, Công ty nhập khẩu bò thịt từ Úc và tiêu thụ nội địa, chi phí nhập bò được thanh toán bằng đô la Mỹ trong khi doanh thu thu được là đồng Việt Nam, những biến động tăng của tỷ giá đô la Mỹ có thể ảnh hưởng đến chi phí nhập khẩu bò của Công ty, dẫn đến giảm biên lợi nhuận.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Bằng chiến lược chi phí thấp áp dụng nhất quán trong tất cả các ngành, Công ty luôn kiểm soát chi phí đầu tư và giá thành ở mức thấp nhất.

Đồng thời, tận dụng ưu thế quỹ đất lớn, liền vùng, có nguồn nước dồi dào rất thuận lợi cho công tác cơ giới hóa và áp dụng công nghệ cao để đạt được hiệu quả tối ưu trong sản xuất, đạt năng suất cao và tạo ra sản phẩm cạnh tranh.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Nhờ vào chiến lược đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh giúp cho Công ty lấy lợi nhuận của ngành này bù cho ngành khác.

03. RỦI RO LÃI SUẤT

Hoạt động kinh doanh của Công ty có nhu cầu vốn lớn để đầu tư vào các dự án dài hạn. Phần lớn nguồn vốn này được huy động từ ngân hàng và phát hành trái phiếu doanh nghiệp với lãi suất thả nổi. Nếu lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí lãi vay và gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Công ty chủ động xây dựng cơ cấu nợ và vốn chủ sở hữu phù hợp với từng thời kỳ của nền kinh tế và hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhờ có mối quan hệ tốt với các ngân hàng thương mại lớn, Công ty có thể đạt được những thỏa thuận vay vốn với chi phí hợp lý. Bên cạnh việc huy động từ vốn vay và trái phiếu, Công ty còn thực hiện huy động vốn từ phát hành cổ phiếu.

04. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Các hoạt động kinh doanh của Công ty phần lớn chịu sự điều chỉnh của các chính sách, luật và các quy định khác do chính phủ và các cơ quan địa phương ban hành tại các quốc gia mà Công ty đang hoạt động bao gồm Việt Nam, Lào và Campuchia. Là một doanh nghiệp đã niêm yết cổ phần, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán... Các văn bản luật và hướng dẫn dưới luật hiện đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về pháp luật và các chính sách sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Biện pháp hạn chế rủi ro

HAGL Agrico đã tổ chức bộ máy thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật để kịp thời dự báo và giúp Công ty hoạt động tuân thủ theo quy định pháp luật.

05. RỦI RO DO ĐẶC THÙ NGÀNH

Trồng trọt:

+ Vườn cây của Công ty có thể bị ảnh hưởng bởi thiên tai như bão, lốc xoáy, lũ lụt, hạn hán, và sâu bệnh có thể ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng và hoạt động trồng trọt của Công ty.

Biện pháp hạn chế rủi ro

+ Công ty đã mua bảo hiểm cây trồng cho các nông trường cao su và cọ dầu.
+ Công ty có đội ngũ kỹ sư chuyên ngành bảo vệ thực vật sẽ thường xuyên kiểm tra, theo dõi để phát hiện xử lý kịp thời các dịch bệnh hại, giảm thiểu tối đa thiệt hại cho vườn cây.

Chăn nuôi:

Đàn gia súc có thể chịu ảnh hưởng của các loại bệnh phổ biến đối với gia súc, dẫn đến giảm số lượng và chất lượng sản phẩm, ảnh hưởng đến chi phí đầu tư và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Công ty thường xuyên đào tạo đội ngũ thú y có kiến thức chuyên sâu về các bệnh phổ biến của bò, đồng thời đưa ra các quy trình xử lý vệ sinh thức ăn, nước uống, chất thải để hạn chế tối đa phát triển và lây nhiễm mầm bệnh.

06. RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây thiệt hại, phá hủy một phần hoặc hoàn toàn các cơ sở kinh doanh, trang trại, đồn điền.

Biện pháp khắc phục

Công ty đã mua đầy đủ các loại bảo hiểm cây trồng cho các nông trường cao su, cọ dầu, mía; bảo hiểm rủi ro trong chăn nuôi cho các nông trường bò; bảo hiểm tai nạn lao động cho cán bộ công nhân viên; bảo hiểm trách nhiệm với bên thứ ba...



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG LÀ SỰ PHÁT TRIỂN CÓ THỂ ĐÁP ỨNG ĐƯỢC NHỮNG NHU CẦU HIỆN TẠI MÀ KHÔNG ẢNH HƯỞNG, TỔN HẠI ĐẾN KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG NHU CẦU CỦA CÁC THẾ HỆ TƯƠNG LAI. NÓI CÁCH KHÁC, PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG LÀ QUÁ TRÌNH CÓ SỰ KẾT HỢP CHẶT CHẼ, HỢP LÝ VÀ HÀI HÒA GIỮA BA MẶT CỦA PHÁT TRIỂN ĐÓ LÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, PHÁT TRIỂN XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



01

PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG

KHAI THÁC TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI

HAGL Agrico là Công ty đi đầu trong ứng dụng khoa học kỹ thuật để khai thác tiềm năng đất đai của Lào và Campuchia. Điều này giúp Công ty tận dụng được quỹ đất lớn và liền vùng, tối đa hóa vận dụng máy móc và đa dạng loại cây trồng. Trước khi canh tác, Công ty tiến hành khảo sát, phân tích dinh dưỡng trong đất và trồng thử nghiệm cây trồng để từ đó chọn được quy trình chăm sóc và bổ sung dinh dưỡng đúng theo nhu cầu của cây và đất.



02



03

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

Hệ thống tưới và bón phân theo công nghệ của Israel: Công ty ứng dụng hệ thống tưới nhỏ giọt của Israel – định mức tưới chuẩn xác tới từng mililit – để tối ưu nguồn nước sử dụng. Hệ thống bón phân qua đường ống tưới cũng giúp Công ty tiết kiệm đáng kể nguồn lao động.

Áp dụng cơ giới hóa: Nhờ quỹ đất liền vùng và bằng phẳng, Công ty dễ dàng áp dụng máy móc cho tất cả các khâu trong nông nghiệp từ gieo trồng, thu hoạch, bón tưới tới chăm sóc. Cơ giới hóa không những giảm chi phí nhân công mà còn chủ động hơn trong thời vụ trồng, thu hoạch và vận chuyển. Đây là thế mạnh để Công ty có thể cạnh tranh được với các đơn vị cùng ngành.



04

MẠNG LƯỚI NUÔI TRỒNG KHÉP KÍN

Mục tiêu của Công ty là tận dụng tối đa sản phẩm và phụ phẩm có được từ các ngành nghề để giảm thiểu lãng phí, giảm chi phí sản xuất, tạo thế cạnh tranh cho sản phẩm đầu ra của Công ty. Cụ thể, nguồn phụ phẩm của ngành trồng trọt như mật rỉ đường và bã cọ dầu thu được sau quá trình chế biến có thể tận dụng làm nguồn thức ăn dinh dưỡng cho chăn nuôi. Và ngược lại, nguồn chất thải tại các trang trại bò được tái sử dụng để cung cấp dinh dưỡng cho cây trồng. Các phụ phẩm nông nghiệp khác như bã mía, buồng quả cọ dầu, vỏ sọ và xơ sau khi đã ép lấy dầu được tận thu để cung cấp cho nhà máy nhiệt điện chạy bằng lò hơi và tua bin. Nguồn điện từ đây có thể phục vụ cho nhu cầu tưới tiêu cho nông trường và cấp nước cho nhà máy.



05

CHĂN NUÔI THEO TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

Bò thịt nuôi vỗ béo được Công ty nhập khẩu từ Úc, sau khi Công ty cùng các đối tác giết mổ đã đáp ứng tiêu chuẩn trong Hệ thống Đảm bảo chất lượng chuỗi cung ứng của nhà xuất khẩu do Chính phủ Úc quy định (Exporter Supply Chain Assurance System, gọi tắt là ESCAS). Đây là hệ thống dùng để giám sát động vật xuất khẩu của Australia tới các lò giết mổ đảm bảo rằng động vật được đối xử nhân đạo.

Công ty đã thành lập phòng phân tích thức ăn chăn nuôi để phân tích hàm lượng dinh dưỡng của thức ăn, từ đó đưa ra các công thức ăn phù hợp cho sự tăng trưởng của đàn bò.

Hàng tháng, các nhà xuất khẩu bò của Úc còn tổ chức các lớp tập huấn cho đội ngũ nhân viên về chương trình quản lý trang trại hiệu quả, thú y, dinh dưỡng...

- 01. Bể chứa nước tưới
- 02. Thu hoạch cỏ bằng máy
- 03. Hệ thống tưới nhỏ giọt cho vườn ươm cọ dầu
- 04. Thu hoạch mía bằng máy
- 05. Hệ thống phối trộn thức ăn cho đàn bò

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



O1



O2



O3



O4

- 01. Nụ cười của các em học sinh Lào tại ngôi trường mới mới ở Attapeu do HAGL Agrico xây dựng
- 02. Lao động địa phương làm việc tại Trang trại của HAGL Agrico
- 03. Phát và tặng lương thực miễn phí cho người dân nghèo địa phương
- 04. Khu nhà cho người lao động địa phương tại dự án
- 05. Khám chữa bệnh miễn phí cho đồng bào địa phương

PHÁT TRIỂN KINH TẾ GẮN LIỀN VỚI PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

“KHÔNG CHỈ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, HAGL AGRICO CÒN HƯỚNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN TRIỂN VĂN HÓA VÀ HÒA NHẬP VÀO CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG”

Ở ĐÂU CÓ ĐẦU TƯ, Ở ĐÓ CÓ SỰ PHÁT TRIỂN.

Để mở rộng đầu tư ra nước ngoài, doanh nghiệp cần phải chú trọng vào an sinh xã hội và phát triển cộng đồng khu vực. Đây là điều kiện tiên quyết khi được chính phủ nước bạn đồng ý cấp dự án và cũng là mong muốn của HAGL Agrico khi quyết định đầu tư tại Lào và Campuchia. Sự phát triển của một doanh nghiệp chỉ được công nhận khi cuộc sống của cộng đồng khu vực đó cũng được nâng cao.

Chính vì thế, từ những ngày đầu đặt chân tới vùng đất Attapeu, Lào và Rattanakiri, Campuchia Công ty đã đẩy mạnh công tác xây dựng cầu đường, bệnh viện, trường học, nhà sinh hoạt cộng đồng, khu tái định cư,... cho người dân vùng dự án và các khu vực khó khăn lân cận. Công ty ưu tiên chọn lao động địa phương làm việc tại các nông trường cao su, cọ dầu, mía và trang trại chăn nuôi.



O5

Hàng năm, Công ty kết hợp với Bệnh viện Đại học Y Dược HAGL tổ chức khám chữa bệnh, phát thuốc và lương thực miễn phí cho đồng bào địa phương.

Không chỉ phát triển kinh tế, HAGL Agrico còn hướng tới sự phát triển văn hóa và hòa nhập vào cộng đồng địa phương. Hầu hết các giám đốc, giám sát và nhân viên của Công ty tại vùng dự án đều có thể giao tiếp tốt với người địa phương. Vì ngôn ngữ chính là công cụ nhanh nhất để có thể tìm hiểu và hội nhập văn hóa trong khu vực.



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CÁC GIẢI PHÁP ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU:

Hiện tượng El Nino kéo dài đã gây thiệt hại rất nhiều cho các Công ty nông nghiệp nói chung và HAGL Agrico nói riêng. Vì thế, trong quá trình canh tác và chăm sóc vườn cây, Công ty luôn cố gắng tìm ra những giải pháp tốt nhất để tối ưu hóa nguồn nước sử dụng. Nhờ hệ thống tưới nhỏ giọt Israel với định mức tưới tối từng gốc cây giúp HAGL Agrico tiết kiệm tới 40% nước cung cấp cho dự án.

Tái sử dụng nguồn nước thải: Hệ thống xử lý thải của các nhà máy chế biến cao su, cọ dầu và mía đường đều được thiết kế để tận dụng được nguồn nước thải phục vụ cho tưới tiêu cũng như nhu cầu nội bộ.

KHÍ THẢI VÀ NƯỚC THẢI TỪ NHÀ MÁY ĐÁP ỨNG TIÊU CHUẨN CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG:

Các nhà máy chế biến của HAGL Agrico đều được lắp đặt theo tiêu chuẩn quốc tế dưới sự hướng dẫn của các chuyên gia Thái Lan, Malaysia và Úc. Hệ thống xử lý nước thải luôn là ưu tiên hàng đầu trong quá trình hình thành thiết kế. Khí thải và hệ thống xử lý nước thải từ nhà máy đều theo đúng định mức cho phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.



CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách lao động của HAGL Agrico tuân theo quy định của Pháp Luật. Ngoài tiền lương, Công ty còn có các chính sách phụ cấp, trợ cấp và các chế độ khuyến khích hỗ trợ công tác của người lao động, đặc biệt đối với người lao động làm việc tại Lào và Campuchia. Công ty còn có chính sách phân phối cổ phiếu thưởng đối với cán bộ công nhân viên công tác lâu năm và có đóng góp lớn cho Công ty, gần đây nhất là đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cán bộ công nhân viên vào tháng 6/2015 với hơn 15 triệu cổ phiếu.

Chăm lo sức khỏe nhân viên bằng việc hỗ trợ giảm chi phí điều trị tại Bệnh viện Đại học Y Dược – Hoàng Anh Gia Lai, và xét miễn giảm đối nhân viên đang công tác tại Lào và Campuchia.

Bên cạnh đó, Công ty cũng có những nội quy chặt chẽ về an toàn lao động để đảm bảo môi trường làm việc cho cán bộ công nhân viên.

Công ty thường xuyên tổ chức các khóa huấn luyện phòng cháy chữa cháy tại các đơn vị, hướng dẫn sử dụng trang thiết bị an toàn lao động tại nhà máy và các nông trường. Các trường hợp vi phạm nội quy đều bị xử lý nghiêm ngặt.

Ngoài ra, để có được lực lượng lao động có chuyên môn cao trong lĩnh vực nông nghiệp, Công ty đã chủ động tìm kiếm những đối tác có kinh nghiệm, uy tín trong việc tư vấn và triển khai thực hiện các phương pháp kỹ thuật, đồng thời đưa cán bộ nhân viên đi tập huấn để tiếp thu những công nghệ mới. Công ty có hợp đồng tư vấn với các Chuyên gia của Thái Lan, Malaysia, Israel, và Úc để tổ chức các khóa đào tạo cho đội ngũ nhân viên định kỳ hàng quý.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thông tin chung	80
Báo cáo của Ban Giám đốc	82
Báo cáo kiểm toán độc lập	83 - 84
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	85 - 86
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	87
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	88
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	90 - 148

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười bốn (14) GCNĐKKD điều chỉnh.

Vào ngày 3 tháng 4 năm 2015, Công ty đã nhận được GCNĐKKD số 5900712753 – điều chỉnh lần thứ mười một, chấp thuận việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai thành Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Công ty có 18 công ty con và 1 công ty liên kết được trình bày trong Thuyết minh số 15 của báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hoạt động chính được đăng ký của Nhóm Công ty là chăn nuôi và kinh doanh bò sữa và bò thịt; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, mía và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng nhà các loại; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính tại số 15 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên	
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Quan Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	mãn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Sự	Thành viên	mãn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Trương Ngọc Thành	Thành viên	mãn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên	mãn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Trần Quốc Huy	Thành viên	mãn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Lê Hồng Phong	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Đỗ Văn Hải	Trưởng ban	mãn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Bà Đào Đình Phương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Bà Huỳnh Thị Lan Hồng	Thành viên	mãn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015
Bà Trương Thị Mỹ Nguyệt	Thành viên	mãn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2015

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Trịnh Xuân Nhân	Giám đốc	từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Phan Thanh Thủ	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Giám đốc	
Ông Trịnh Xuân Nhân	Phó Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Hoàng Đình Quý	Phó Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Quan Anh	Phó Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Võ Nguyễn Công Bửu	Phó Giám đốc	từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Mai Đình Hồng	Phó Giám đốc	từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	
Ông Nguyễn Xuân Thắng	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015
Ông Trịnh Xuân Nhân	từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2015

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai) (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Nguyễn Xuân Thắng
Giám đốc

Gia Lai, Việt Nam
Ngày 8 tháng 4 năm 2016



Ernst & Young Việt Nam Limited
28th floor, Bitexco Financial Tower,
2 Hai Trieu Street District 1, Ho Chi Minh City
Socialist Republic of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
Website: ey.com

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 60752790/17892163-HN

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai) (“Công ty”) và các công ty con (“Nhóm Công ty”) được lập ngày 8 tháng 4 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 65 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến các Thuyết minh số 2.1 và 2.3 của báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập với giả định rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty đã trình bày các khoản vay và trái phiếu phải trả trị giá 12.235.646.377 ngàn VND, trong đó 3.127.105.050 ngàn VND sẽ đến hạn thanh toán trong năm 2016. Ngoài ra, cũng tại ngày này, Nhóm Công ty đã vi phạm điều khoản của khoản vay trái phiếu như được trình bày tại Thuyết minh số 2.3 của báo cáo tài chính hợp nhất. Những vấn đề này cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty. Tại ngày lập báo cáo này, Nhóm Công ty vẫn đang trong quá trình đàm phán với các chủ nợ và xin phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền để tái cơ cấu các khoản vay và trái phiếu nói trên.

Ngoài ra, chúng tôi cũng xin lưu ý đến Thuyết minh số 3.3 của báo cáo tài chính hợp nhất. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty có các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn với trị giá lần lượt là 173.855.867 ngàn VND và 1.245.353.038 ngàn VND chưa được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo yêu cầu của Thông tư số 121/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 7 năm 2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

Công ty trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2013-004-1

Đoàn Thị Thu Thủy
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1070-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 8 tháng 4 năm 2016

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại – Thuyết minh số 37)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.220.860.465	4.731.873.635
110	I. Tiền	5	331.961.020	46.804.781
111	1. Tiền		331.961.020	46.804.781
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.888.556.900	3.494.468.401
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.065.007.018	1.429.634.589
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	2.257.718.117	1.661.487.304
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	265.641.262	228.989.648
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	302.560.292	176.253.620
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(2.369.789)	(1.896.760)
140	III. Hàng tồn kho	10	2.966.320.073	1.140.636.497
141	1. Hàng tồn kho		2.971.502.880	1.140.636.497
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.182.807)	-
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		34.022.472	49.963.956
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		8.857.139	11.298.721
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		22.934.095	28.331.286
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		2.231.238	10.333.949
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		19.880.731.670	12.392.398.321
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.383.681.815	615.915.348
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	1.307.804.207	576.215.557
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	75.877.608	39.699.791
220	II. Tài sản cố định		5.596.337.810	4.178.392.700
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	5.553.475.832	4.135.879.855
222	Nguyên giá		6.246.257.348	4.519.219.989
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(692.781.516)	(383.340.134)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	42.861.978	42.512.845
228	Nguyên giá		54.845.260	48.197.185
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.983.282)	(5.684.340)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		11.153.955.744	6.431.053.932
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	11.153.955.744	6.431.053.932
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		311.150.970	248.460.551
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	15.2	271.950.970	248.460.551
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.3	39.200.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.435.605.331	918.575.790
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	944.944.277	893.292.952
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.2	57.286.393	25.282.838
269	3. Lợi thế thương mại	17	433.374.661	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		27.101.592.135	17.124.271.956

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-DN/HN
(tiếp theo)

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại - Thuyết minh số 37)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		17.221.964.230	10.269.183.720
310	I. Nợ ngắn hạn		7.030.109.890	6.281.915.475
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	630.784.705	247.166.661
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	787.064.002	126.467.449
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	148.940.710	256.814.835
314	4. Phải trả người lao động		27.580.067	27.209.734
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	474.504.889	34.999.733
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	22	1.834.130.467	1.861.194.194
320	7. Vay ngắn hạn	23	3.127.105.050	3.728.062.869
330	II. Nợ dài hạn		10.191.854.340	3.987.268.245
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	21	-	200.000.000
337	2. Phải trả dài hạn khác	22	847.958.773	166.523.184
338	3. Vay dài hạn	23	9.108.541.327	3.620.745.061
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.2	235.354.240	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		9.879.627.905	6.855.088.236
410	I. Vốn chủ sở hữu		9.879.627.905	6.855.088.236
411	1. Vốn cổ phần	24.1	7.081.438.950	3.990.670.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.081.438.950	3.990.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24.1	2.550.810	1.295.347.000
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	24.1	443.148.354	143.518.473
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.1	2.126.574.755	1.404.012.572
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.419.585.622	758.990.567
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		706.989.133	645.022.005
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25	225.915.036	21.540.191
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		27.101.592.135	17.124.271.956



Hồ Thị Tuyết Loan
Người lập



Đỗ Văn Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng
Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2016

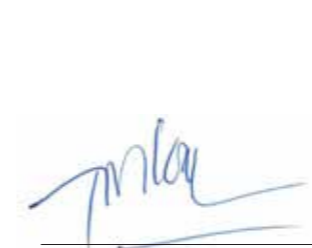
B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại - Thuyết minh số 37)
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	4.730.680.433	2.212.251.019
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	(3.493.579.993)	(1.184.492.722)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.237.100.440	1.027.758.297
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	164.880.632	38.081.784
22	5. Chi phí tài chính	29	(383.460.219)	(293.137.307)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(364.676.504)	(277.854.539)
24	6. Phần lỗ trong công ty liên kết	15.2	(1.225.021)	-
25	7. Chi phí bán hàng	30	(72.904.454)	(15.753.442)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(120.958.460)	(87.274.811)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		823.432.918	669.674.521
31	10. Thu nhập khác	31	2.233.328	81.090.939
32	11. Chi phí khác	31	(110.612.760)	(3.510.769)
40	12. (Lỗ) lợi nhuận khác	31	(108.379.432)	77.580.170
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		715.053.486	747.254.691
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	(3.048.663)	(23.035.483)
52	15. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	32.2	32.003.555	11.601.025
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		744.008.378	735.820.233
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		724.591.678	735.618.472
62	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	25	19.416.700	201.761
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	26	1.093	1.233
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VNĐ)	26	914	1.013



Hồ Thị Tuyết Loan
Người lập



Đỗ Văn Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng
Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B03-DN/HN

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại - Thuyết minh số 37)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		715.053.486	747.254.691
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		333.420.043	207.711.208
03	Các khoản dự phòng		5.655.836	1.579.705
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		328.995	3.075.619
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(52.746.866)	(103.091.422)
06	Chi phí lãi vay	29	364.676.504	277.854.539
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.366.387.998	1.134.384.340
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		344.086.017	(1.122.393.120)
10	Tăng hàng tồn kho		(2.180.235.216)	(343.116.971)
11	Tăng các khoản phải trả		2.159.563.563	35.082.810
12	Giảm chi phí trả trước		66.793.246	19.590.454
14	Tiền lãi vay đã trả		(371.302.612)	(257.139.267)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	32.1	(6.794.852)	(24.644.716)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(265.314)	(661.536)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		1.378.232.830	(558.898.006)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(4.421.246.855)	(1.907.144.790)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		27.568.222	348.899.272
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(969.807.867)	(895.542.788)
24	Tiền thu hồi cho vay		304.157.896	688.976.082
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.852.343.193)	(38.361.030)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		425.663.640	-
27	Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi		28.114.041	912.003
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(6.457.894.116)	(1.802.261.251)

B03-DN/HN
(tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại - Thuyết minh số 37)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ nhận góp vốn của chủ sở hữu		1.797.972.760	-
33	Tiền thu từ đi vay		9.304.243.116	4.312.491.633
34	Tiền chi trả nợ gốc vay, mượn		(5.654.081.191)	(2.052.353.224)
36	Cổ tức đã trả		(83.317.160)	(2.365.542)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		5.364.817.525	2.257.772.867
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		285.156.239	(103.386.390)
60	Tiền đầu năm		46.804.781	150.191.171
70	Tiền cuối năm	5	331.961.020	46.804.781



Hồ Thị Tuyết Loan
Người lập



Đỗ Văn Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng
Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười bốn (14) GCNĐKKD điều chỉnh.

Vào ngày 3 tháng 4 năm 2015, Công ty đã nhận được GCNĐKKD số 5900712753 – điều chỉnh lần thứ mười một, chấp thuận việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai thành Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Công ty có 18 công ty con và 1 công ty liên kết được trình bày trong Thuyết minh số 15 của báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hoạt động chính được đăng ký của Nhóm Công ty là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, mía và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng nhà các loại; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính tại số 15 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Nhóm Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Nhóm Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty đã trình bày các khoản vay và trái phiếu phải trả trị giá 12.235.646.377 ngàn VND, trong đó 3.127.105.050 ngàn VND sẽ đến hạn trả nợ trong năm 2016. Ngoài ra, cũng tại ngày này, Nhóm Công ty đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay trái phiếu như được trình bày tại Thuyết minh số 23. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty phụ thuộc vào khả năng Nhóm Công ty thu xếp được các dòng tiền trong tương lai để hoàn trả các khoản vay và trái phiếu khi đến hạn thanh toán hoặc đạt được các thỏa thuận với các chủ nợ để tái cơ cấu các khoản vay và trái phiếu hiện tại.

Tại ngày lập báo cáo này, Nhóm Công ty vẫn đang trong quá trình đàm phán với các chủ nợ và xin phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền để tái cơ cấu các khoản vay và trái phiếu nói trên. Ban Giám đốc tin tưởng rằng các đề xuất tái cơ cấu sẽ được chấp thuận và Nhóm Công ty có thể tiếp tục hoạt động kinh doanh trong tương lai gần.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

B09-DN/HN
(tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam (“Ngàn VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký Chung.

2.4 Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đồng Việt Nam (“VND”).

2.6 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng năm tài chính, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty và các công ty con.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Nhóm Công ty thực sự không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Nhóm Công ty không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Nhóm Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách (Thuyết minh số 3.11). Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp giá mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Nhóm Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng các thông tin dưới đây:

3.1.1 Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Vào ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 mà Bộ Tài chính ban hành. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Nhóm Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính hợp nhất năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 38.

3.1.2 Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Vào ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”) thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007. Thông tư 202 có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định tại Thông tư 202 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 202 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

B09-DN/HN
(tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ, dụng cụ và hàng hóa	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí lãi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất được mua hoặc thuê bởi Nhóm Công ty. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được xác định hoặc có thời hạn hoặc vô thời hạn. Theo đó, các quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng có thời hạn, chủ yếu bao gồm tiền thuê đất được phân bổ theo thời gian thuê, trong khi các quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng vô thời hạn thì không được phân bổ.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận chuyển	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vật nuôi	6 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm
Chương trình phần mềm	5 năm

Khấu hao đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCĐN ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)
Năm thứ 1	2,50
Năm thứ 2	2,80
Năm thứ 3	3,50
Năm thứ 4	4,40
Năm thứ 5	4,80
Năm thứ 6	5,40
Năm thứ 7	5,40
Năm thứ 8	5,10
Năm thứ 9	5,10
Năm thứ 10	5,00
Năm thứ 11	7,00
Năm thứ 12	6,60
Năm thứ 13	6,20
Năm thứ 14	5,90
Năm thứ 15	5,50
Năm thứ 16	5,40
Năm thứ 17	5,00
Năm thứ 18	5,50
Năm thứ 19	5,20
Năm thứ 20	Giá trị còn lại

B09-DN/HN
(tiếp theo)**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển nhà xưởng, văn phòng, vật kiến trúc, vườn cây cao su, cọ dầu, mía và vườn cây khác của Nhóm Công ty mà chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc của Nhóm Công ty như chi phí xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí có liên quan khác.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cọ dầu, mía và vườn cây khác như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí có liên quan khác.

Dự án bò

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành và phát triển dự án bò như giá trị bò giống, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, chuồng trại và các chi phí liên quan khác.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm tiền lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các kỳ mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất trả trước và chi phí phát triển vườn mía và vườn bắp và vườn cây khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê; và
- Chi phí phát triển vườn mía, vườn bắp, vườn cỏ và vườn cây khác bao gồm: chi phí cây giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây. Chi phí cây giống được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của cây. Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích của cổ đông không kiểm soát của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông không kiểm soát được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Trong trường hợp mua công ty con mà công ty con này không phải là doanh nghiệp kinh doanh thì giao dịch được xem là mua tài sản và khi đó những tài sản mua và các khoản nợ phải trả gánh chịu được xác định cụ thể và ghi nhận. Giá mua sẽ được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được xác định cụ thể trên cơ sở giá trị hợp lý tại ngày mua. Các nghiệp vụ và giao dịch này không làm phát sinh lợi thế thương mại.

Nếu việc hợp nhất kinh doanh liên quan đến các công ty hoặc doanh nghiệp dưới dạng kiểm soát chung, phương pháp cộng giá trị sổ sách được áp dụng như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất được phản ánh theo giá trị ghi sổ;
- Không có lợi thế thương mại mới phát sinh từ việc hợp nhất;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động của các doanh nghiệp hợp nhất cho cả năm tài chính, bất kể thời điểm phát sinh nghiệp vụ hợp nhất; và
- Các số liệu so sánh được trình bày như thể các doanh nghiệp đã được hợp nhất trước đây.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành lần lượt vào ngày 7 tháng 12 năm 2009 và ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)**

- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- Nhóm Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Nhóm Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- Chi phí liên quan đến giao dịch bán căn hộ có thể xác định tương đối chắc chắn.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản tăng hoặc giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

B09-DN/HN
(tiếp theo)**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thỏa thuận hợp đồng.

3.18 Thuế**Thuế thu nhập hiện hành**

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.18 Thuế (tiếp theo)****Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)**

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoạt động nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Nhóm Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

B09-DN/HN
(tiếp theo)**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.20 Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN**4.1 Mua cổ phần trong Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên (“BSTN”)**

Vào ngày 27 tháng 4 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc mua toàn bộ 38.993.170 cổ phiếu, tương đương với 98,61% quyền sở hữu trong BSTN từ Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai – công ty mẹ, tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 461.003.800 ngàn VND. Theo đó, BSTN đã trở thành công ty con của Công ty vào ngày này.

BSTN được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5900985126, do SKHĐT Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 28 tháng 4 năm 2014. Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của BSTN là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý tại ngày mua của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của BSTN. Do đó, Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất công ty này. Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của BSTN tại ngày mua được trình bày dưới đây:

Ngàn VND

	Giá trị hợp lý được xác định tạm thời ghi nhận tại ngày mua
Tài sản	
Tiền	411.433
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	205.726.534
Hàng tồn kho	8.038.851
Chi phí trả trước ngắn hạn	58.254.349
Tài sản cố định hữu hình	23.774.972
Tài sản cố định vô hình	6.648.075
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	54.562.778
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	39.200.000
Nợ phải trả	
Phải trả ngắn hạn khác	(2.341.549)
Tổng tài sản thuần	394.275.443
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(5.500.000)
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 17)	72.228.357
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán	(461.003.800)

Thêm vào đó, vào ngày 12 tháng 5 năm 2015, Công ty đã góp thêm 154.568.300 ngàn VND vào BSTN, tăng tỷ lệ sở hữu lên 99,00%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)**4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN (tiếp theo)****4.2 Mua thêm cổ phần trong Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh (“HAQM”)**

Vào ngày 18 tháng 5 năm 2015, Công ty đã mua thêm 45.500 cổ phiếu của HAQM, công ty con hiện hữu, từ các cổ đông không kiểm soát với tổng giá mua là 910.910 ngàn VND, tăng tỷ lệ sở hữu trong HAQM từ 97,54% lên 97,77%.

Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng chi phí mua thể hiện giá trị hợp lý của các dự án cao su do HAQM và các công ty con của HAQM sở hữu, và việc mua thêm quyền sở hữu trong HAQM chủ yếu là để tăng quyền kiểm soát đối với các dự án cao su này. Theo đó, số chênh lệch giữa giá mua so với phần sở hữu trong giá trị tài sản thuần của HAQM và các công ty con của HAQM tại ngày mua là 131.935 ngàn VND được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.3 Chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên (trước đây là Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ 99,83% phần vốn góp trong Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên cho các cá nhân với tổng giá bán là 425.663.640 ngàn VND. Theo đó, số tiền lãi là 45.960.202 ngàn VND từ việc chuyển nhượng này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.4 Mua thêm cổ phần trong Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk (“HAĐL”)

Vào ngày 22 tháng 9 năm 2015, Công ty đã mua thêm 22.239 cổ phiếu của HAĐL, công ty con hiện hữu, từ các cổ đông không kiểm soát với tổng giá mua là 890.450 ngàn VND tăng tỷ lệ sở hữu trong HAĐL từ 99,46% lên 99,53%.

Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng chi phí mua thể hiện giá trị hợp lý của các dự án cao su do HAĐL sở hữu và việc mua thêm quyền sở hữu trong HAĐL chủ yếu là để tăng quyền kiểm soát đối với các dự án cao su này. Theo đó, số chênh lệch giữa giá mua so với phần sở hữu trong giá trị tài sản thuần của HAĐL tại ngày mua là 680.310 ngàn VND được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.5 Mua Công ty Cổ phần Đông Pênh (“DPC”) và công ty con – Công ty TNHH Nông nghiệp Daun Penh (“DPA”)

Vào ngày 14 tháng 10 năm 2015, Công ty đã hoàn tất mua 19.940.000 cổ phiếu, tương đương với 99,7% quyền sở hữu trong DPC từ các cá nhân với tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 798.397.600 ngàn VND. Theo đó, DPC đã trở thành công ty con của Công ty vào ngày này.

DPC được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5900981604, do SKHĐT Tỉnh Gia Lai cấp ngày 13 tháng 3 năm 2014. Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của DPC là trồng và kinh doanh cọ dầu và các cây lâu năm khác.

Vào ngày mua, DPC nắm giữ 100% vốn góp trong DPA, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Campuchia theo Giấy Chứng nhận vĩnh viễn số 2660/11 vào ngày 18 tháng 11 năm 2011. Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của DPA là trồng và chăm sóc 8.825 ha cọ dầu và xây dựng nhà máy cọ dầu tại Phường Lumphat, Tỉnh Rattanakiri, Campuchia. DPC được phê duyệt bởi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cho hoạt động đầu tư vào Campuchia theo Giấy Chứng nhận Đầu tư ra nước ngoài số 201500021 cấp vào ngày 26 tháng 8 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)**4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN (tiếp theo)****4.5 Mua Công ty Cổ phần Đông Pênh (“DPC”) và công ty con – Công ty TNHH Nông nghiệp Daun Penh (“DPA”) (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý tại ngày mua của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của DPC và DPA. Do đó, Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất các công ty này. Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của DPC và DPA tại ngày mua được trình bày dưới đây:

Ngàn VND

	Giá trị hợp lý được xác định tạm thời ghi nhận tại ngày mua
Tài sản	
Tiền	1.060.840
Phải thu ngắn hạn khác	159.204.731
Hàng tồn kho	8.827.132
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.821.666
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.164.500.689
Nợ phải trả	
Vay ngắn hạn	(58.015.000)
Phải trả ngắn hạn khác	(479.439.637)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(122.270.705)
Tổng tài sản thuần	676.689.716
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(2.030.069)
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 17)	123.737.953
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán	(798.397.600)

Thêm vào đó, vào ngày 8 tháng 12 năm 2015, BSTN - công ty con của Nhóm Công ty đã mua thêm 40.000 cổ phiếu của DPC, từ các cổ đông không kiểm soát với tổng giá mua là 1.600.000 ngàn VND, tăng tỷ lệ sở hữu trong DPC từ 99,7% lên 99,9%. Số chênh lệch giữa giá mua so với phần sở hữu trong giá trị tài sản thuần của DPC và DPA tại ngày mua là 1.217.251 ngàn VND được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.6 Mua Công ty Cổ phần An Đông Mía (“ADM”) và công ty con – Công ty TNHH Nông nghiệp Hoàng Anh Lumphat (“HAL”)

Vào ngày 15 tháng 10 năm 2015, Công ty đã hoàn tất mua 13.900.000 cổ phiếu, tương đương với 69,5% quyền sở hữu trong ADM từ các cá nhân với giá phí hợp nhất kinh doanh là 700.695.000 ngàn VND. Cùng ngày, công ty con của Nhóm Công ty, BSTN đã hoàn tất mua 100.000 cổ phiếu, tương đương 0,5% quyền sở hữu trong ADM từ một cá nhân khác. Theo đó, ADM đã trở thành công ty con của Công ty vào ngày này.

ADM được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5900910258, do SKHĐT Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 10 tháng 7 năm 2012. Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của ADM là trồng và kinh doanh cọ dầu, cao su và các cây lâu năm khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)**4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN (tiếp theo)****4.6 Mua Công ty Cổ phần An Đông Mia (“ADM”) và công ty con – Công ty TNHH Nông nghiệp Hoàng Anh Lumphat (“HAL”) (tiếp theo)**

Vào ngày mua, ADM nắm giữ 100% vốn góp trong HAL, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Campuchia theo Giấy Chứng nhận vĩnh viễn số 3030/13 vào ngày 6 tháng 12 năm 2013. Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của HAL là trồng, chăm sóc và khai thác cọ dầu và cao su tại Phường Labanseak, Thành phố Banlung, Tỉnh Rattanakiri, Campuchia. ADM được phê duyệt bởi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cho hoạt động đầu tư vào Campuchia theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 670/BKHDT-DTRNN cấp vào ngày 9 tháng 1 năm 2014.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý tại ngày mua của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của ADM và HAL. Do đó, Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất các công ty này. Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của ADM và HAL tại ngày mua được trình bày dưới đây:

Ngàn VND

	Giá trị hợp lý được xác định tạm thời ghi nhận tại ngày mua
Tài sản	
Tiền	3.790.446
Phải thu ngắn hạn khác	1.590.916.619
Hàng tồn kho	23.478.270
Phải thu về cho vay ngắn hạn	51.920.357
Tài sản cố định hữu hình	43.737.458
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.410.519.279
Nợ phải trả	
Vay ngắn hạn	(1.757.985.034)
Phải trả ngắn hạn	(611.629.060)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(113.083.535)
Tổng tài sản thuần	641.664.800
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(183.193.375)
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 17)	242.223.575
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	(700.695.000)

B09-DN/HN
(tiếp theo)**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. TIỀN

Ngàn VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Tiền mặt	32.092.852	4.859.005
Tiền gửi ngân hàng	299.868.168	41.945.776
TỔNG CỘNG	331.961.020	46.804.781

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Ngàn VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải thu từ xây dựng sân bay cho Chính phủ Lào	730.579.743	470.501.762
Phải thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	334.427.275	959.132.827
- Công ty Xuất nhập khẩu Hữu Nghị	-	425.462.663
- Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Laman – Sekong	-	329.864.299
- Phải thu từ các khách hàng khác	64.889.794	195.463.414
- Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 33)	269.537.481	8.342.451
TỔNG CỘNG	1.065.007.018	1.429.634.589
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.369.789)	(1.896.760)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.062.637.229	1.427.737.829

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	1.883.134.630	648.903.813
- Công ty TNHH Kasimex	372.988.152	-
- Các khoản trả trước khác	82.340.128	152.634.235
- Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 33)	1.427.806.350	496.269.578
Trả trước cho thầu phụ của các dự án sân bay tại Lào	327.627.512	963.495.248
- Ông Nguyễn Đắc Quốc	70.266.565	321.144.384
- Bà Phạm Thanh Thủy	28.044.369	177.474.528
- Trả trước cho các nhà thầu khác	229.316.578	464.876.336
Trả trước cho nhà thầu xây dựng và mua máy móc thiết bị	46.955.975	49.088.243
TỔNG CỘNG	2.257.718.117	1.661.487.304

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

Ngàn VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Ngắn hạn	265.641.262	228.989.648
Cho vay bên liên quan (<i>Thuyết minh số 33</i>)	173.855.867	123.436.539
Cho vay các công ty và cá nhân khác	91.785.395	105.553.109
- Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Samaki	91.785.395	-
- Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat	-	92.807.498
- Công ty khác	-	12.745.611
Dài hạn	1.307.804.207	576.215.557
Cho vay bên liên quan (<i>Thuyết minh số 33</i>)	1.245.353.038	280.000.000
Cho vay các công ty khác	62.451.169	296.215.557
- Công ty TNHH Dara Rattanakiri	44.035.648	136.533.071
- Công ty TNHH Nông nghiệp Daun Penh	-	155.601.407
- Công ty khác	18.415.521	4.081.079
TỔNG CỘNG	1.573.445.469	805.205.205

9. PHẢI THU KHÁC

Ngàn VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Ngắn hạn	302.560.292	176.253.620
Tạm ứng cho nhân viên phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh	204.857.675	107.360.461
- Ông Phan Thanh Thủ	136.263.600	-
- Ông Mai Đình Hồng	-	27.441.261
- Nhân viên khác	68.594.075	79.919.200
Lãi từ cho vay	77.470.619	46.764.005
Phải thu ngắn hạn khác	20.231.998	22.129.154
Trong đó:		
Phải thu từ bên khác	212.948.729	171.590.670
Phải thu từ bên liên quan (<i>Thuyết minh số 33</i>)	89.611.563	4.662.950
Dài hạn	75.877.608	39.699.791
Lãi từ cho vay	27.421.314	-
Ký quỹ, ký cược	11.823.112	6.389.030
Phải thu dài hạn khác	36.633.182	33.310.761
Trong đó:		
Phải thu từ bên khác	52.528.516	39.699.791
Phải thu từ bên liên quan (<i>Thuyết minh số 33</i>)	23.349.092	-
TỔNG CỘNG	378.437.900	215.953.411

B09-DN/HN
(tiếp theo)**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

10. HÀNG TỒN KHO

Ngàn VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.378.243.787	532.495.604
Trong đó:		
<i>Chi phí nuôi bò thịt (*)</i>	<i>1.417.725.816</i>	<i>141.250.534</i>
<i>Hoạt động sản xuất</i>	<i>486.992.056</i>	<i>346.933.204</i>
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	<i>473.525.915</i>	<i>44.311.866</i>
Nguyên vật liệu	410.514.950	305.221.847
Giá trị các căn hộ sẵn sàng để bán	116.436.784	170.579.766
Thành phẩm	35.923.410	114.732.141
Công cụ, dụng cụ	17.412.328	17.290.299
Hàng hóa	12.971.621	316.840
TỔNG CỘNG	2.971.502.880	1.140.636.497
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.182.807)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	2.966.320.073	1.140.636.497

(*) Tất cả bò thịt đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Nhóm Công ty (*Thuyết minh số 23*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND										
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Vật nuôi và cây trồng lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng				
Nguyên giá											
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.221.103.529	1.202.083.826	947.311.879	1.145.439	1.135.705.300	11.870.016	4.519.219.989				
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	474.725.738	170.043.416	168.262.306	-	-	1.713.131	814.744.591				
Mua trong năm	54.588.331	118.340.853	35.717.886	38.449	726.639.126	211.515	935.536.160				
Tăng từ mua công ty con	1.347.855	45.685.149	21.320.075	-	-	3.560.726	71.913.805				
Chênh lệch tỷ giá	26.812.539	28.742.716	18.873.414	19.615	22.619.609	267.159	97.335.052				
Giảm do thanh lý công ty con	(25.539.940)	(1.066.977)	(54.824.062)	(74.570)	(84.894.986)	-	(166.400.535)				
Thanh lý trong năm	(1.015.942)	(13.057.088)	(11.995.404)	-	-	-	(26.068.434)				
Phân loại lại	(23.280)	(764.915)	769.326	-	-	(4.411)	(23.280)				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.751.998.830	1.550.006.980	1.125.435.420	1.128.933	1.800.069.049	17.618.136	6.246.257.348				
Trong đó: Đã khấu hao hết	1.543.390	2.649.780	3.788.805	401.521	-	517.161	8.900.657				
Hao mòn lũy kế											
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	113.230.789	153.827.136	81.348.327	810.648	31.640.193	2.483.041	383.340.134				
Khấu hao trong năm	74.050.470	105.504.603	83.459.616	184.375	56.647.418	2.459.395	322.305.877				
Tăng từ mua công ty con	-	2.534.033	1.867.342	-	-	-	4.401.375				
Chênh lệch tỷ giá	2.310.524	3.374.716	1.651.103	12.210	658.630	32.156	8.039.339				
Giảm do thanh lý công ty con	(187.859)	(1.264.236)	(4.605.719)	-	(1.396.896)	-	(7.454.710)				
Thanh lý trong năm	(6.807.147)	(627.845)	(8.169.866)	(74.570)	(2.162.018)	-	(17.841.446)				
Phân loại lại	(9.053)	928.388	(928.388)	-	-	-	(9.053)				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	182.587.724	264.276.795	154.622.415	932.663	85.387.327	4.974.592	692.781.516				
Giá trị còn lại											
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.107.872.740	1.048.256.690	865.963.552	334.791	1.104.065.107	9.386.975	4.135.879.855				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.569.411.106	1.285.730.185	970.813.005	196.270	1.714.681.722	12.643.544	5.553.475.832				
Trong đó:											
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (Thuyết minh số 23)	1.569.411.106	1.285.730.185	970.813.005	196.270	1.714.681.722	12.643.544	5.553.475.832				

B09-DN/HN
(tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Ngàn VND

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	-	48.197.185	48.197.185
Tăng từ mua công ty con	6.648.075	-	6.648.075
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	6.648.075	48.197.185	54.845.260
Hao mòn lũy kế			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	-	5.684.340	5.684.340
Hao mòn trong năm	249.303	6.049.639	6.298.942
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	249.303	11.733.979	11.983.282
Giá trị còn lại			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	-	42.512.845	42.512.845
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	6.398.772	36.463.206	42.861.978

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Ngàn VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại – Thuyết minh số 37)
Chi phí vườn cây cao su và cây cọ dầu (*)	10.137.217.769	5.867.366.056
Nhà cửa và vật kiến trúc (*)	613.442.399	314.219.395
Chi phí xây dựng của dự án bò (*)	249.346.043	57.262.902
Các công trình khác	153.949.533	192.205.579
TỔNG CỘNG	11.153.955.744	6.431.053.932

(*) Vườn cây cao su, cọ dầu, nhà cửa và vật kiến trúc và chi phí xây dựng của dự án bò đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 23).

14. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Nhóm Công ty đã vốn hóa các chi phí lãi vay là 557.954.522 ngàn VND vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014: 483.986.502 ngàn VND). Các khoản chi phí đi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng và trái phiếu để tài trợ vốn cho việc xây dựng và phát triển nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị, vườn cây cao su và cọ dầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN****15.1 Đầu tư vào các công ty con**

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Ngày thành lập/ ngày mua	Tỷ lệ sở hữu (%)
01. Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	12/01/2007	97,77
02. Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	01/02/2007	97,77
03. Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	12/09/2007	99,46
04. Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	22/05/2008	100,00
05. Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	18/11/2009	100,00
06. Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê	Đắk Lắk, Việt Nam	Trước hoạt động	15/01/2010	99,38
07. Công ty TNHH Heng Brothers	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	25/01/2010	100,00
08. Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	16/07/2010	100,00
09. Công ty TNHH CRD	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	15/12/2010	100,00
10. Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	26/01/2011	99,99
11. Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	17/02/2011	97,77
12. Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	01/11/2011	99,99
13. Công ty TNHH MTV Kinh doanh XNK Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	05/02/2013	100,00
14. Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	27/04/2015	99,00
15. Công ty Cổ phần Đông Pênh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	14/10/2015	99,90
16. Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	14/10/2015	99,90
17. Công ty CP An Đông Mia	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	15/10/2015	69,05
18. Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	15/10/2015	69,05

B09-DN/HN
(tiếp theo)**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**15.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	Ngàn VND
	Bidiphar
Giá trị đầu tư	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	248.460.551
Tăng giá trị đầu tư	24.715.440
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	273.175.991
Phần lỗ lũy kế sau khi đầu tư	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	-
Phần lỗ trong năm	(1.225.021)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	(1.225.021)
Giá trị còn lại	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	248.460.551
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	271.950.970

Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar (“Bidiphar”) được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3503000155 do SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp vào ngày 14 tháng 9 năm 2007 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh, vốn điều lệ là 212.800.000 ngàn VND.

Vào ngày 26 tháng 11 năm 2015, Công ty đã mua thêm 549.232 cổ phiếu của Bidiphar từ Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai với tổng giá mua là 24.715.440 ngàn VND, tăng tỷ lệ sở hữu trong Bidiphar từ 45,22% lên 47,80%.

15.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác thể hiện khoản đầu tư của BSTN, công ty con, vào Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai với tỷ lệ sở hữu 4,9%.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Chi phí phát triển vườn mía	658.428.542	765.142.344
Chi phí trồng cỏ	119.334.616	19.108.996
Tiền thuê đất	81.399.952	25.878.208
Chi phí vườn bắp	49.185.469	48.928.696
Công cụ, dụng cụ	18.864.683	22.371.230
Chi phí thuê văn phòng	5.521.946	5.325.976
Chi phí khác	12.209.069	6.537.502
TỔNG CỘNG	944.944.277	893.292.952

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)**17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

Ngàn VNĐ

	Giá trị
Nguyên giá	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	-
Phát sinh từ mua trong năm	438.189.885
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	438.189.885
Phân bổ lũy kế	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	-
Phân bổ trong năm	(4.815.224)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	(4.815.224)
Giá trị còn lại	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	-
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	433.374.661

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Ngàn VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải trả người bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	400.037.969	149.918.734
- Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	-	33.673.648
- Khác	400.037.969	116.245.086
Phải trả người bán máy móc và thiết bị	164.346.595	50.354.127
Phải trả do mua cổ phần công ty con	61.490.000	-
Phải trả nhà thầu xây dựng	4.910.141	46.893.800
TỔNG CỘNG	630.784.705	247.166.661
Trong đó:		
Phải trả bên khác	179.580.810	135.204.571
Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 33</i>)	451.203.895	111.962.090

B09-DN/HN
(tiếp theo)**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Ngàn VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Người mua trả tiền trước	684.971.696	126.467.449
- Công ty Cổ phần Bò Đông Dương	574.711.583	-
- Các công ty khác	110.260.113	126.467.449
Bên liên quan trả tiền trước (<i>Thuyết minh số 33</i>)	102.092.306	-
TỔNG CỘNG	787.064.002	126.467.449

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Ngàn VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Thuế giá trị gia tăng	142.676.704	250.852.246
Thuế thu nhập cá nhân	4.034.146	1.136.926
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 32.1</i>)	2.229.860	4.464.177
Các loại thuế khác	-	361.486
TỔNG CỘNG	148.940.710	256.814.835

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Ngàn VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại - Thuyết minh số 37)
Ngắn hạn	474.504.889	34.999.733
Chi phí lãi vay	330.277.520	12.329.868
Chi phí xây dựng	127.785.507	-
Chi phí hoạt động kinh doanh	16.441.862	22.669.865
Dài hạn	-	200.000.000
Chi phí lãi vay	-	200.000.000
TỔNG CỘNG	474.504.889	234.999.733

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)**22. PHẢI TRẢ KHÁC**

Ngàn VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Ngắn hạn	1.834.130.467	1.861.194.194
Phải trả tiền mượn tạm	1.781.589.375	1.748.115.939
Phải trả tiền thuê đất	16.237.999	16.239.014
Phải trả cổ tức	5.109.394	87.823.600
Phải trả ngắn hạn khác	31.193.699	9.015.641
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên khác</i>	<i>57.660.451</i>	<i>224.378.196</i>
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 33)</i>	<i>1.776.470.016</i>	<i>1.636.815.998</i>
Dài hạn	847.958.773	166.523.184
Phải trả tiền mượn	659.411.049	-
Phải trả tiền thuê đất	188.478.724	166.433.291
Phải trả dài hạn khác	69.000	89.893
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên khác</i>	<i>188.547.724</i>	<i>166.523.184</i>
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 33)</i>	<i>659.411.049</i>	<i>-</i>
TỔNG CỘNG	2.682.089.240	2.027.717.378

23. VAY

Ngàn VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Vay ngắn hạn	3.127.105.050	3.728.062.869
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh số 23.1)	300.000.000	1.988.689.724
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 23.3)	2.101.643.091	828.650.337
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 23.4)	659.401.026	270.571.455
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả (Thuyết minh số 23.5)	66.060.933	640.151.353
Vay dài hạn	9.108.541.327	3.620.745.061
Vay dài hạn trái phiếu (Thuyết minh số 23.2)	1.700.000.000	-
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 23.4)	4.031.152.897	2.388.747.061
Vay dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 23.5)	3.377.388.430	1.231.998.000
TỔNG CỘNG	12.235.646.377	7.348.807.930

B09-DN/HN
(tiếp theo)**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

23. VAY (tiếp theo)**Chi tiết tình hình tăng giảm vay:**

Ngàn VND

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	3.728.062.869	3.620.745.061
Vay trong năm	3.359.994.655	4.934.649.698
Phân loại lại	(173.938.505)	173.938.506
Trả trong năm	(3.626.513.089)	(317.293.546)
Giảm do thanh lý công ty con	(187.014.117)	(350.000.000)
Tăng từ mua các công ty con	-	908.014.993
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ có gốc ngoại tệ	26.513.237	138.486.615
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	3.127.105.050	9.108.541.327

23.1 Trái phiếu kèm chứng quyền

Vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 2.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100 triệu VND) do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ("VPBS") thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm và được ân hạn thêm một (1) năm. Trái phiếu được trả lãi định kỳ ba (3) tháng một lần với lãi suất là 11,37% một năm cho ba (3) kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi kỳ hạn từ một (1) đến dưới mười hai (12) tháng của Ngân hàng Nhà nước ("SBV") bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 3% một năm. Trong trường hợp SBV hủy bỏ quy định về lãi suất tối đa đối với tiền gửi có kỳ hạn từ một (1) đến dưới mười hai (12) tháng, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm của cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng trả lãi cuối kỳ của VPBS bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 3% một năm. Ngoài ra, Công ty cũng cam kết trả lãi bổ sung 5% một năm cho khoản trái phiếu này kể từ ngày phát hành trái phiếu cho đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 37). Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital ("ECS") căn cứ theo các hợp đồng vào ngày 7 tháng 12 năm 2012, ngày 25 tháng 12 năm 2012 và ngày 27 tháng 12 năm 2012 với số tiền thu được lần lượt là 750 tỷ VND, 450 tỷ VND và 800 tỷ VND. Như vậy, tổng số tiền thu được từ các hợp đồng bán trái phiếu này là 2.000 tỷ VND.

Mục đích phát hành trái phiếu này là để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Nhóm Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc 28.173 ha cao su tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 9.470 ha cọ dầu tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 25.000 ha cao su và cọ dầu tại Tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; dự án trồng và chăm sóc 5.000 ha cao su tại Tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; dự án trồng và chăm sóc 3.000 ha mía đường tại Tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; tái cấu trúc nợ vay của Nhóm Công ty và bổ sung vốn lưu động và đầu tư cho các dự án khác của Nhóm Công ty. Các trái phiếu nói trên được đảm bảo bằng 150.717.250 cổ phiếu của Công ty ("HNG") được nắm giữ bởi Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, công ty mẹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)**23. VAY (tiếp theo)****23.1 Trái phiếu kèm chứng quyền (tiếp theo)**

Ngoài ra, mỗi trái phiếu phát hành kèm theo một chứng quyền và các chứng quyền này sẽ được coi là chứng khoán hoàn toàn độc lập với các trái phiếu ngay sau khi được phát hành. Mỗi chứng quyền sẽ cho phép người nắm giữ có quyền mua một số lượng cổ phần của Công ty tương đương với 0,000775% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền và theo nguyên tắc là tất cả các chứng quyền trong đợt phát hành này nếu được thực hiện toàn bộ sẽ luôn đảm bảo cho những người sở hữu chứng quyền sở hữu đối với 15,5% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền.

Vào ngày 23 tháng 6 năm 2015, theo thỏa thuận giữa ECS – công ty sở hữu 20.000 chứng quyền và Công ty, ngày hết hạn của chứng quyền được gia hạn thêm hai (2) năm. Theo đó, thời hạn thực hiện quyền mua cổ phần theo chứng quyền được tăng từ bốn (4) năm lên sáu (6) năm kể từ ngày phát hành chứng quyền.

Vào ngày 17 tháng 11 năm 2015, Công ty đã mua lại 17.000 trái phiếu trước hạn với hai trái chủ là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Ngân hàng TMCP Tiên Phong, số lượng trái phiếu lần lượt là 12.000 và 5.000 với tổng mệnh giá là 1.700 tỷ VND. Theo đó, 150.717.250 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai dùng để thế chấp cho khoản trái phiếu kèm chứng quyền 2.000 tỷ VND đã được giải chấp.

Khoản tiền lãi bổ sung 255 tỷ VND tương ứng với 17.000 trái phiếu mua lại trước hạn được gia hạn thời hạn thanh toán, chậm nhất là ngày 10 tháng 12 năm 2016 và được đảm bảo bằng 92.855.945 cổ phiếu HNG do Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai sở hữu. 92.855.945 cổ phiếu này đã được dùng để thế chấp cho các trái phiếu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai bao gồm trái phiếu không chuyển đổi mệnh giá 530 tỷ VND – Trái phiếu Huỳnh Đệ, trái phiếu không chuyển đổi mệnh giá 350 tỷ VND – Trái phiếu Phú Hoàng Anh và trái phiếu có tổng mệnh giá 600 tỷ VND – Trái phiếu HAGL 600.

Đồng thời, 3.000 trái phiếu còn lại với tổng mệnh giá là 300 tỷ VND đã được gia hạn một (1) năm, thời gian đáo hạn mới là ngày 28 tháng 12 năm 2016. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, khoản trái phiếu này được đảm bảo bằng 25.585.000 cổ phiếu và 3.850.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“HAG”) lần lượt thuộc sở hữu của ông Đoàn Nguyên Đức và ông Nguyễn Anh Hòa, và 4.000.000 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, giá trị của các tài sản đảm bảo này không bằng tối thiểu 130% tổng mệnh giá trái phiếu được người sở hữu trái phiếu nắm giữ.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, trái phiếu này được sở hữu bởi Ngân hàng TMCP Bắc Á, chịu lãi suất từ 9,40% đến 9,80% một năm trong năm nay và đã được phân loại thành khoản nợ dài hạn đến hạn trả cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

23.2 Trái phiếu thường

Vào ngày 17 tháng 11 năm 2015, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 1.700 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là một tỷ VND) do ECS thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả từ ngày 17 tháng 12 năm 2017 đến ngày 17 tháng 12 năm 2018. Trái phiếu được trả lãi định kỳ ba (3) tháng một lần với lãi suất là 10,50% một năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng tổng của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Sở Giao Dịch cộng với biên độ 4,5% một năm (2015: 10,50% một năm).

B09-DN/HN
(tiếp theo)**23. VAY (tiếp theo)****23.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)**

Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho Ngân hàng TMCP Quốc Dân, Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng căn cứ theo các hợp đồng đặt mua vào ngày 17 tháng 11 năm 2015, với số tiền thu được lần lượt là 300 tỷ VND, 200 tỷ VND và 1.200 tỷ VND. Như vậy, tổng số tiền thu được từ các hợp đồng bán trái phiếu này là 1.700 tỷ VND. Mục đích phát hành trái phiếu này là để cơ cấu lại một phần nợ gốc trái phiếu có tổng mệnh giá 2.000 tỷ VND được phát hành tháng 12 năm 2012; bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Nhóm Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc 28.173 ha cao su tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 9.470 ha cọ dầu tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 25.000 ha cao su và cọ dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào; dự án trồng và chăm sóc 5.000 ha cao su tại Tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; dự án trồng và chăm sóc 3.000 ha mía đường tại Tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; bổ sung vốn lưu động và đầu tư cho các dự án khác của Nhóm Công ty. Các trái phiếu nói trên được đảm bảo bằng 181.717.250 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai. Trong đó, 31.000.000 cổ phiếu HNG đã được dùng để thế chấp cho trái phiếu có tổng mệnh giá 600 tỷ VND – Trái phiếu HAGL 600 của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, giá trị tài sản đảm bảo không bằng tối thiểu 200% tổng mệnh giá trái phiếu theo điều khoản ràng buộc trong hợp đồng.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, các trái phiếu này được sở hữu bởi Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam, Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với số tiền lần lượt là 300 tỷ VND, 200 tỷ VND và 1.200 tỷ VND và chịu lãi suất 10,50% một năm trong năm nay.

23.3 Vay ngắn hạn ngân hàng

Ngàn VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”)	1.248.291.110	273.860.292
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (“Laos - Viet Bank”)	853.351.981	230.424.667
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	257.987.770
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“HD Bank”)	-	66.377.608
TỔNG CỘNG	2.101.643.091	828.650.337

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)**23. VAY (tiếp theo)****23.3 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)**

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 Ngàn VND	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất % năm	Tài sản thế chấp
		Ngàn VND	USD			
BIDV, Chi nhánh Gia Lai						
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/20155331375/HĐTD ngày 19 tháng 6 năm 2015	761.483.564	359.810.396	17.820.460	Từ ngày 10 tháng 3 năm 2016 đến ngày 23 tháng 11 năm 2016	5,05 – 10,00	Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là vườn cây cao su 1.194,74 ha tại Huyện Ia Pa, Tỉnh Gia Lai; 23 căn hộ và 2 khu thương mại Bàu Thạc Gián tại Thành phố Đà Nẵng của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 04/2015/6261950/HĐTD ngày 4 tháng 5 năm 2015	486.807.546	486.807.546		Từ ngày 28 tháng 4 năm 2016 đến ngày 29 tháng 9 năm 2016	9,00 – 10,50	Tài sản hình thành từ vốn vay thuộc dự án chăn nuôi bò thịt tại Huyện Chuprong, Tỉnh Gia Lai trị giá 444 tỷ VND
TỔNG CỘNG	1.248.291.110					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)**23. VAY (tiếp theo)****23.3 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)**

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 Ngàn VND	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất % năm	Tài sản thế chấp
		Kip Laos ("LAK")	USD			
Laos – Viet Bank, Chi nhánh Attapeu						
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 083/HD - LVB.ATP/2015 ngày 9 tháng 7 năm 2015	401.445.860	-	17.807.468	Từ ngày 9 tháng 7 năm 2016 đến ngày 7 tháng 12 năm 2016	6,50 – 9,00	Quyền sử dụng 3 lô đất 1.001,78 ha tại Huyện Laman, Tỉnh Xekong, Lào và toàn bộ tài sản trên đất thuộc dự án nuôi bò và đàn bò nhập khẩu với trị giá tương ứng 11.372.722 USD và 26.460.000 USD
Hợp đồng hạn mức tín dụng số 080/HD - LVB.ATP/2015 ngày 1 tháng 7 năm 2015	218.825.225	79.277.382	-	Từ ngày 10 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016	11,25	Máy cắt mía trị giá 5,1 tỷ LAK; quyền sử dụng đất 18.313 m ² tại Huyện Samakhixay, Tỉnh Attapeu, Lào và các tài sản liên quan, trị giá 46,1 tỷ LAK
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 109/LVB.ATP/2015 ngày 1 tháng 10 năm 2015	120.362.496	-	5.339.951	Từ ngày 17 tháng 6 năm 2016 đến ngày 14 tháng 12 năm 2016	8,00 – 9,75	Tài sản hình thành từ vốn vay là dự án nuôi bò thịt bao gồm tài sản cố định và đàn bò nhập khẩu với trị giá tương ứng 7.660.097 USD và 17.640.000 USD
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 097/HD - LVB.ATP/2015 ngày 5 tháng 8 năm 2015	112.718.400	-	5.000.000	26 tháng 11 năm 2016	8,75	Toàn bộ đàn bò nhập khẩu với trị giá 47.640.000 USD; 2 quyền sử dụng đất 7,9 ha tại Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất với trị giá 14.301.500 USD
TỔNG CỘNG	853.351.981					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)**23. VAY (tiếp theo)****23.4 Vay dài hạn ngân hàng**

Ngàn VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
BIDV	2.335.644.860	1.873.427.711
HD Bank	937.322.850	-
Laos - Viet Bank	669.030.620	125.980.407
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	569.974.355	512.454.605
Ngân hàng TMCP Á Châu ("ACB")	178.581.238	147.455.793
TỔNG CỘNG	4.690.553.923	2.659.318.516
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn	4.031.152.897	2.388.747.061
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	659.401.026	270.571.455

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su, mía, mua sắm máy móc thiết bị và dự án nuôi bò của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)**23. VAY (tiếp theo)****23.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)**

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 Ngàn VND	Nguyên tệ USD	Thời hạn thanh toán	Lãi suất % năm	Tài sản thế chấp
BIDV, Chi nhánh Bình Định					
Hợp đồng vay số 01/2013/BIDV-Attapeu ngày 18 tháng 2 năm 2013	663.612.357	29.436.736	Hoàn trả trong 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 18 tháng 4 năm 2013)	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 5,00% một năm (2015: 7,00)	121 căn hộ thuộc cao ốc Hoàng Văn Thu, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai; quyền sử dụng 4.320 m ² đất tại hồ sinh thái Đổng Đa, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định; nhà máy đá Granmite HAGL tại Huyện Đăk Đoa, Tỉnh Gia Lai; quyền sử dụng 6.993,2 m ² đất tại Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai; số dư tiền gửi không kỳ hạn 5.850.088 ngàn VND của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai tại BIDV; 136 căn hộ thuộc khu căn hộ cao cấp HAGL-BIDV tại Tỉnh ĐăkLak; quyền thuê đất bao gồm 5.588 ha cao su và 2.093,6 ha cỏ dẫu tại Tỉnh Attapeu, Lào và tài sản gắn liền trên đất
Hợp đồng vay số 01/2012/BIDV-HAGL_Attapeu ngày 22 tháng 3 năm 2012	581.001.018	25.772.235	Hoàn trả trong 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 23 tháng 4 năm 2012)	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng Đô la Mỹ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 3,50% một năm (2015: 7,00 - 8,00)	Quyền sử dụng đất quy mô 51 ha tại Huyện Phou Vong, Tỉnh Attapeu, Lào

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)

23. VAY (tiếp theo)**23.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)**

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 Ngàn VND	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất % năm	Tài sản thế chấp
		Ngàn VND	USD			
BIDV, Chi nhánh Gia Lai						
Hợp đồng vay số 01/2010/HĐ-TĐ ngày 1 tháng 4 năm 2010	723.036.497	-	32.077.928	Hoàn trả trong 130 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 28 tháng 4 năm 2010)	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,70% một năm (2015: 7,00)	Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 10.000 ha tại Huyện Saysetha, San Xay và Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào
Hợp đồng vay số 01/2015/6261950/HĐTD ngày 4 tháng 5 năm 2015	222.482.398	222.482.398	-	Hoàn trả trong 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 4 tháng 5 năm 2015)	Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo + 3,20% một năm (2015: 8,00 - 10,70)	Tài sản hình thành từ vốn vay, thuộc dự án chăn nuôi bò thịt tại Tỉnh Gia Lai trị giá 444 tỷ VND
Hợp đồng vay số 02/2015/6261950/HĐTD ngày 4 tháng 5 năm 2015	79.544.318	79.544.318	-	Hoàn trả trong 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 4 tháng 5 năm 2015)	Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo + 3,20% một năm (2015: 8,00 - 11,25)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi Bò sữa tại Tỉnh Gia Lai trị giá 480 tỷ VND
Hợp đồng vay số 05/2015/6261950/HĐTD ngày 1 tháng 12 năm 2015	65.968.272	65.968.272	-	Hoàn trả trong 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 1 tháng 12 năm 2015)	Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 3,00% một năm nhưng không thấp hơn tại thời điểm cho vay, điều chỉnh 3 tháng 1 lần (2015: 8,00)	Tài sản hình thành từ vốn vay, thuộc dự án chăn nuôi bò thịt tại Tỉnh Gia Lai trị giá 444 tỷ VND
TỔNG CỘNG	2.335.644.860					
<i>Trong đó:</i>						
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>429.639.400</i>					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)

23. VAY (tiếp theo)**23.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)**

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 Ngàn VND	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất % năm	Tài sản thế chấp
		Ngàn VND	USD			
HD Bank - Chi nhánh Đồng Nai						
Hợp đồng vay số 0044/2014/HĐTDTH-DN ngày 25 tháng 4 năm 2014	874.362.225	449.999.993	18.827.073	Hoàn trả trong 60 tháng kể từ ngày giải ngân (ngày 25 tháng 4 năm 2014)	8,00% cho năm đầu tiên, sau đó lãi suất huy động USD thời gian 12 tháng của ngân hàng cộng 7% nhưng không vượt quá 8,00% một năm; điều chỉnh 2 lần mỗi năm (2015: 7,50 - 8,00 đối với vay USD và 12,00 - 13,00 đối với vay VND)	42.880.000 cổ phiếu HAG của Ông Đoàn Nguyên Đức và bà Hoàng Thị Ngọc Bích; và quyền thuê 9.173 ha đất tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia và tài sản gắn liền với đất
HD Bank - Chi nhánh Đắk Lắk						
Hợp đồng vay số 1762/2015/HĐTDTH-DN ngày 2 tháng 12 năm 2015	62.960.625	62.960.625	-	Hoàn trả trong 60 tháng kể từ ngày giải ngân (ngày 2 tháng 12 năm 2015)	Lãi suất thả nổi (2015: 11,25)	Tài sản hình thành từ vốn vay, đàn bò và bê con thuộc dự án chăn nuôi bò
TỔNG CỘNG	937.322.850					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)

23. VAY (tiếp theo)

23.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 Ngàn VND	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất % năm	Tài sản thế chấp
		Ngàn VND	USD			
Laos - Viet Bank, Chi nhánh Attapeu						
Hợp đồng vay số 098/HDLVB.ATP/2015 ngày 5 tháng 8 năm 2015	315.729.777	-	14.005.246	Hoàn trả trong 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 5 tháng 8 năm 2015)	10,00% một năm đối với 6 tháng đầu tiên, sau đó bằng lãi suất tiền gửi cá nhân kỳ hạn 12 tháng tại LVB + biên độ lãi suất theo quy định của LVB, điều chỉnh 2 lần một năm (2015: 9,00 - 10,00)	Toàn bộ đàn bò nhập khẩu với trị giá 47.640.000 USD; 2 quyền sử dụng đất 7,9 ha tại Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất với trị giá 14.301.500 USD
Hợp đồng vay số 010/2013/LVB-Attapeu ngày 15 tháng 3 năm 2013	281.075.943	39.355.142	7.649.849	Hoàn trả trong 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 21 tháng 3 năm 2013)	Vay bằng USD: mức vay trung hạn của ngân hàng, điều chỉnh 2 lần một năm (2015: 11,00). Vay bằng LAK: lãi suất tiết kiệm 13 tháng + 3,00% một năm, điều chỉnh 2 lần một năm	Quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất bao gồm 5.588 ha cao su và 2.093,6 ha cỏ đầu tại Tỉnh Attapeu, Lào
Hợp đồng vay số 124/HĐ-LVB/2015 ngày 25 tháng 11 năm 2015	44.853.677	-	1.989.634	Hoàn trả trong 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 30 tháng 11 năm 2015)	Lãi suất thả nổi (2015: 10,50)	Tất cả các dụng cụ xây dựng, vật tư máy móc phục vụ cho dự án xây dựng nhà máy chế biến gỗ đầu phát sinh sau khi bỏ vốn đầu tư
Hợp đồng vay số 025/LVB.NVKD/2012 ngày 10 tháng 9 năm 2012	27.371.223	9.917.110	-	Hoàn trả trong 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 10 tháng 9 năm 2012)	13,50% một năm trong năm đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 2 lần mỗi năm theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 3% một năm (2015: 13,50 - 13,75)	2 quyền sử dụng đất 7,9 ha tại Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất với trị giá 14.301.500 USD
TỔNG CỘNG	669.030.620					
<i>Trong đó:</i>						
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>32.007.170</i>					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)

23. VAY (tiếp theo)

23.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 Ngàn VND	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất % năm	Tài sản thế chấp
		Ngàn VND	USD			
Sacombank, Chi nhánh Đà Nẵng						
Hợp đồng tín dụng số LD1400300153 ngày 3 tháng 1 năm 2014	262.454.605	-	12.420.658	Hoàn trả trong 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 3 tháng 1 năm 2014)	1,125% một tháng trong 3 tháng đầu, sau đó được điều chỉnh 4 lần mỗi năm theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng + 0,3333% một tháng (2015: 11,55 - 12,00)	Quyền sử dụng đất 20.000 m2 đất và tài sản gắn liền trên đất tại Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Xây dựng - Phát triển Nhà Hoàng Anh và 16 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch Đoàn Nguyễn Đức
Sacombank, Chi nhánh Thủ Đức						
Hợp đồng tín dụng số LD1333200419 ngày 29 tháng 11 năm 2013	250.000.000	250.000.000	-	Hoàn trả trong 66 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 6 tháng 12 năm 2013)	Lãi suất thả nổi (2015: 12,00)	Quyền sử dụng đất 1.328,1 ha cao su và tài sản gắn liền trên đất tại Huyện Chuprong, Tỉnh Gia Lai của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên; quyền sử dụng đất 9.000 m2 và tài sản gắn liền trên đất tại Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng của Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông - bên liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)

23. VAY (tiếp theo)

23.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 Ngàn VNĐ	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất % năm	Tài sản thế chấp
		Ngàn VNĐ	USD			
Sacombank, Chi nhánh Campuchia						
Hợp đồng tín dụng số LD133200419 ngày 29 tháng 11 năm 2013	57.519.750	-	2.500.000	Hoàn trả trong 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 23 tháng 12 năm 2013)	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng bằng USD của ngân hàng Sacombank + 3,50% một năm, điều chỉnh 2 lần một năm (2015: 9,00)	Quyền sử dụng 8.825 ha đất và tài sản gắn liền trên đất tại Tỉnh Ratanakiri với trị giá 7.423.000 USD
TỔNG CỘNG	569.974.355					
<i>Trong đó:</i>						
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>19.173.218</i>					
ACB, Chi nhánh Gia Lai						
Hợp đồng tín dụng số GILDN02041110 ngày 4 tháng 11 năm 2010	178.581.238	178.581.238	-	Hoàn trả trong 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 4 tháng 11 năm 2010)	Lãi suất thả nổi (2015: 10,5 - 11,00)	24 tỷ VNĐ tiền gửi có kỳ hạn tại ACB và 28.405.000 cổ phiếu HNG sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
<i>Trong đó:</i>						
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>178.581.238</i>					

B09-DN/HN
(tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

23. VAY (tiếp theo)

23.5 Các khoản vay bên liên quan

Chi tiết của các khoản vay bên liên quan như sau:

Bên cho vay	Ngàn VNĐ		
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 Ngàn VNĐ	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/ năm
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, Công ty mẹ (Thuyết minh số 33)			
Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số HTKD/HAGL - BSTN ngày 28 tháng 8 năm 2015	600.000.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	10,77
Hợp đồng vay số 04/2014/HĐV-HAGL ngày 1 tháng 4 năm 2014	500.000.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	12,00
Hợp đồng vay số 25-07/2015/HĐV-HAGL ngày 25 tháng 7 năm 2015	350.000.000	60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	10,00 - 10,35
Hợp đồng vay số 03/2014/HĐV-HAGL ngày 6 tháng 11 năm 2014	300.000.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	10,87
Hợp đồng vay số 0507/2015/HTKD/HAGL - CSHAQM ngày 5 tháng 7 năm 2015	300.000.000	60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	10,00
Hợp đồng vay số 01/HĐVHAGL-ADM ngày 11 tháng 11 năm 2015	295.000.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	10,00
Hợp đồng vay số 05-01/2014/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 3 năm 2014	200.000.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	12,00
Hợp đồng vay số 20082012/HĐV-HAGL ngày 20 tháng 8 năm 2012 - Phụ lục số 20082012/HĐV-HAGL-PL1 ngày 20 tháng 8 năm 2015	150.000.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	16,00
Hợp đồng vay số 01/2011/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 12 năm 2011 - Phụ lục số 01/2011/HĐV-HAGL_PL4 ngày 28 tháng 12 năm 2014	150.000.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	12,00
Hợp đồng vay số 05/2012/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 4 năm 2012	120.872.963	60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	14,00 - 17,00
Hợp đồng vay số 03/2012/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 4 năm 2012	120.000.000	60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	14,00
Hợp đồng vay số 02/2015/HĐV-HAGL ngày 6 tháng 1 năm 2015	100.000.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	10,87

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)**23. VAY (tiếp theo)****23.5 Các khoản vay bên liên quan**

Chi tiết của các khoản vay bên liên quan như sau:

Ngàn VNĐ

Bên cho vay	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 Ngàn VNĐ	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/ năm
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, Công ty mẹ (Thuyết minh số 33) (tiếp theo)			
Hợp đồng vay số 02/2011/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 12 năm 2011 - Phụ lục số 02/2011/HĐV-HAGL_PL3 ngày 28 tháng 12 năm 2014	99.278.400	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	11,93
Hợp đồng vay số 05-02/2014/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 3 năm 2014	80.000.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	10,87
Hợp đồng vay số 01/2013/HĐV-HAGL ngày 17 tháng 5 năm 2013	66.073.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	15,00
Hợp đồng vay số 09/12/2014/HĐV-HAGL ngày 9 tháng 12 năm 2014	10.225.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	12,00
Hợp đồng vay số 04/2015/HĐV-HAGL ngày 6 tháng 1 năm 2015	2.000.000	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	10,87
TỔNG CỘNG	3.443.449.363		
<i>Trong đó :</i>			
<i>Vay dài hạn</i>	<i>3.377.388.430</i>		
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>66.060.933</i>		

Các khoản vay bên liên quan là các khoản vay tín chấp được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động và tài trợ cho các dự án kinh doanh của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU****24.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Ngàn VNĐ

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Phụ trội hợp nhất công ty con	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2014 (được trình bày trước đây)	3.990.670.000	1.295.347.000	162.047.860	125.673.607	608.536.760	6.182.275.227
Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hối tố	-	-	-	-	(11.779.379)	(11.779.379)
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2014 (trình bày lại - Thuyết minh số 37)	3.990.670.000	1.295.347.000	162.047.860	125.673.607	596.757.381	6.170.495.848
Lãi thuần trong năm (trình bày lại - Thuyết minh số 37)	-	-	-	-	735.618.472	735.618.472
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	17.844.866	-	17.844.866
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(221.999)	(221.999)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(90.189.142)	(90.189.142)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại - Thuyết minh số 37)	3.990.670.000	1.295.347.000	162.047.860	143.518.473	1.241.964.712	6.833.548.045
Năm nay						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2015 (trình bày lại - Thuyết minh số 37)	3.990.670.000	1.295.347.000	162.047.860	143.518.473	1.241.964.712	6.833.548.045
Phân loại lại (Thuyết minh số 38)	-	-	(162.047.860)	-	162.047.860	-
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2015 (phân loại lại)	3.990.670.000	1.295.347.000	-	143.518.473	1.404.012.572	6.833.548.045
Lãi thuần trong năm	-	-	-	-	724.591.678	724.591.678
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền (i)	798.723.950	999.248.810	-	-	-	1.797.972.760
Phát hành cổ phiếu bằng nguồn thặng dư vốn cổ phần (ii)	2.292.045.000	(2.292.045.000)	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	299.629.881	-	299.629.881
Giao dịch mua bán cổ phần với cổ đông không kiểm soát làm giảm vốn công ty mẹ	-	-	-	-	(2.029.495)	(2.029.495)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	7.081.438.950	2.550.810	-	443.148.354	2.126.574.755	9.653.712.869

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****24.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

- (i) Theo Nghị quyết số 0604/15/ĐHĐCĐ-NNHAGL (“Nghị quyết số 0604”) ngày 6 tháng 4 năm 2015 của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông bất thường, Công ty đã tiến hành chào bán và phát hành cổ phiếu phổ thông cho Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và cán bộ công nhân viên của Công ty. Việc chào bán cổ phiếu được hoàn tất vào ngày 2 tháng 6 năm 2015.
- (ii) Theo Nghị quyết số 0604, Công ty đã phát hành cổ phiếu phổ thông từ nguồn thặng dư vốn cổ phần cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 49,50%. Việc phát hành cổ phiếu được hoàn tất vào ngày 2 tháng 6 năm 2015.

24.2 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Số lượng	Giá trị Ngàn VNĐ	Số lượng	Giá trị Ngàn VNĐ
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	708.143.895	7.081.438.950	399.067.000	3.990.670.000
Cổ phiếu phổ thông	708.143.895	7.081.438.950	399.067.000	3.990.670.000
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	708.143.895	7.081.438.950	399.067.000	3.990.670.000

25. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Ngàn VNĐ

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại – Thuyết minh số 37)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	21.540.191	21.593.540
Lợi nhuận trong năm	19.416.700	201.761
Mua các công ty con mới	190.723.444	-
Thanh lý công ty con	(3.790.480)	-
Mua lại cổ phần của cổ đông không kiểm soát tại công ty con	(1.371.865)	(119.429)
Cổ tức công bố cho cổ đông không kiểm soát	(602.954)	(135.681)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	225.915.036	21.540.191

B09-DN/HN
(tiếp theo)**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

Ngàn VNĐ

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại – Thuyết minh số 37)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (ngàn VNĐ)	724.591.678	735.618.472
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	662.653.246	596.605.165
Ảnh hưởng suy giảm do quyền mua cổ phiếu	129.896.217	129.896.217
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm (cổ phiếu)	792.549.463	726.501.382
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	1.093	1.233
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VNĐ)	914	1.013

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 23.1 của báo cáo tài chính hợp nhất, vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, Nhóm Công ty đã phát hành 2.000 tỷ VNĐ trái phiếu kèm chứng quyền với mệnh giá 100 triệu VNĐ/trái phiếu. Các trái phiếu này có thể có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong tương lai.

27. DOANH THU**27.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Ngàn VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần	4.730.680.433	2.212.251.019
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu từ bán bò	2.541.497.018	-
Doanh thu từ các sản phẩm ngành đường	957.503.311	1.042.101.594
Doanh thu từ bán hàng hóa	352.436.994	200.038.951
Doanh thu từ bán bắp	295.939.624	204.513.672
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	283.858.713	482.056.399
Doanh thu từ bán mũ cao su	197.055.040	226.690.873
Doanh thu từ bán căn hộ	56.972.736	35.078.692
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	45.416.997	21.770.838
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	4.227.562.136	2.128.556.619
Doanh thu đối với bên liên quan	503.118.297	83.694.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)**27. DOANH THU** (tiếp theo)**27.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

Ngàn VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	45.997.846	-
Lãi từ cho vay các công ty khác	64.891.633	22.307.029
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	51.665.188	14.785.192
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.325.965	402.670
Khác	-	586.893
TỔNG CỘNG	164.880.632	38.081.784

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Ngàn VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của bò đã bán	1.803.513.299	-
Giá vốn của các sản phẩm ngành đường	576.122.070	483.306.461
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	406.580.409	276.333.162
Giá vốn của hàng hóa đã bán	323.091.122	185.720.949
Giá vốn của mũ cao su đã bán	175.834.362	109.327.460
Giá vốn của bắp đã bán	109.668.097	76.252.163
Giá vốn căn hộ đã bán	54.180.462	35.124.946
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	44.590.172	18.427.581
TỔNG CỘNG	3.493.579.993	1.184.492.722

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Ngàn VNĐ

	Năm nay	Năm trước (đã trình bày lại - Thuyết minh số 37)
Chi phí lãi vay ngân hàng và trái phiếu	364.676.504	277.854.539
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	13.039.447	13.802.948
Các khoản khác	5.744.268	1.479.820
TỔNG CỘNG	383.460.219	293.137.307

B09-DN/HN
(tiếp theo)**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Ngàn VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	72.904.454	15.753.442
Chi phí vận chuyển	53.943.100	6.069.346
Chi phí lương nhân viên	4.281.427	3.708.178
Chi phí khấu hao	1.119.391	866.658
Các chi phí khác	13.560.536	5.109.260
Chi phí quản lý doanh nghiệp	120.958.460	87.274.811
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.456.529	28.796.159
Chi phí lương nhân viên	30.125.457	22.547.597
Chi phí khấu hao và hao mòn	8.475.312	7.331.530
Các chi phí khác	44.901.162	28.599.525
TỔNG CỘNG	193.862.914	103.028.253

31. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Ngàn VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	2.233.328	81.090.939
Lãi từ thanh lý tài sản	-	80.381.723
Thu nhập khác	2.233.328	709.216
Chi phí khác	(110.612.760)	(3.510.769)
Chi phí thanh lý tài sản ngành khoáng sản	(59.062.258)	-
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	(3.521.561)	-
Chi phí thanh lý tài sản khác	(2.732.538)	-
Các khoản phạt	(3.266.826)	(2.318.584)
Chi phí khác	(42.029.577)	(1.192.185)
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC	(108.379.432)	77.580.170

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") bằng 22% trên thu nhập chịu thuế.

Các công ty con của Công ty tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất lần lượt là 24% và 20% trên thu nhập chịu thuế. Các công ty con này cũng được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo các GCNĐKKD, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)**32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

32.1 Thuế TNDN hiện hành

Ngàn VND

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại - Thuyết minh số 37)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	715.053.486	747.254.691
<i>Điều chỉnh tăng</i>		
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	123.640.211	5.505.439
Thay đổi chi phí phải trả	149.512.019	24.722.108
Các khoản chi phí không được khấu trừ	47.750.201	2.340.754
Thay đổi lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	44.450.642	61.792.272
Các khoản lỗ của các công ty con	42.767.708	18.053.088
Phân bổ lợi thế thương mại	6.365.806	16.715.381
Chia lỗ của công ty liên kết	1.225.021	-
Các khoản khác	2.460.784	470.006
<i>Điều chỉnh giảm</i>		
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh không thuộc diện nộp thuế TNDN	(1.086.533.478)	(759.243.598)
Thặng dư từ việc thanh lý công ty con	(45.960.202)	-
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế và chưa cần trừ lỗ năm trước	732.198	117.610.141
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(1.748.114)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	732.198	115.862.027
Thuế TNDN hiện hành ước tính	161.084	25.221.932
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) của các năm trước	2.887.579	(2.186.449)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong năm	3.048.663	23.035.483

B09-DN/HN
(tiếp theo)**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**32.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)**

Ngàn VND

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại - Thuyết minh số 37)
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	699.945	2.309.178
Thanh lý công ty con	3.764.232	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(6.794.852)	(24.644.716)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	717.988	699.945
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả (Thuyết minh số 20)	2.229.860	4.464.177
Thuế TNDN trả trước (i)	(1.511.872)	(3.764.232)

(i) Thuế TNDN trả trước đã được bao gồm trong khoản mục "Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước" với số tiền là 2.231.238 ngàn VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

32.2 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm thể hiện như sau:

Ngàn VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	32.558.351	25.282.838	7.275.513	13.594.300
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	24.728.042	-	24.728.042	-
Lỗ tính thuế của các công ty con	-	-	-	(1.993.275)
	57.286.393	25.282.838		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại thời điểm hợp nhất kinh doanh	(235.354.240)	-	-	-
(Thuế thu nhập hoãn lại phải trả) tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	(178.067.847)	25.282.838		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			32.003.555	11.601.025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)**33. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Ngàn VNĐ

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay và mượn	3.056.390.738	541.877.604
		Mua hàng hóa, dịch vụ và nguyên vật liệu	889.411.032	288.371.389
		Mua các khoản đầu tư	485.731.688	38.086.144
		Chi phí lãi vay	135.653.129	85.113.653
		Bán hàng hóa	134.831.238	83.694.400
		Mua tài sản	94.824.025	48.671.743
		Trả cổ tức	83.091.160	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu và bò	1.031.200.105	-
		Bán hàng hóa	360.660.622	-
		Mua tài sản cố định	306.271.359	-
		Thu nhập lãi vay	23.349.092	-

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Ngàn VNĐ

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	251.301.873	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	14.272.963	4.347.645
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán tài sản	3.870.645	3.322.776
Công ty Cổ phần Điện Hoàng Anh Attapeu	Bên liên quan	Bán hàng hóa và dịch vụ	19.661	562.626
Khác	Bên liên quan	Bán hàng hóa	72.339	109.404
			269.537.481	8.342.451

B09-DN/HN
(tiếp theo)**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

33. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau: (tiếp theo)

Ngàn VNĐ

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Tạm ứng mua nguyên vật liệu	938.403.361	485.527.578
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Tạm ứng mua hàng hóa	467.936.006	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Bangkok	Bên liên quan	Tạm ứng mua hạt giống	11.398.000	10.742.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Tạm ứng công trình xây dựng	10.068.983	-
			1.427.806.350	496.269.578
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)				
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Cho vay (i)	123.358.579	-
Ông Phan Thanh Thủ	Bên liên quan	Cho vay	30.434.400	-
Ông Đỗ Thái Cơ	Bên liên quan	Cho vay	16.157.837	-
Công ty TNHH V&H (Lào)	Bên liên quan	Cho vay	3.905.051	2.984.749
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Cho vay	-	109.285.839
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Bên liên quan	Cho vay	-	11.165.951
			173.855.867	123.436.539
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty CP Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Lãi vay	45.321.667	-
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Lãi vay	29.765.040	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	Chi trả hộ	7.779.191	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Chi trả hộ	6.710.392	4.662.950
Khác	Bên liên quan	Chi trả hộ	35.273	-
			89.611.563	4.662.950

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)**33. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải thu về cho vay dài hạn (*)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Cho vay (ii)	608.275.000	-
Ông Huỳnh Hữu Vũ	Bên liên quan	Cho vay (iii)	294.936.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Cho vay (iv)	280.000.000	280.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Cho vay (i)	62.142.038	-
			1.245.353.038	280.000.000
Phải thu dài hạn khác				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Lãi vay	23.349.092	-

- (i) Đây là khoản cho vay tín chấp đến Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên theo các hợp đồng vay dài hạn với tổng dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 185.500.617 ngàn VND hưởng lãi suất từ 6,6% tới 10,5% một năm. Trong đó, vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản cho vay dài hạn đến hạn trả là 123.358.579 ngàn VND.
- (ii) Đây là khoản cho vay tín chấp đến Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai theo hợp đồng vay số 09/15-HĐV ngày 20 tháng 8 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 608.275.000 ngàn VND và lãi suất là 10,5% một năm.
- (iii) Đây là khoản cho vay tín chấp đến Ông Huỳnh Hữu Vũ, nhân viên của Nhóm Công ty, theo hợp đồng vay tín chấp số 11-11/HĐV/ADM-HHV ngày 11 tháng 11 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 295.000.000 ngàn VND và lãi suất là 10% một năm.
- (iv) Đây là khoản cho vay tín chấp đến Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú theo hợp đồng vay số 02/08/HĐV/AP/XNK - Xuất nhập khẩu HAGL ngày 8 tháng 8 năm 2014 với hạn mức tín dụng là 300.000.000 ngàn VND và lãi suất là 12% một năm.

B09-DN/HN
(tiếp theo)**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

33. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua tài sản cố định Mua vật tư Thi công xây dựng	259.900.187 149.236.381 22.180.171	48.671.743 28.542.141 22.442.100
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Thi công xây dựng	9.660.688	1.271.684
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Mua tài sản cố định	6.945.437	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu Mua tài sản	2.677.446 -	3.471.349 3.493.692
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Dịch vụ khám chữa bệnh	254.786	30.109
Khác	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	348.799	4.039.272
			451.203.895	111.962.090
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	101.375.786	-
Công ty TNHH Hoàng Thơ	Bên liên quan	Mua hàng hóa	716.520	-
			102.092.306	-
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mượn tiền và chi phí lãi vay Thu hộ Cổ tức phải trả	1.364.104.229 1.993.113 -	1.424.950.604 125.853.486 83.091.160
Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3	Bên liên quan	Mượn tiền	405.141.333	-
Công ty CP Điện Hoàng Anh Attapeu	Bên liên quan	Mượn tiền	3.196.958	2.714.596
Công ty TNHH Khoáng Sản Hoàng Anh Sekong	Bên liên quan	Mượn tiền	1.478.796	-
Khác	Bên liên quan	Thu hộ	555.587	206.152
			1.776.470.016	1.636.815.998

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)**33. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải trả dài hạn khác				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mượn tiền	659.411.049	-
Vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay dài hạn	3.443.449.358	1.872.149.353

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Nhóm Công ty như sau:

Ngàn VND

	Năm nay	Năm trước
Lương, thù lao và thưởng	16.700.568	16.718.069

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty có các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn trị giá lần lượt là 173.855.867 ngàn VND và 1.245.353.038 ngàn VND chưa được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo yêu cầu của Thông tư số 121/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 7 năm 2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng ("Thông tư 121").

Ban Giám đốc cam kết sẽ xin phê duyệt các khoản cho vay các bên liên quan trên tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông sắp tới và sẽ điều chỉnh các chính sách quản lý về cho vay để phù hợp với các điều khoản liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Thông tư 121.

34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty thuê nhiều lô đất tại Việt Nam, Lào và Campuchia để xây dựng nhà xưởng, khách sạn, trồng cây cao su và các loại cây trồng khác và thuê văn phòng theo hình thức thuê hoạt động. Tiền thuê cam kết theo các hợp đồng thuê này như sau:

Ngàn VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Đến 1 năm	34.610.371	42.031.436
Từ 1 đến 5 năm	175.511.188	168.125.746
Trên 5 năm	2.498.738.536	2.041.849.572
TỔNG CỘNG	2.708.860.095	2.252.006.754

B09-DN/HN
(tiếp theo)**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

35. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngàn VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Các loại ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	8.033.654	1.301.627
- Kíp Lào (LAK)	18.497.052.361	825.867.640
- Đồng Riels Campuchia (KHR)	123.448.266	100.364.068

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Nhóm Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Nhóm Công ty.

36.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Nhóm Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Trồng cây công nghiệp: trồng cao su, cọ dầu, mía đường, thu hoạch, chế biến và bán mù cao su, gỗ cao su, đường, cọ dầu và các loại cây trồng khác;
- Chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa;
- Thương mại và dịch vụ: mua bán và vận chuyển hàng hóa;
- Xây dựng: các dự án sân bay tại Lào; và
- Khác: bán căn hộ, cho thuê văn phòng và dịch vụ khách sạn.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Nhóm Công ty chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)**36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)****36.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

Ngân VNĐ

	Trồng cây	Chăn nuôi	Thương mại và dịch vụ	Xây dựng	Khác	Loại trừ	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014							
<i>Doanh thu</i>							
Từ khách hàng bên ngoài	1.473.306.139	-	221.809.789	482.056.399	35.078.692	-	2.212.251.019
Giữa các bộ phận	61.367.367	-	470.076.605	-	(531.443.972)	-	-
Tổng cộng	1.534.673.506	-	691.886.394	482.056.399	35.078.692	(531.443.972)	2.212.251.019
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>							
Kết quả của bộ phận	804.420.055	-	17.661.259	205.723.237	(46.254)	-	1.027.758.297
Chi phí không phân bổ							(25.448.083)
Lợi nhuận trước thuế, doanh thu từ hoạt động tài chính và chi phí tài chính							1.002.310.214
Doanh thu từ hoạt động tài chính							38.081.784
Chi phí tài chính							(293.137.307)
Lợi nhuận kế toán trước thuế							747.254.691
Thuế TNDN hiện hành							(23.035.483)
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại							11.601.025
Lợi nhuận thuần trong năm							735.820.233
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014							
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>							
Tài sản của bộ phận	12.639.298.452	251.835.195	668.564.706	1.433.997.010	1.178.386.880	-	16.172.082.243
Tiền							46.804.781
Đầu tư vào công ty liên kết							248.460.551
Tài sản không phân bổ							656.924.381
Tổng tài sản	(4.343.982.411)	(153.480.369)	(5.763.539.593)	-	-	-	17.124.271.956
Nợ phải trả của bộ phận							(10.261.002.373)
Nợ phải trả không phân bổ							(8.181.347)
Tổng nợ phải trả							(10.269.183.720)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)**36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)****36.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

Ngân VNĐ

	Trồng cây	Chăn nuôi	Thương mại và dịch vụ	Xây dựng	Khác	Loại trừ	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015							
<i>Doanh thu</i>							
Từ khách hàng bên ngoài	1.448.703.768	2.541.497.017	397.853.991	283.858.713	58.766.944	-	4.730.680.433
Giữa các bộ phận	355.587.553	465.646.010	402.620.680	-	(1.223.854.243)	-	-
Tổng cộng	1.804.291.321	3.007.143.027	800.474.671	283.858.713	58.766.944	(1.223.854.243)	4.730.680.433
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>							
Kết quả của bộ phận	587.079.239	737.983.718	30.172.697	(122.721.696)	4.586.482	-	1.237.100.440
Chi phí không phân bổ							(302.242.346)
Lợi nhuận trước thuế, doanh thu từ hoạt động tài chính và chi phí tài chính							934.858.094
Doanh thu từ hoạt động tài chính							164.880.632
Chi phí tài chính							(383.460.219)
Chia lỗ trong công ty liên kết							(1.225.021)
Lợi nhuận trước thuế							715.053.486
Thuế TNDN hiện hành							(3.048.663)
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại							32.003.555
Lợi nhuận thuần trong năm							744.008.378
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015							
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>							
Tài sản của bộ phận	19.744.299.165	2.982.789.885	931.471.487	1.058.207.255	775.446.934	-	25.492.214.726
Tiền							331.961.020
Đầu tư vào công ty liên kết							271.950.970
Tài sản không phân bổ							1.005.465.419
Tổng tài sản	(8.249.487.875)	(2.178.198.133)	(5.926.449.891)	(132.695.648)	(500.386.808)	-	27.101.592.135
Nợ phải trả của bộ phận							(16.987.218.355)
Nợ phải trả không phân bổ							(234.745.875)
Tổng nợ phải trả							(17.221.964.230)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

36.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm công ty như sau:

	Ngàn VND				
	Việt Nam	Lào	Campuchia	Khác	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014					
<i>Doanh thu</i>					
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	211.758.485	1.900.012.812	70.863.312	29.616.410	2.212.251.019
<i>Chi phí hình thành TSCĐ</i>					
Tài sản cố định hữu hình	133.633.647	834.896.791	755.647.556	-	1.724.177.994
Tài sản cố định vô hình	47.863.975	-	-	-	47.863.975
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014					
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>					
Tài sản bộ phận	2.317.286.589	10.277.340.922	3.577.454.732	-	16.172.082.243
Tiền				46.804.781	248.460.551
Đầu tư vào công ty liên kết					656.924.381
Tài sản không phân bổ					17.124.271.956
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015					
<i>Doanh thu</i>					
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	2.109.732.826	2.316.020.039	304.927.568	-	4.730.680.433
Chi phí hình thành TSCĐ					
Tài sản cố định hữu hình	715.848.330	2.483.005.561	589.213.313	-	3.788.067.204
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015					
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>					
Tài sản bộ phận	3.944.178.248	14.141.251.807	7.406.784.670	-	25.492.214.726
Tiền của Nhóm Công ty					331.961.020
Đầu tư vào công ty liên kết					271.950.970
Tài sản không phân bổ					1.005.465.419
Tổng tài sản					27.101.592.135

B09-DN/HN
(tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

37. ĐIỀU CHỈNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM TRƯỚC

Công ty đã thiếu sót trong việc ghi nhận chi phí lãi vay phát sinh liên quan đến khoản lãi bổ sung 5% một năm cho khoản trái phiếu tổng giá trị 2.000 tỷ VND (Thuyết minh số 23.1) với số tiền là 200.000.000 ngàn VND. Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh khoản lãi bổ sung vào báo cáo tài chính hợp nhất các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2014. Khoản trái phiếu này chủ yếu tài trợ cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản của Nhóm Công ty, do đó phần lớn chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được điều chỉnh như sau:

Ngàn VND

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo báo cáo năm trước	608.536.760
Điều chỉnh chi phí lãi vay bổ sung	(11.779.379)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau điều chỉnh	596.757.381
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo báo cáo năm trước	1.276.813.665
Điều chỉnh chi phí lãi vay bổ sung	(34.848.953)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau điều chỉnh	1.241.964.712

Một vài số liệu tương ứng trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được điều chỉnh lại như sau:

Ngàn VND

	31 tháng 12 năm 2015 (trước điều chỉnh)	Điều chỉnh lại	31 tháng 12 năm 2014 (sau điều chỉnh)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT			
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.266.089.389	164.964.543	6.431.053.932
Chi phí phải trả dài hạn	-	200.000.000	200.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.276.813.665	(34.848.953)	1.241.964.712
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	21.726.695	(186.504)	21.540.191

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)**37. ĐIỀU CHỈNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM TRƯỚC (tiếp theo)**

Một vài số liệu tương ứng trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được điều chỉnh lại như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

	Năm nay (trước điều chỉnh)	Điều chỉnh lại	Năm trước (sau điều chỉnh)
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT			
Chi phí tài chính	(269.882.407)	(23.254.900)	(293.137.307)
Trong đó: <i>Chi phí lãi vay</i>	<i>(254.599.639)</i>	<i>(23.254.900)</i>	<i>(277.854.539)</i>
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	692.929.421	(23.254.900)	669.674.521
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	770.509.591	(23.254.900)	747.254.691
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	759.075.133	(23.254.900)	735.820.233
Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ	758.688.046	(23.069.574)	735.618.472
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát	387.087	(185.326)	201.761
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.901	(668)	1.233
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	770.509.591	(23.254.900)	747.254.691
Chi phí lãi vay	254.599.639	23.254.900	277.854.539

38. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ƯNG

Một vài số liệu tương ứng trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 202 của báo cáo tài chính hợp nhất năm nay. Chi tiết như sau:

Ngàn VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được phân loại lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT			
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	228.989.648	228.989.648
Phải thu ngắn hạn khác	626.979.445	(450.725.825)	176.253.620
Tài sản ngắn hạn khác	107.790.141	(107.790.141)	-
Phải thu về cho vay dài hạn	280.000.000	296.215.557	576.215.557
Phải thu dài hạn khác	-	39.699.791	39.699.791
Chi phí trả trước dài hạn	904.603.228	(11.310.276)	893.292.952
Tài sản dài hạn khác	6.389.030	(6.389.030)	-

B09-DN/HN
(tiếp theo)**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

38. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ƯNG (tiếp theo)

Một vài số liệu tương ứng trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 202 của báo cáo tài chính hợp nhất năm nay. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được phân loại lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)			
Vay ngắn hạn	3.739.373.145	(11.310.276)	3.728.062.869
Phụ trội hợp nhất công ty con	162.047.860	(162.047.860)	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.241.964.712	162.047.860	1.404.012.572
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT			
Thu nhập khác	349.608.488	(268.517.549)	81.090.939
Chi phí khác	(272.028.318)	268.517.549	(3.510.769)

39. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 22 tháng 2 năm 2016, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 59.000.000 cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông không kiểm soát với giá phát hành 28.000 VND/cổ phiếu (mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu) theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 06/10/15/NQĐHĐCĐ-HAGL Agrico ngày 6 tháng 10 năm 2015, các Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 30/10/15/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 30 tháng 10 năm 2015 và số 30/12/15/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 30 tháng 12 năm 2015. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 7.081.438.950 ngàn VND lên 7.671.438.950 ngàn VND và thặng dư vốn cổ phần tăng từ 2.550.810 ngàn VND lên 1.064.550.810 ngàn VND. Vào ngày 8 tháng 3 năm 2016, Công ty đã nhận được Giấy GCNĐKKD số 5900712753 sửa đổi lần thứ 14 liên quan đến việc chấp thuận tăng vốn điều lệ của Công ty.

Cũng vào ngày 22 tháng 2 năm 2016, Công ty đã hoàn tất việc mua 100% vốn góp trong Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương ("Cao su Đông Dương") từ Công ty TNHH Đầu tư Cao su Cường Thịnh và Công ty TNHH Đầu tư An Thịnh theo các hợp đồng chuyển nhượng số 01/2016/HĐCN ngày 20 tháng 2 năm 2016 và số 02/2016/HĐCN ngày 20 tháng 2 năm 2016 với giá trị nhận chuyển nhượng lần lượt là 770 tỷ VND và 880 tỷ VND. Theo đó, Cao su Đông Dương đã trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày 22 tháng 2 năm 2016.

Vào ngày 9 tháng 3 năm 2016, Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc ("HAĐL"), Công ty con của Công ty, đã nhận được Thư Thông Báo số 11/2016 ngày 9 tháng 3 năm 2016 từ ACB - Chi nhánh Gia Lai, về việc thu hồi nợ cũng như xác nhận số dư với HAĐL. Như được đề cập trong thư, ACB đã bán giải chấp 20.022.500 cổ phiếu HNG sở hữu bởi Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai trong tổng số 28.405.000 cổ phiếu được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay từ ACB trị giá 178.581.238 ngàn VND (Thuyết minh số 23.4). Việc thanh lý tài sản thế chấp trên được diễn ra từ ngày 19 tháng 2 năm 2016 đến ngày 4 tháng 3 năm 2016 với mức giá từ 7.400 VND/cổ phiếu đến 8.300 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN
(tiếp theo)**39. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM (tiếp theo)**

Số lượng 8.382.500 cổ phiếu thế chấp còn lại cũng đã được ACB giải chấp vào ngày 8 tháng 3 năm 2016. Theo đó, HAĐL đã không còn số dư nợ vay với ACB vào ngày 9 tháng 3 năm 2016, và số dư nợ vay từ ACB trị giá 178.581.238 ngàn VND đã được trình bày như khoản vay dài hạn đến hạn trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty chưa thanh toán một số khoản nợ gốc và lãi của các khoản vay và trái phiếu đến hạn. Ngoài ra, Nhóm Công ty đang vi phạm một số điều khoản ràng buộc của các khoản vay ngân hàng và trái phiếu như trình bày tại Thuyết minh số 23.

Hiện nay, Ban Giám đốc đang tiếp tục thương lượng với các chủ nợ chính nhằm tìm giải pháp cho tình hình tài chính của Nhóm Công ty. Nội dung của các buổi thảo luận chính bao gồm việc cơ cấu/hoán đổi gia tăng thời gian trả nợ gốc đối với dư nợ tín dụng và trái phiếu lên tối thiểu 3 – 15 năm. Cơ cấu, giãn thời gian trả lãi thêm 3 năm, giảm lãi suất cho vay, ứng xử đối với khoản vay mới và việc duy trì hạn mức tín dụng đã cấp cho Nhóm Công ty.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.



Hồ Thị Tuyết Loan
Người lập



Đỗ Văn Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng
Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2016





HAGL Agrico

Địa chỉ trụ sở chính:

📍 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng,
Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

☎️ (84.59) 22 22 283

📠 (84.59) 22 22 218

🌐 www.haagrico.com.vn

